

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG (PHẦN 1 - HẠ)

Đầu đề quyển thượng như trước giải thích, nay gồm chia đối lược có bốn điểm khác nhau.

1- Y cứ năng sở, ba chữ trên đề luật là sở tông, bảy chữ dưới đề Sao là năng tông. Lại trong đề luật, Tứ Phần thuộc về năng tập, Luật là sở tập. Trong đề Sao, ba chữ san, bố, hành là năng. Ba chữ phồn, khuyết, sự là sở. Lại chữ Sao là năng, hành sự là sở.

2- Y cứ chung riêng, đề luật là chung, suốt các bộ cho nên đề Sao là riêng. Cuộc hạn văn nay cho nên Tứ Phần là riêng, một trong năm cho nên chữ Luật là chung, các tông đồng xứng cho nên sáu chữ San... là riêng. Vì không chỗ lạm cho nên chữ Sao là chung, do dung hợp nhau.

3- Y cứ theo người chia, luật là Phật chế, Tứ Phần là bộ chủ tập, sao do Tổ Sư soạn.

4- Y cứ tiếng Hoa, tiếng Phạm. Ba chữ trên dịch Phạm thành Hoa, dưới đều là tiếng Hoa, Phạm nói là Chiết-ly, Chất-ly, Hán dịch là Tứ Phần, theo phong tục xứ này nên xa đổi lời kia. Biện luận tiếng Hoa, tiếng Phạm như trong giải thích tương, rất biết phiên toái giảng học, phân tích văn chẳng được không, người quên nơm lại phiên hoạn gì, bọn chấp chỉ không nói cũng chấp, đâu thể nào không?

Trong thiên nêu tông khuyến học. Văn cuộc hạn quyển thượng, nghĩa gồm một bộ. Mười một thiên sau chánh rõ chúng hành, nhưng thành biện Tăng sự phải nhờ bốn duyên: Nhân, pháp, sự và xứ, thiếu một không thể được. Nay các thiên này y theo đó mà nêu. Thứ hai, ba, bốn là người năng bình, thứ năm là pháp bị bình (thừa), thứ sáu tức pháp sở bình, về sau sáu thiên là pháp được giúp. Sự lại có ba, bảy và tám, chín tức có tình sự, mười và mười hai tức chẳng tình sự. Một thiên an cư tức hai hợp sự (vì người y xứ, nếu y cứ trong thiên, chia phòng, thọ nhật, đều là phi tình như vậy).

THIÊN GIẢI THÍCH NÊU TÔNG:

Văn của một bộ bao gồm văn thể ba tạng, chánh ý chỉ về giới luật, cho nên ngay khi nêu ra chánh tông rõ bày đức tốt, giúp phàm phu học tập có chỗ để tâm, không luống công sức, cho nên đặt thiên này ở đầu quyển.

Tiêu là chỉ dạy, tông là giới.

Hỏi: Sau nêu bốn món, cái gì là Tông?

Đáp: Nếu làm riêng chỉ có pháp là tông. Sau nói là tông thể hoặc pháp thể, tông pháp xen nêu chỉ riêng nào có nghi ngờ. Nếu y cứ luận chung thì bốn món đều là tông, vì giới pháp gồm ba món khác. (tờ 179)

Nói hiển đức là rộng dẫn giáo tướng, khen bày công đức của giới, nay biết bốn thọ chuyên khuyên giữ gìn, tức khoa sau nói rằng: “Thuận giới thì Tam Bảo trụ trì, làm việc Tỳ-kheo”, đến văn có thể thấy. Từ xưa chương ký đều dùng khoa nêu tông làm thể, tăng rất mất ý văn, như sau công đó.

Nay rõ thiên này chỉ bày học tông, khuyến khích gìn giữ vâng làm, thông suốt các thiên gồm phát ba hạnh, là do Ni Sao đề nói rằng “Khuyến học”, y cứ kia nghiệm đây mới thấy tâm Phật. Người học gặp văn càng phải dụng ý, dẫn dắt khai dạy rất tinh tường, muốn cho mắt trí mở sáng, đường học không bít lấp, đây mà không suốt thì các chỗ khác đều mất công khuyến khích.

Chú có hai ý:

1- Mở chương, vì trong thiên này không nêu riêng.

2- Tức giải thích đề.

1- Do hai môn này hợp nhau, đó là đề mục, e người không hiểu cho nên chú thích. Khen giáo trong văn, chữ Luật là pháp, dưới biển đều là dụ, nay trước nêu dụ, sau đó hợp pháp. Ba chữ đầu rõ dọc sau, câu kế rõ ngang rộng, tuy hai câu sau rõ dung mà không tạp, thẳng hai câu sau rõ miễn mà không lạm, xung cũng dạy sâu, lần lần sâu vào, đâu có cùng tận. Thông muôn tượng là trời đất muôn vật đều nhờ thấm nhuần. Bao gồm, v.v... là trăm sông qui về, không giữ thầy chết là vì tình trong sạch. Đăng nhạc là thể buông lung, nhạc dụ cao kia, mây dụ sự cho động kia là dụ trong dụ. Triều không lỗi là lên xuống có giờ, cho nên pháp hợp giữa và đầu hợp dọc sâu. Chư Phật lâu xa, ba thừa Thánh Hiền do giới giúp thành đến hiện tại vị lai lần lựa không cùng, cho nên giới số nói rằng “Trước tròn thánh quả, sau đủ nhưn hiền”. Dân sinh nghiệp đời, sau lần lựa trụ trì, chúng sinh không cùng, giới cũng không

cạn, tức giới bốn nói rằng: “Như Chư Phật quá khứ, chư Thế tôn hiện tại và vị lai đều tổn kinh giới”.

2- Hợp ngang rộng ba nghĩa mà giải thích:

A- Rõ khắp cảnh. Pháp giới mười phương, hai báo y chánh, tình và phi tình đều là Giới.

B- Y cứ nghiệp cấm: Ba nghiệp, bốn oai nghi, tạo tác hành động ba ngàn tám muôn đều là thánh chế.

C- Y cứ theo giúp hạnh: muôn hạnh do đây mà sinh, các thiện đã trụ ba thánh đạo thành tựu đều do giới xem xét.

Cho nên hợp trong thứ ba giới pháp hoằng thông lời thầy dạy trong chín đường. Người gồm thân cả bảy chúng, thú là gồm phi nhân và súc sinh (bốn tông nhận chung năm tám) nhiếp giúp không sót, cho nên nói rằng “không ngoài”, nhưng thì hoặc trái trọng cấm, giáo đã không dung. Năm chúng thì tro bụi nhiễm ô dòng trong sạch quyết thêm phạt diệt tận, còn bao nhiêu thì vào đạo không lợi ích, thường chướng ngại xuất gia. Nếu luận trị diệt tận thật thông các thiên, nhưng đối với thay chết cần ước bốn giới trọng, tức lời tựa luật chép: “Thí như có cây chết, biển lớn sẽ không dung nạp, bị gió lớn thổi dạt vào bờ”, các hành giả làm ác dụ như cây chết kia, chúng tăng không dung nạp, do đó phải giữ giới.

Hợp bốn thứ, là chỉ, tác, trì, phạm, tùy duyên khởi chế. Tuyên tướng hoạt bát dụ như sóng ngời, nhưng thiên tụ nặng nhẹ, duyên phạm đủ, thiếu, định là phạm hay không, mảy may chẳng sai sót. Chúng biệt hành tướng tạo tác có oai nghi, như chẳng thành bại, không cho lạm khác, như triều có tín, pháp dụ càng bày. Luật nói “Biển có tám phép đặc biệt:

- 1- Tất cả các dòng đều đổ về biển.
- 2- Thường không mất hạn triều cường.
- 3- Năm sông lớn đều chảy về biển mà mất tên gọi cũ.
- 4- Năm sông lớn và trời mưa đều qui về biển mà không thêm bớt.
- 5- Nước biển đồng một vị mặn.
- 6- Không nhận cây chết.
- 7- Sinh ra nhiều châu báu.
- 8- Là chỗ ở của loài hình lớn.

Trong đây lược nêu chưa hẳn hoàn toàn đồng. Như bài tựa giới bốn, nhưng rõ hai đức hẳn muốn gượng phối, đến văn tự dứt.

Trong khuyến trì, khoa đầu rõ việc của người xuất gia chỉ có hai việc: 1- Phải thọ giới. 2- Phải học đạo. Trong phần đầu, câu trên là nêu

người, phạm nghĩa chẳng phải một. Xí dự là đối sau. Mộc tâm là chỉ thân miệng. Phạt pháp sâu xa nhiệm mầu, có lòng tin mới vào được, cho nên nói là “huyền môn”. Khắc sâu chỉ bày chỗ học, khắc giống như phải. Thanh cấm tức giới pháp, giới ngăn bậy nghiệp, cho nên không cho trái. Hai là trong học đạo, câu ban đầu nêu người. Chánh đạo trọng sạch, tẩy rửa bụi trần, cho nên dụ như nước, mển luyện rõ chỗ tu, mộ tức chí niệm, nêu cốt yếu tức chỉ cho định tuệ. Định vắng lặng, tuệ sáng suốt, không theo dục trần cho nên không nhiễm đời. Trên y cứ ba học sự lý, nghiệp hoặc đối nhau để rõ, nên biết người xuất gia nghĩa không học, nghiêng về một bên, chuyên sự mờ đạo thì chẳng khác phạm phu ưa đạo quên sự, do đâu tu chứng.

Trên là đối rõ ba môn học, cho nên dưới hợp bày hai lợi.

Hai câu đầu chính là bày đức. Ích thời tức vật ngoại dụng đều giữ gìn, sinh thiện thành lợi tha. Vượt lưới trần, ít dục, bật phiền lụy thành tự lợi. Bởi sau suy lý do kia. Hai câu trên rõ công lợi tha vốn do tịnh giới. Hai câu dưới rõ đức tự lợi thật nhờ định tuệ. Pháp tức là giới, đạo tức định tuệ.

Trong không học, khoa đầu, hai câu trên là nêu người. Kiêu mạn là thời, biết cạn là không hiểu biết. Dung kiến là đồng với trần tục. Tuy sau bày tướng thấy cạn, trước lại phân định hai câu đầu rõ ít học, hai câu kế rõ hạnh mỏng, hai câu kế nữa rõ tình sơ, lại hai câu kế nữa rõ chí bít lấp, cuộc hạn sau đến thể rõ là ngôn luận thế tục thấp kém. Danh tham là không thật đức. Truy phục tức mặc áo màu đen. Không y Luật là trái thánh giáo. Cho nên sơ đã là không câu buộc, nên chân yếu cùng chân thú sau đều chỉ ba học ở trước. Phong dụ như đóng kín. Ôm gốc cây dụ kẻ ngu kia. (Hàn Tử nói: “Nước Tống có người cày ruộng, thấy trong ruộng có con thỏ chạy đâm đầu vào gốc cây gãy cổ mà chết, do đó giải thích người cày ôm gốc cây mà đợi được thỏ nữa). Chí tức là tâm. Bật trông thông là không hề thấy gì.

Còn đối với ngôn luận, hai câu đầu nghĩa là không thật khảo xét, cuộc hạn bít lấp. Chi dụ như ở, thủ là đầu. Câu này tiếp trên sinh dưới. Bốn câu kế rõ hỗn tập đồng thế tục. Sự tức việc đã nói, nghiên cứu sau nên tích học để so sánh. Âm thác nghĩa là không hiểu việc trước, tối tăm là đó. Thể tức là hiểu. Trong bốn cái bày lỗi thì điều ban đầu rõ lạm giáo. Thực hành trái chế vọng cho là y luật, cho nên là lạm. Pháp ty tức Luật tông, luật thật không phải vậy mà người ngu cho là vậy; cho nên là kia loạn, tức người học thế gian nói luật dạy người tự đối chác áo vải nói là vâng lệnh vua; tối ăn cháo cổ chay cho là tùy phương tiện; ăn

nuốt phi thời vọng nói chưa hẳn là ác chữ; tham uống rượu thuốc lại nói bị bệnh phải trị; ngu tăng không học, truyền cho là khẩu thật (nói thật); dối Thánh loạn pháp có gì qua đây, người sau có hiểu biết phải cẩn thận chớ theo tà, buông lung về sau.

Kế rõ chuyên nhậm. Tứ là buông lung. Thuận tình mình là chẳng phải chế mà chế là buông lung. Trái ý ta là chế liền dứt gọi là đoạt. Sự đã trái pháp, người có ai chẳng theo, liền lấy oai võ ức chế mà khuất phục họ, cái gọi là Tỳ-kheo trì giới lại bị trị tẫn, cho đến La-hán cũng bị đánh mắng tức là việc kia. Bạo là hung ác, khắc tức là xâm hại, còn chẳng phải ba học so sánh. Tục tiết tức lễ ở đời, lễ để tiết chế con người. Khổng Tử nói: “Chẳng phải lễ chớ nhìn, chẳng phải lễ chớ nghe, chẳng phải lễ chớ nói, chẳng phải lễ chớ siêng”. Khúc lễ nói: “Ngạo mạn không thể thêm lớn, lòng dục không thể buông lung”, đây là sách Nho dạy hành động quyết hợp lễ không cho buông lung cao ngạo, thì đâu có người học đạo xuất thế lại thành buông lung, đến đời sau bốn câu bày tỏ hai. Câu trên rõ đường học bít lấp, câu kế rõ diệt pháp luật, hai câu dưới là than thở.

(tờ 180) Bàn là tảng đá lớn, quả khốn Chu Dịch nói rằng: “Khốn ở đá, chiếm nơi cỏ ấu” (chú rằng: đá là vật cứng mà không nạy) dụ cho phạm phu ngu tối lạng lạng làm thầy, vọng làm phi pháp, thì khiến người sau giải hạnh không tiến như bị khốn trong đá, nếu lại không học thì hổ thẹn rơi vào không biết như chiếm cỏ ấu. Đây là hiện tượng tới lui không thể được, đường đời chạp mắt đâu không rõ ràng, ở nhờ nên là ngựa vấp dây cương, hẳn lại buộc xe, hai điều này là vật cốt yếu của cang xe. Luật là quan trọng nhất trong sự giữ gìn, cho nên để so sánh.

Trong phần nêu hưng thế, câu đầu lời thông trên dưới. Trước chép biết cạn cho nên thế, sau khuyên sùng sự sâu xa hẳn khởi. Câu kế dặn người học sau. Lại sau hiển bày lợi ích trí Phật sáng rõ, cho nên dụ như mặt trời, pháp có thể bẻ gãy nghiệp hoặc, cho nên dụ như vòng xe. Nếu được người kia thì Tam Bảo được trùng hưng, trái trước tráo trở suy sụp, cho nên nói là “tái”.

Trong phần chánh nói, khoa đầu mong sau giải thích tướng, cho nên nói rằng “lược chỉ”. Tông tức là pháp, chứng đều không nghi, khiến sau bày ý. Hưng nghĩa là phát tâm, kiến là lập hạnh, biết thể tấn hạnh thành nhân cảm quả, cho nên nói rằng “có nhờ”, như văn sau kết.

Trong lãnh thọ, văn đầu là hai, trước bày pháp thể. Câu trên rõ giới pháp có khả năng giúp người. Câu dưới rõ giới thể là gốc lập hạnh. Khí tức là cơ, lớn nhỏ, phạm thánh, đạo tục, bảy bộ thượng, trung, hạ

tâm đều giành được. Thú là qui thú, thể có công năng sinh hạnh, hạnh lại giữ gìn thể, dùng hạnh trông thể, thể là chỗ quy về, cho nên biết Tỳ-kheo dùng thể làm gốc. Lãnh nhận một chút sai sót thì trọn đời luống uổng, tan nát việc lớn một đời không thể cẩn thận hay sao?

Kế sau nói về được mất, ban đầu nói được, y theo phần thọ giới phải đủ năm duyên mới phát giới phẩm.

1- Năng nhận có năm:

- Phải là loài người
- Các căn đầy đủ
- Thân thể trong sạch
- Đủ tướng xuất gia
- Được chút phần pháp

2- Sở đối có sáu: Giới, Tăng, Đủ số, Nhóm hết, Bạch tứ Yết-ma và đủ giúp duyên.

3- Phát tâm cầu xin giới.

4- Tâm cảnh tương đương.

5- Sự thành rốt ráo.

Nay dùng một câu khéo sạch đối đầu một và ba câu xứng duyên liền đầu thứ hai. Một câu “mới liền” tức đầu bốn và năm, khắc dụ như bên được.

Như kế nói về mất. Ba câu đầu nói về duyên trái không được, tức ngược năm duyên không đợi hoàn toàn sai, có chút sai trái liền mất cho nên nói “mảy may”. Đồ là hư luống. Toàn sau bày lỗi không giới, câu trên mất tự lợi, hai câu dưới mất lợi tha.

Trong phần kết giáo, hai câu đầu chỉ cho người bị nói. Sạch thân nghĩa là chí ưa bền tu. Tròn quả tức tâm mong cực chứng. Không v.v... trở xuống là một câu răn nhắc khinh lờn. Hấn v.v... trở xuống là dạy dụng ý. Chuyên chí là có chỗ đến. Nhiếp lự là không tưởng khác. Khế là tâm hợp với pháp trước. Nhập tức qui pháp về tâm trệ ngại. Cho nên ở dưới dẫn chứng là kinh Niết-bàn quyển 18, kia v.v... nào nhớ giới Bồ-tát mà suy nghĩ, có giới không phá, không lậu, không hoại, không tạp (không phá tức bốn trọng, không hoại là các giới khác, không lậu không tạp tức khinh và trọng, phương tiện nầy y theo Bắc Viển Sớ). Tuy không hình sắc mà giữ gìn được (phi sắc), tuy chẳng xúc chạm đối người khéo tu phương tiện có thể được đầy đủ (phi tâm), được Chư Phật và Bồ-tát khen ngợi, là Đại Phương Đẳng, là Đại Niết-bàn, nhờ đây chứng lại tâm, lãnh nhận có giới đâu nghi?

Trong gạn giải thích, khoa đầu, hai chữ trên là gạn chỗ thọ, chữ

“phát” trở xuống là khai chương. Chữ “đãn” trở xuống là giải thích ý, ban đầu chép rộng. Chữ “thả” trở xuống là bày cốt yếu. Trong phần đầu, hai câu trên y cứ vào pháp nói rộng. Năm giới, tám giới, mười giới đủ bốn vị khác nhau, hoặc y cứ vào nghiệp, chủng loại bảy chi. Hoặc từ chỗ chế thiên tụ nặng nhẹ (đồ kết trái lại âm dật). Xe cộ đưng nhau, lỗi dụ kia nhiều mặt. Hai câu kế y cứ tâm nói rộng, tức bốn vị trên đều có ba phẩm. Như hai câu sau thì cảnh rõ rộng, tình và phi tình không thể đếm, cho nên chỉ bày cốt yếu. Trung xu là cái chốt cửa, cũng lấy nghĩa cốt yếu, muốn hiểu bốn khoa trước thì cần lược bày. Bậc Thánh chế giáo gọi là Pháp, nhận pháp thành nghiệp gọi là thể, y thể khởi được tên là hạnh, vì hạnh có nghi, danh, tướng. Có người nói rằng: “Chưa thọ gọi là pháp, thọ rồi là thể, nay thì không phải như vậy. Pháp là nghĩa suốt cả trước sau, đâu có thọ rồi mà không được gọi là Pháp. Phải biết, ba thứ sau, từ được hiệu đầu ở đây, cho nên mỗi mỗi đều được gọi là giới, hoặc có thể đều dùng chữ “Pháp” để suốt đó, mới hiển thể và hành tướng chẳng phải những cái khác thiếu thiện.

Hỏi: Vì sao chỉ bốn chữ không nhiều hơn hay ít hơn?

Đáp: Nhiếp tu trước sau không thừa hay thiếu, cho nên tùy hạnh một hạnh, bốn nghĩa đầy đủ, nói có thứ lớp, hạnh không trước sau.

Hỏi: Pháp và thể đồng khác thể nào?

Đáp: Nghiệp Sở chép: “Thể là gốc của giới pháp nương”, ở đây thì pháp là năng y, thể là sở y, chẳng thể nói là đồng. Lại nói rằng: Nạp thánh pháp vào trong tâm, tức pháp là giới sở nạp, thể y cứ đây chẳng thể nói là khác. Nên biết nói pháp chưa hẳn là thể, nói thể chưa hẳn đã là pháp, không tức chẳng lìa, chẳng đồng chẳng khác.

Hỏi: Hành tướng vì sao lại khác?

Đáp: Vì ba nghiệp phân chia. Trong giới pháp, văn đầu có hai:

1- Nêu bày lời dụ. Thẳng xuống là nói pháp tuy có hai thông nhưng không thể giải thích, nhưng từ Thánh luận cho nên nói là “trực”, là quyết định. Phép tắc thành là bày pháp nghĩa. Đạo xuất ly Thánh đã chứng. Giải thích tướng khoa là gốc của thánh đạo, tức đồng với ý ở đây. Cốt yếu sau nêu lý do theo thánh, nhưng đây chỉ bày công sức của pháp, văn không rõ chỉ cái gì là pháp. Ý khiến người học được mà được.

2- Khoa kế, hai câu đầu tiếp trước, nay sau chánh chỉ bày. Đã thành Sơ quả trở lên chỗ tu ba học gọi là Thánh đạo, cho nên nay tuy ở phàm cũng gọi là Thánh pháp, trong nhân mà gọi quả.

Trong ba, ban đầu rõ lập chí. Hai câu trên rõ một việc gần, trái

tục hưởng đạo, được việc giải thoát ở nhân phàm, cho nên hai câu sau rõ trong mong quả xa. Dứt hoặc chứng lý tức lý giải thoát là quả Thánh. Lụy là kết sử ba cõi, ngoài nghĩa là hai thứ Niết-bàn lại chúng.

Trên y cứ thân nghi khác với thế gian, dưới y cứ tâm hạnh trong sạch. Hẳn sau khuyên sớm học. Nói hẳn dự là không được phải thời, cho nên tâm này tức hai tâm xa gần ở trên. Tùy người là tùy căn cơ hơn kém, cho nên sau chỉ bày tương ứng. Câu đầu nạp pháp làm thể, câu sau y thể khởi hạnh, hạnh phải gồm tướng, bốn món đầy đủ, cho nên sau kết tên, do y thể khởi, trì danh theo hạnh.

Trong giới thể, khoa đầu là hai. Ban đầu chỉ có văn khác, Thông luận tức tông luận chẳng giải thích riêng, như Luận Thành Thật, Luận Bà-Sa, luận Tạp Tâm, Luận Câu Xá, v.v... chỗ phát tức vô tác, sau nêu ý này. Tướng là tướng trạng của tâm. Trong chánh bày có ba câu thì hai câu đầu trình bày giới lượng. Pháp giới là y báo, chánh báo của mười cõi. Trần sa dụ cho số nhiều. Hai đế là Phật chỗ lập giáo, đây gọi là y cứ cảnh bày giới cho nên nói “các pháp”, trở về sau chánh nói về tâm tướng. Câu đầu lập thế trọn một đời, câu kế gồm chung lễ kính, lời bày hai nghiệp thân miệng, chữ “thiện” trở xuống rõ bật vọng niệm. Chữ “trắc” trở xuống nói về tâm pháp tương ứng. Trắc tư là gốc thành nghiệp, nhân được giới, trong ba phẩm tâm tùy phát những gì. Tuệ sáng là trở lại soi tâm cảnh như lý, xứng giáo mà chẳng phải cảnh trước, vọng duyên tướng điền đảo. Hoặc do bốn chữ giải riêng: Trắc là phát tâm, tư là duyên cảnh, minh là có ghi nhớ, tuệ là xem xét. Trên rõ dụng tâm, dưới rõ hợp pháp.

Do trên khởi tâm quyết cần khắp duyên trần sa các cảnh, pháp từ cảnh chế, lượng cũng cùng khắp, tâm tùy pháp sinh, pháp rộng tâm khắp, tâm pháp tương ứng, hợp và nắp tương xứng, cho nên nói rằng: “thâm thâm hội hợp”. Pháp dụ ở cảnh dùng tâm đối trông, cho nên nói là “pháp trước”. Sau nói rằng pháp kia nghĩa cũng đồng, từ đây trở xuống là nói về nạp thể. (tờ 181)

Hai câu đầu nối tiếp trên thâm hội, dưới rõ pháp tùy tâm khởi, Pháp là vô tình do tâm duyên, cho nên lại tức tùy tâm, cho nên khi ba lần yết-ma thì ban đầu động cảnh, kế là nhóm nơi không, sau vào nơi tâm, pháp y tâm nên gọi là pháp thể. Chữ “lãnh” trở xuống là bày thể sở tại, nếu y cứ vào đương phần thể đúng sai, tâm không hiển chỗ nương, thể khác với tâm, nay nói ở tâm là lấy tròn ý, tức chỉ Tạng thức là chỗ sở y. Hai câu này chính bày vô tác, người xưa lại nói rằng đây là tác thể, đâu có trong tâm chỉ lãnh tác ư?

Hỏi: Nếu là vô tác tức là chỗ phát, vì sao văn trước chỉ như thông luận?

Đáp: Trong đây chỉ nói lãnh nạp ở tâm, không rõ chỗ nạp là sắc hay chẳng phải sắc, cho nên chỉ như kia, giải thích rõ tướng rộng.

Hỏi: Trước nói rằng chánh rõ tâm tướng năng lãnh, đâu chẳng phải tác giới?

Đáp: Đây gọi là dùng tác hiển bày vô tác.

Hỏi: Sao không thẳng bày vô tác mà rõ tâm tướng?

Đáp: Tâm năng lãnh phát thể, chánh là muốn riêng đây bày còn các chỗ khác đều không có văn. Nếu khảo sát ngược duyên do của pháp thì quyết thành sở thọ, nếu mê ý chỉ này các điều khác làm sao nói? Hoặc không nhớ vọng duyên, hoặc thiếu bao nhiêu thiện vọng tướng một đời, trọn đời gặp nghi không đủ giới, lời Thánh có ý chỉ, cho nên ở đây nêu bày nghĩa không luống uổng.

Trong giới hạnh có ba: đầu tiên là tiếp khoa trước. Chữ “ắt” trở xuống là bày hành tướng, phương tiện có hai tức giáo là hạnh. Giáo nghĩa là luật tạng quyết nương thầy mà học. Hạnh nghĩa là đối trị là ở mình tu, do gốc cùng tâm lãnh thọ giáo mong hành dùng làm thọ thể, nay lại như thể mà học mà tu. Văn rõ xem xét dường như khắp y cứ vào hạnh, nhưng lia lỗi đối trị thì không lập. Lời rộng tu, lý phải bao gồm, xem xét tức tâm, tâm tức hành thể. Y theo số thì đủ ba thứ là năng nhớ, năng giữ, năng ngăn ngừa; Một tâm ba dụng đều thuận thọ mới thành tùy hạnh, đây gọi là năng xét, oai nghi thân miệng tức là bị xét. Hai câu này rõ thành tựu hai trì, xa lìa hai phạm, mà nói rằng thân miệng lại y cứ lỗi thô. Y cứ nay bày nghĩa chung ba nghiệp, xem xét chánh là bày tu hành. Sau nói rằng mền thánh rõ nêu chí kia. Khắc dụ như định, cùng là tôn trọng. Trước thánh chung gọi ba thừa đã thành đạo. Chữ “trì” trở xuống là kết bày danh nghĩa, giữ tâm là hành, sau khởi thuận trước bày nghĩa tùy hành. Sau dẫn kinh chứng văn như trước đã dẫn, nhưng đối cụ tức thành thanh tịnh. Cụ tức là không thiếu, tức là thanh tịnh. Trong giới tướng có hai, ban đầu liền nương trước. Chữ tùy trở xuống là chánh chỉ bày.

Hỏi: Trong thiên giải thích tướng, dùng giới bốn làm tướng có khác với ở đây không?

Đáp: Đây y cứ hạnh rõ, kia y cứ pháp mà giải thích. Nhưng hạnh quyết theo pháp, pháp làm phép tắc cho hạnh. Văn chép: Động thì xứng pháp, đâu không rõ ư?

Trong phần bảy đức khoa đầu, từ đầu cho đến có thể hết là kết

văn trước, thẳng dẫn sinh ra ý sau. Văn đầu, ba câu trên là kết khen, xuất đạo vốn nương đối sau thành quả, tức y cứ tu nhờ dùng luật bốn, y nghĩa là nền tảng. Tông cực là pháp thân do thành cho nên chuyển thành quả đức, các Thánh ái kính ủng hộ, tức như giới bốn nói “Chư Phật ba đời đồng tôn kính, Thánh hiền đều khen ngợi”, cho nên sau chỉ bày tông ý nêu ở đầu.

Chữ tri trở xuống là nói khai ngộ vâng làm, chữ hạ sắp là nói tự tha được lợi ích. Từ chữ dư trở xuống là nói ích lợi giữ gìn. Công đức trở xuống là kết bày không cùng. Trong sinh sau thẳng dẫn là không tự nói khiến sinh lòng tin. Chữ linh trở xuống là khen cái đẹp của kẻ hậu học, khiến bền giữ cho nên hoặc đúng. Từ đầu cho đến có v.v... là kết trước. Chữ biết mình trở xuống là sinh sau kết trước, đồng giải thích ở trên. Đến trong phần sinh sau, ban đầu đến hết là bày đức, thẳng xuống là nói dẫn hiển, tức hai chữ hiển đức trong tựa đề. Bậc Thánh nói là sau dẫn kinh, luật, luận của hai thừa Đại Tiểu hoặc là Phật nói hoặc người khác nói, đều là Thánh cho nên lại đúng. Tuy chung cho người khác nói lại là thuật ý Phật, đây thì Thánh nói chỉ là Như lai, Thường là xét, Chư là chi.

Trong phần dẫn chứng, khoa đầu trước y cứ trái thuận khai chương, việc Tỳ-kheo là chung ở chúng khác. Nói phiên chủng ấy, vì giới là nhân thoát khổ, thọ lại thêm. Chữ chủng mà khứ tịnh, nghiệp khổ là nhân ác. Chữ dẫn trở xuống là bày rộng nêu lược. Nói kinh luận là gồm luật ở trong ấy. Nhất hóa là khi mới thành đạo cho đến đêm cuối nhập Niết-bàn, chặng giữa giáo pháp đều dẫn đó, cho nên nói nhất hóa cùng gọi là nhất kỳ. Trong kinh Tiểu thừa, khoa đầu kinh Bát Niết-bàn. Đời Đồng Tấn, Pháp bốn đã dịch, ma vương thỉnh Phật nhập Niết-bàn, Phật liền hứa nhập, A-nan sáu khổ ba lần thỉnh Thế tôn trụ ở đời một kiếp, Phật nói kệ rằng:

*Ta đã nói các pháp
Tức là thầy các thầy.*

Lại nói rằng: “Các thầy siêng năng tinh tấn như lúc ta còn ở đời không khác”, nay lấy ý văn kinh có hơi khác. Văn Di Giáo thấy ở quyển đầu, luận giải thích rằng “Thị hiện Ba-la-đề-mộc-xoa là Đại sư tu hành”, cho nên thị hiện nhân pháp giữ gìn giống nhau. Cố đẳng là như các kinh.

Khi Phật sắp nhập diệt, A-nan thưa hỏi bốn điều, mà điều thứ hai là hỏi: “Sau khi Phật nhập diệt lấy ai làm thầy”, Phật nói “Lấy giới làm thầy” (câu một hỏi “y vào đâu mà trụ” Phật đáp “y bốn niệm xứ mà

trụ”. Câu ba hỏi “Ở đâu kinh để lời gì? Phật dạy “Để câu tôi nghe như vậy”. Câu bốn hỏi “Trị Tỳ-kheo tách ác bằng cách nào?” Phật dạy “Trị bằng pháp mặc tẩn”).

Hai, là trong phát thú, phát nghĩa là khởi hành, thú nghĩa là thời kỳ. Muôn hạnh là nêu đại số kia. Tông nghĩa là tôn, chủ của nghĩa trong muôn hạnh thì giới là trên hết. Sở dĩ như vậy là vì có nhiều nghĩa: Một - Do vì giúp từ đầu, Hai là có hện thể, Ba là có bốn thể, Bốn là nhiếp cảnh khắp, Năm là gồm chỉ tác, bao nhiêu hạnh không có nghĩa này, cho nên là thấp, là khách.

Cho nên sau dẫn chứng xưa ghi rằng tức kinh Thiện Sinh, nhưng cùng lời tựa Giới Bốn lời và ý hợp nhau. Câu trên gồm cả hai câu kia cho nên nói là “đồng”. Giới dùng chân để dụ rất phù hợp với nghĩa phát thú, nhưng theo quyền ý lại chỉ cho người, trời, phải biết “thú” thật không có năm thừa như trước đã giải thích. Trong ba điều thì ban đầu là nêu dụ. Đất có hai nghĩa: Một là năng sinh, hai năng giữ.

Hai là dẫn Di Giáo chỉ được nghĩa đầu, ở trên nói rằng các điều thiện có cả lậu và vô lậu, động và bất động. Dưới nói định tuệ phải y cứ Thánh đạo chỉ ở vô lậu và bất động. Lại sau dẫn văn luật đều bày hai nghĩa, tức bốn luật trong văn kiện-độ thuyết giới. Mà nói kinh là tên chung của ba tạng vì đều là lời Phật nói (xưa nói rằng kinh Thiện Sinh, nghiệm kia không văn). Trước dẫn văn, tức sau dụ hợp kinh nói là hành căn, tức là năng sinh. Ba tên y cứ dụ thì một là Sư, hai là túc, ba là địa. Hợp pháp thì một là phép tắc, hai là nhiếp hạnh, ba là năng sinh công đức. Trong luận Tiểu thừa Thành Thật ba dụ: trú dụ y trì, quách dụ ngăn chế, ấn dụ vì người đã tin. Ban đầu nói đạo phẩm tức là tuệ học, kế thêm sâu tùy chỗ thấy, cho nên như lên lầu nhìn, tức ba mươi bảy phẩm: Bốn niệm xứ (1/ Thân bất tịnh. 2/ Thọ là khổ. 3/ Tâm vô thường. 4/ Pháp vô ngã. Phá bốn điên đảo tức là niệm xứ). Bốn chánh cần là:

- 1- Điều ác đã sinh khiến phải dứt.
- 2- Điều ác chưa sinh không để cho sinh.
- 3- Điều thiện chưa sinh làm cho sinh.
- 4- Điều thiện đã sinh làm cho thêm nhiều.

ở trong chánh đạo khuyên làm).

Bốn như ý túc: 1/ Dục. 2/ Tinh Tấn. 3/ Tâm. 4/ Tư Duy. Chỗ mong cầu đều được nên gọi là như ý.

Năm căn: 1/ Tín, 2/ Tinh tấn, 3/ Niệm, 4/ Định. 5/ Tuệ. Đều là năng sinh nên gọi là Căn.

Năm lực: Năm căn trên làm hoại hữu lậu bất thiện nên gọi là

Lực.

Bảy giác phần: 1/ Trạch pháp. 2/ Tinh tấn. 3/ Hỷ. 4/ Trừ. 5/ Xả. 5- Xả. 6/ Định. 7/ Niệm. Vô học thật giác bảy sự sẽ đến, nên gọi là giác phần.

Tám chánh đạo: 1/ Chánh kiến. 2/ Tư duy. 3/ Ngũ. 4/ Nghiệp. 5/ Mạng. 6/ Tinh tấn. 7/ Niệm. 8/ Định. Tám món đều lìa tà là chánh, thông với Niết-bàn gọi là Đạo.

Hai món thiền định; rõ là định học, định để ngăn tâm, ức chế vọng động, cho nên dụ như thành, tức đồng với Di giáo dụ đáy ao. Nghĩa là Bốn thiền và Bốn không định cùng các thiền tam-muội vô lậu. Giới là quách, quách nghĩa là ngoài thành (từ 182). Ba là nhập chúng, tức thuộc về giới học. Nghĩa là yết-ma và nói giới, hai món này ở trong tầng đủ giới thanh tịnh mới được dự. Cho nên hai câu sau kết khuyển, chỉ tìm hiểu trong phẩm Biệt giới, phần thứ hai của Luận Giải Thoát, nay vì lược dẫn.

Kia nói rằng: Nếu người có giới, vì có giới thành tựu không sợ (vô úy), vinh hiển bạn bè, các bậc Thánh yêu mến, bạn bè nương theo đây khéo léo trang nghiêm, là đầu các hạnh, là chỗ công đức, là chỗ cúng dường, là chỗ có thể phụ trách đồng học, đối với các pháp lành không sợ, không lui sụt, thành tựu tất cả ý nguyện thanh tịnh, dầu chết vẫn không mất, thành thực phương tiện vui giải thoát, công đức của giới vô biên như vậy.

Trong phần đầu của Luận Tỳ-bà-sa, câu đầu là chỗ thọ, sau nêu bốn nghĩa. Tiếng Phạm là Thi-la, Hán dịch là giới, nay dùng tiếng Phạm vẫn bao gồm nhiều nghĩa, cho nên lại giải thích.

Khoa kế, ban đầu nói nghĩa Thi-la gồm chín loại, cho nên phải dùng cả hai chữ Thi-la để suốt đó: Lành, trì, anh, kính, đầu, năm món này theo dụ; Mộng, tập, định, thế bốn món này theo pháp. Lại thứ tư nói về sinh định, kính đầu dụ cho phát tuệ, sáu món khác đương thể là giới, lại trong sáu món ban đầu rõ thể, hai là chỗ cảm, ba là dẫn hạnh. Trì nghĩa là diệt hoặc, anh nghĩa là bày đức. Thế nghĩa là công thắng nhiệt phá giới, đây vì trong kết nghiệp ba nghiệp ác, là trên quả chịu khổ. Anh lạc là nói ở đời con nít, người già, thiếu niên, trung niên có tốt, không tốt. Giới anh thì thường tốt, như gương sáng thì tượng hiện, giới tịnh thì lý vô ngã hiển bày. Chữ “vô ngã” là Tổ Sư thêm vào.

Trong oai thế, ban đầu nêu thánh để rõ đức Như lai nhiếp ma quân, hàng phục ngoại đạo. Nếu Phật còn ở chúng thì người phá tăng không thành, chúng sinh ngang bướng thấy Phật liền quy y lễ kính. Bao

nhiều ở sau dẫn sự để chứng minh.

Luận chép: Ở nước Kế Tân có con rồng tên A-lợi-na, tánh tình hung dữ, ở gần Tăng-già-lam, thường làm việc ác hại người. Lúc ấy có năm trăm vị La-hán họp lại dùng thần lực thiền định mà không thể điều khiển nó. Sau, có một người không nhập định chỉ búng ngón tay nói với nó rằng: “Hiền thiện! Hãy đi xa chỗ này”, con rồng liền bỏ đi. Các vị La-hán hỏi lý do, người kia đáp: “Tôi không dùng năng lực thiền định, chỉ dùng sự cẩn thận giữ giới, giữ gìn giới khinh cũng như giới trọng thôi”. Trong văn về sau liền dẫn lời người kia đáp, chỉ buộc lời nói kia.

Như chữ “đầu” thì đầu là nhận đủ sáu trần, giới thì gồm sáu điều lành, cho nên dùng dụ đó. Trong luận đủ đối sáu trần, nay nêu đầu và cuối, lược chặng giữa, cho nên nói rằng “cho đến”. Nay dẫn đủ, nghĩa là văn, danh, thân, v.v... nghĩa khứ hoa giác ý (tức bảy giác chi), thường sinh ra vị Tam-bồ-đề vắng lặng vô sự (Tam-bồ-đề dịch là chánh giác) giác thiền định, giải thoát, v.v... xúc. Khổ là quả tướng ba cõi, cho nên như sắc. Sắc ấm, v.v... tức là bốn ấm khác, Luận chép: Biết tướng chung tướng riêng (chung là tâm sắc, năm ấm là sắc chung tâm riêng. Mười hai nhập là tâm chung sắc riêng. Mười tám giới thì tâm sắc đều riêng).

Hai, là thủ tín: Do trái với bốn thọ thì thuộc về vô tín. Ba là hành, Bốn là khí; hai món này đều y theo dụ. Trong Phúc Thích, Cù Sa Sư Tử Truyện nói rằng: “Năm mươi hai thầy khác thường hay khéo nói pháp”, kia dùng biệt nghĩa giải thích chữ Thi-la ở trên, cho nên luận lấy đó. Chữ “như” trở xuống là nêu dụ, “hành” trở xuống là hợp pháp, tức đồng với giới bốn nói hộ giới đủ. Thông với trước gồm có mười nghĩa.

Kinh Đại thừa Hoa Nghiêm có nhiều nhà dịch, nay dẫn bản dịch đời Tấn sáu mươi quyển, tức phẩm nói về pháp thứ tám, văn có bốn đoạn, kia nói: “Bồ-tát ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh phát tâm bồ-đề, giúp Phật bảo không dứt mất, khai thị sâu vào các tạng pháp nhiệm mầu giúp Pháp Bảo không dứt mất, thọ trì đầy đủ oai nghi giáo pháp, giúp cho Tăng bảo không dứt mất (đây là đoạn đầu).

Lại nữa, đều khen ngợi tất cả đại nguyện nên giúp cho Phật bảo không dứt mất, phân biệt mười hai duyên khởi giải thoát nên giúp cho Pháp Bảo không dứt mất, thực hành sáu pháp hòa kính nên giúp cho Tăng Bảo không dứt mất (là đoạn thứ hai).

Lại nữa, gieo hạt giống Phật ở ruộng chúng sinh được sinh mầm chánh giác nên giúp cho Phật Bảo không dứt mất; không tiếc thân

mạng hộ trì chánh pháp cho nên giúp cho Pháp Bảo không dứt mất; khéo điều phục tâm đại chúng không lo buồn hối hận nên giúp cho Tăng Bảo không dứt mất (là đoạn ba).

Nay Sao năm câu trên đều trích văn trọng Tăng Bảo, hai câu đầu nói về hạnh riêng, câu kế là chúng hành, hai câu sau nói về nhiếp chúng. Hạnh quyết y pháp cho nên không lo hối. Chữ “khứ lai” trở xuống là đoạn văn thứ tư trong tổng kết. Phật pháp ba đời làm theo không trái vì hộ trì Tam Bảo, kinh Đại Tập dẫn văn phẩm mười Chín Hộ Pháp kia. Ban đầu dẫn lời Bồ-tát thỉnh, năm món cần bã ngăn trở sử sách là trước. Nói năm trước là:

1- Kiếp trước (kiếp trước không có tự thể riêng, nhưng bốn trước nhóm họp lúc này Kinh Bi Hoa chép: “từ kiếp giảm, lúc con người thọ hai muôn tuổi là thời kiếp trước”).

2- Kiến trước (là năm lợi sử)

3- Phiền não trước (là năm độn sử)

4- Chúng sinh trước (cũng không có tự thể riêng, năm lấy quả báo của lợi sử độn sử ở trước mà giả đặt tên)

5- Mạng trước (thường giữ sắc tâm, tàn phá năm tháng tuổi thọ ngắn ngủi)

Như các cõi là dẫn chỗ khác làm dụ để nêu ý thỉnh. Phật nói thôi đi! Thôi đi! Phật tự biết lúc, nhân duyên chưa đến thì không chế, do không liền chế nên nói là “hứa sau”.

Tát-già Ni-kiền là tên ngoại đạo dùng làm đề kinh, rộng như phần hai, nay lược trích dẫn. Kia nói rằng: Lúc Phật ở thành Uất-xà-diên có đại Tát-già Ni-kiền Tử cùng tám mươi tám ngàn muôn Ni-kiền Tử, đi đến các nước giáo hóa chúng sinh (đây đều là đại quyền thị hiện) lần đến thành Uất-Xà, vua nước ấy là Nguyên Xí hỏi Ni-kiền Tử: “Thân trang nghiêm tướng tốt của Như lai dùng gì làm gốc, bắt đầu từ đâu?”

Ni-kiền đáp: “Làm tất cả công đức giúp đạo, nếu nêu cốt yếu mà nói thì lấy giới làm gốc, trì giới làm đầu”. Lại nói tiếp: “Nếu không trì giới...” như Sao đã dẫn. Phá giới đọa địa ngục, súc sinh là quả báo riêng, cho nên nói rằng “không được”. Lại súc sinh là đường thấp hèn mà lại ghẻ hủ nên “không được”, muốn nói hủy phạm giới còn không có quả báo nhẹ, dùng khuyên trì hấn thêm công đức cao quý (Dã can, Ứng Pháp Sư nói: “Hình sắc xanh vàng như con chó, các hạnh ban đêm kêu như sói” (như chó, đi đâu cả bày kêu như sói. Kệ văn trong kinh Nguyệt Đăng có văn kệ, kinh kia không nêu ra, không rõ lý do, nửa bài kệ trên rõ tục sang đạo hèn, sắc nghĩa là dung nghi diện mạo, tộc là

họ. Học rộng nghĩa là học đủ, không giới là không trí. Súc sinh không có hai món này cho nên nêu ra để so sánh. Nửa bài kệ sau nói tục nhẹ đạo nặng, ngược lại câu trước. Ty là thân thấp hèn, hạ là giòng họ thấp kém. Tôn quý trong loài người nên nói là “Thắng sĩ”, do sắc tộc là vọng pháp của thế tục, giới trí chính là chân đạo xuất thế nên chẳng so sánh được.

Kinh Niết-bàn có hai bốn Nam và Bắc, ở đây dẫn văn phẩm Phạm Hạnh thứ mười bảy của bốn Bắc, nay chỉ bao gồm ý, văn Sao không đồng. Hai câu đầu nêu nhân quả lôi kéo căn cơ. Chữ “tất” trở xuống bày pháp tu chứng, chữ “nhược” trở xuống là nêu hạnh trái ngược kia, chữ “ta cũng” trở xuống là ngăn kia thọ kinh, “sở dĩ vậy” là kinh nói.

Chúng sinh và Phật tánh như sữa có lộn máu, chứng nấu lắng lại có ra đề hồ. Phật tánh cũng vậy, bị phiền não lẫn lộn, dùng ba học (giới, định, tuệ) sữa trị dần đến quả Phật. Muốn dứt phiền não trước phải dùng nghiệp, cốt yếu dừng nghiệp không gì hơn giới luật. Ngày nay lạm nhiễm Đại thừa bèn nói “không câu nệ, không ràng buộc, không trì, không phạm, nào có thiện, nào có tội”, thấy trò vọng truyền, làm điều xấu ác không dừng. Lại nói “Trì giới là có quả báo trời người”, xin nói lời Phật làm dứt tình tà, hướng gì kinh Hoa Nghiêm viên đốn thượng thừa, Kinh Niết-bàn trọn cùng cực xương, lời vàng mạnh mẽ khuyên cố gắng, không đáng tin ư?

Kệ Kinh Hoa Nghiêm, câu trên trình bày công đức. Vô thượng Bồ-đề là dùng quả bày nhân. Câu kệ khuyên tu. Nửa bài kệ sau là nói lời bậc Thánh khen ngợi, vì thuận giáo cho nên sau Tổ Sư bày ý, trong phần trước đã dẫn cho nên nói “trùng”. Luận Đại Thừa, Trí Luận giải thích kinh Bát-nhã, nói đủ là Luận Đại Trí Độ, nay dẫn văn thứ mười bốn chia làm năm đoạn. (từ 183) Hai câu đầu nêu quả, gồm khuyên đại lợi, như hai kinh trước. Chữ “tất cả” trở xuống, hai là bày công khuyên các gốc đức và chỗ pháp lành ở sau, đồng với dụ đại địa ở trước. Cốt yếu của người xuất gia ấy, đồng với văn Hoa Nghiêm ở trước. Chữ “như” trở xuống là nêu hai vật ở đời dụ cho giữ gìn thương tiếc. Chữ “hựu” trở xuống, là ba ước không giới tổn mất lời khuyên.

Trên nêu ba dụ, chữ “Nếu” trở xuống là hợp pháp. Quả tốt là nói chung năm thừa, đối đại lợi ở trước cần chỉ quả Phật. “Nếu bỏ” trở xuống, là học không lợi ích, khuyên khổ hạnh. Văn nêu các pháp ngoại đạo, Ca-sa là nói chung, hoặc tức y phục ngoại đạo, hoặc có thể ngoại đạo mượn đắp Ca-sa, như giới mua bán đổi chác, thì ngoại đạo và Bạt-Nan-Đà đổi ca-sa cho nhau là duyên khởi. Hoặc có thể tên chung người

không nhận giới của Phật, không chuyên theo ngoại đạo. Chữ “người tuy” trở xuống, năm là y cứ hiện báo để khuyên. Ban đầu rõ quả báo lúc còn sống, hai câu trên nêu người trì. Từ “hương văn” trở xuống ba câu tức là danh, dự, lạc, hương trong giới bốn, dự cho đức tốt bày bên ngoài được người khác nghe. “Sở Nguyện”, v.v... một câu là ưa thích lợi dưỡng, đây là do giới đức cảm ra, không cầu mà được. “Trì giới” trở xuống là kể nói báo lúc qua đời, theo Câu-Xá thì khi người qua đời ba đại lần rã, hỏa đại rã thì khiến tâm bứt rứt sầu muộn, chảy nước mắt. Khi thủy đại rã thì thân thể sưng phù, gân mạch tan hoại (tướng này chắc chắn thọ quả báo ác). Lúc phong đại rã thì chớp mắt liền qua đời, không hay không biết. Địa đại cứng nặng không thể rã (lúc sống nhờ vậy mà ba đại kia và đốt lóng trong thân được giữ gìn, ba đại đã tan tức là chết, nên nói là “xả”). Nay lấy cái rốt sau cho nên nói phong đại hay rã lóng đốt, vì vậy dụ như dao (hoặc nói gió nhẹ bén, hoặc nói đau đớn như dao cắt). Tâm không sợ hãi là do tịnh nghiệp huân tập, chánh niệm hiện tiền, còn hủy giới thì lo sợ đường ác tâm thường sợ hãi. Địa trì nói ba mươi hai tướng:

- 1- Dưới lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp (trì giới bất động, tâm không dời đổi, an trụ thật ngữ như núi Tu-di)
- 2- Dưới lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm (đối cha mẹ và trên từ Sư trưởng dưới đến súc sinh dùng tài như pháp cúng dường cung cấp).
- 3- Ngón tay nhọn dài.
- 4- Gót chân dài.
- 5- Thân vuông thẳng (không giết, không trộm, với cha mẹ Sư trưởng thường sinh tâm vui mừng).
- 6- Giữa các ngón tay có màng như ngỗng đầu đàn (tu bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh).
- 7- Tay chân mềm mại (khi cha mẹ, sư trưởng bị bệnh khổ, tự tay tắm gội, nâng đỡ thoa chà)
- 8- Mắt cá chân tròn đầy.
- 9- Lông trên thân mềm mịn (trì giới, nghe pháp ban cho không nhàm chán)
- 10- Bắp chân như nai đầu đàn (chuyên tâm nghe pháp, giảng nói chánh pháp)
- 11- Thân đầy đặn như cây Ni-Câu-Đà.
- 12- Đứng tay dài quá gối.
- 13- Đảnh có nhục kế.

14- Đảnh không thấy (đối với các chúng sinh không sinh tâm giết hại, uống ăn biết đủ, thường ưa bố thí, nuôi bệnh cho thuốc)

15- Tướng âm tàng (thấy người sợ sệt làm kẻ cứu giúp, thấy người trần truồng thì cho áo quần, có thuyết nói là mã âm tàng)

16- Da dễ mịn màng.

17- Lòng trên thân xoay về bên phải (gần gũi người trí, xa lìa kẻ ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi)

18- Thân màu vàng ròng.

19- Thân thường phát ra ánh sáng (thường cho người y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc men, hoa hương, đèn sáng)

20- Bảy chỗ đầy đủ (khi hành bố thí vật châu báu xả bỏ không lẫn tiếc, không quán ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, hai tay, hai vai, hai chân và đầu là bảy)

21- Tiếng nói êm ái (lúc bố thí tâm không sinh nghi ngờ)

22- Đầy đủ chỗ xương khuyết.

23- Thân trên như thân sư tử.

24- Cánh tay nhọn mềm (câu tài đúng như pháp dùng để bố thí, thân trên là ức ngực, như ức sư tử)

25- Có bốn mươi cái răng, răng trắng, sạch, bằng, khít. (xa lìa nói lời hai chiều, nói lời thô ác, tâm tức giận)

26- Có tướng bốn răng nanh (tu đại từ bi đối với các chúng sinh)

27- Hai má như má sư tử (có người đến cầu xin thì tùy ý họ cần gì đều cấp cho)

28- Lưỡi có vị ngọt thượng hạng trong các vị (tùy đồ ăn mà các chúng sinh cần thấy đều ban cho).

29- Lưỡi rộng dài (tự tu mười điều lành và giáo hóa người)

30- Tiếng Phạm âm (không chê điều dở của người, không hủy báng chánh pháp)

31- Mắt màu xanh (thấy người mình oán ghét sinh tâm vui vẻ)

32- Sợi lông trắng (không che giấu đức người khác, khen điều tốt của họ).

Nhưng các kinh luận danh số khác nhau, như trên lại y theo kinh Niết-bàn nêu ra đủ. Trí Giả nói rằng: “Nhân ba mươi hai tướng đầu mỗi mỗi đều nói mà chân nhân kia là tinh tấn trì giới”, tinh tấn mà không có giới còn không được làm trời, người huống chi các tướng khác ư? Cho nên biết “nhân” phải chia chung và riêng. Nếu nói biệt nhân như trên đã phối, nếu nói nhân chung đều do trì giới. Nay từ thông ý để bày giới đức, cho nên nói rằng “không khác nhau”.

Ba câu trên suy quả vốn nhân. Chữ “nhược” trở xuống là nêu lược dụ thặng, do không trì giới chắc chắn đọa ba đường, cho nên không được cả quả báo thấp hèn trong loài người. Thập Trụ Bà-sa do văn rộng cho nên chỉ mà không dẫn, nay hướng về thu nhiếp.

Phẩm Tán giới kia chép: “Bồ-tát giữ Thi-la trong sạch như vậy nhiếp được các món công đức”. Lại nói: “Đây là chỗ vui mừng thứ nhất của người xuất gia, thành tựu tất cả lợi lớn của người xuất gia...” Phẩm Giới Báo chép: “Bồ-tát thực hành sâu xa Bát-nhã Ba-la-mật (Thi-la thanh tịnh), nếu chưa lìa dục thì làm vua Chuyển Luân trong bốn thiên hạ được bánh xe vàng ngàn cãm, các món châu báu trang nghiêm vành xe kia, lưu ly làm trục, chu vi kim luân là mười lăm dặm, có trăm loài thần Dạ-xoa cùng giữ gìn, v.v...”

Hỏi: Như trên đã dẫn là khen giới Bồ-tát hay giới Thinh Văn?

Đáp: Phải chia làm hai ý: Nếu y cứ thông luận thì tiểu không gồm đại, đại chắc chắn nhiếp tiểu, như kinh Niết-bàn, Đại Tập, v.v..., nếu y cứ biệt luận xen thông nhiếp nhau. Nay đã dẫn là nhờ đại khen tiểu, như Hoa Nghiêm, Thập trụ.

Trong Chế Giáo chữ “quán” trở xuống các văn khen ngợi trì giới, đại khái có ba: 1/ Trụ pháp. 2/ Tự lợi và lợi người. 3/ Sinh thiện diệt ác. Dùng ba ý này tìm hiểu có thể biết.

Tăng-kỳ có năm ý: Ý một và hai là trụ pháp, kiến lợi tức hiện tại, cứu trụ chung cả đời sau. Ý ba và năm là tự lợi ích. Ý bốn là người được lợi ích sâu dày. Trong luật Tứ Phần, ban đầu dẫn năm đức trì giới, ba đức trên thuộc mình, thứ tư là người khác. Lại một và ba là sinh thiện, hai và bốn là diệt ác, thứ năm có thể biết.

Thắng các oán tức bốn ma oán là năm ăm, phiền não, chết và thiên ma. Chữ “hựu” trở xuống là dẫn chế giới có mười lợi, Như lai hệ kết một giới nào đều nói là có mười điều lợi, nay nêu là lợi thứ nhất, thứ hai là khiến tăng vui mừng. Ba là khiến tăng an vui (Giới Sở nói: Ba điều này rõ giới sinh ra các công đức). Bốn, là người chưa tin làm cho họ tin. Năm, là người đã tin làm cho lòng tin thêm vững chắc. Sáu, người khó điều phục khiến điều thuận. Bảy, người có hổ thẹn được an vui. Tám, dứt hữu lậu hiện tại. Chín, dứt hữu lậu vị lai (sáu món này sinh đức riêng người, hai điều trên sinh thiện, bốn điều dưới diệt ác). Mười, là giúp cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài (một điều này khởi kiến lập chánh pháp).

Luật Thập Trụ nói ngài Ưu-ba-ly riêng chính thân ba lần hỏi, ban đầu hỏi pháp Phật đời quá khứ, kế hỏi đời vị lai, thứ ba hỏi pháp

Phật đời hiện tại, đều hỏi thời gian trụ thế bao lâu. Phật đáp riêng từng vấn đề như văn, nhưng nay gồm bày vì thế nói rằng “cho đến v.v...”. Rõ trong luận giải ban đầu định danh, chữ “hữu” trở xuống là rõ lợi ích. Trong thứ hai nói thanh tịnh là lia nhiễm trước nên nói ngay thẳng là lia cong vẹo, cho nên trong phần thứ tư bắt đầu từ tại gia thứ lớp dẫn đến năm loại trụ xứ. Cho đến là là lược thiên trụ (sáu tầng trời cõi Dục), Phạm Trụ (là trời cõi Sắc, Vô sắc) Thánh trụ (là ba thừa hữu học) Niết-bàn Vô dư (ba thừa rốt ráo). Trong thứ năm ban đầu y cứ ba thừa, kể nói về sự cao quý kia, chữ “nhược” trở xuống là nói thù thắng trong hàng phàm phu, tự chẳng phải người cậy mình hiểu biết mà cống cao, người hạ lưu không hiểu biết há có thể trì luật ư?

Trong văn kia việc này đều chỉ Tỳ-ni, Bà Luận nói ba tạng đối luận để biết bày sự thù thắng của luật. Trong phần thư hai nói “tất cả đệ tử Phật” là gồm chung bảy chúng, tất cả chúng sinh lại chỉ cho ba đường lành. Thứ tư, là anh lạc tức dụ giữ gìn. Luật Thiện Kiến nói năm pháp giao thiệp nhau, ban đầu lãnh nhận giáo pháp, thứ hai là tặng thanh tịnh thành chúng, thứ ba truyền thọ không dứt, thứ tư hành nghiệp thanh tịnh, thứ năm là giữ gìn lâu dài. Cho nên chỉ y cứ năm vị có thể làm phép cho thọ giới và các pháp khác, cho nên y cứ năm ngàn năm để luận.

Hỏi: Ngàn năm rồi là Phật pháp đều diệt ư?

Đáp: Không phải đều diệt, ngàn năm đầu được ba đạt trí (thông đạt ba đời). Ngàn năm thứ hai đắc quả La-hán hết ái dục, không có ba đạt trí. Ngàn năm thứ ba được A-na-hàm. Ngàn năm thứ tư được Tư-đà-hàm. Ngàn năm thứ năm được học pháp Tu-đà-hoàn. Năm ngàn năm được đạo, sau mười ngàn năm học mà không được đạo, sau muôn năm kinh sách văn chỉ đều mất hết, chỉ còn có người cạo tóc ca-sa mà thôi. (tờ 184)

Hỏi: Năm trăm năm đầu là nói sự lo buồn của A-nan, cho đến là lược A-nan đáp rằng “Thế gian không có thầy”, từ “Phật nói” trở xuống là đáp có ba đoạn, đều chỉ cho giới tức là Phật. “Sở dĩ như vậy” là vì Phật có sinh thân và pháp thân, pháp thân lại có hai: Một là lý pháp thân, tức lý hiển chỗ chứng. Hai là pháp thân tức năm phần đức tròn, đức tròn đủ sinh thân. Có sinh diệt, hai là pháp thân đây tức là thường trụ, cho nên ngài Mã Minh giải thích “sau khi ta diệt độ nên tôn kính mộc-xoa, v.v...”, thị hiện pháp thân không diệt hết, thường trụ ở đời để độ thoát rốt ráo. Cho nên phải biết Phật vốn không thân toàn là nhiều kiếp tu thành nhóm công đức, lại dùng đức của mình để khai thị chúng sinh, cho nên nói là giới, phải biết giới này tức là Như lai, vì thế nói

rằng: “Như ta ở đời không khác”. Nếu mê ý chỉ này lời Phật làm sao thông, kẻ hậu học đến đây phải nên chú ý.

Ban đầu thị hiện đích thân đến, pháp thật không đến, tòa cao thuyết giảng có người đồng đến, cho nên “lại nói” trở xuống, hai là hiển đồng thể. Ban đầu chánh bày trong văn kính niệm giữ gìn đều đồng như Phật. Chữ “như” trở xuống là hiển dụ, uống nước có cơn trùng là hợp với ý nhậm vận được cả hai ở trên. Người trí chớ trách dụ. “Lại như” trở xuống ba là nói đối mặt, bởi một khi nghe tịnh giới thể dụng cao sâu thì Như lai không lọt quả đức cho nên nói là “thấy”.

Kế là giải thích sự cao siêu bí mật. Trong Đa Luận lại chép: “đối văn trước”, cho nên câu đầu dẫn hỏi rất khác với kia. Kia nói rằng “Khế kinh A-tỳ-đàm không để Phật ở đầu, riêng luật Thập tụng để Phật ở đầu (nghĩa là Quảng luật giới bốn đều ban đầu nêu Thế tôn ở chỗ ấy, v.v... Trong kinh trước nói rằng “Ta nghe như vậy” cho nên có là nghe). Nay nói rằng ban đầu nhóm chưa rõ Thánh ý. Chữ “đĩ” trở xuống là đáp, câu đầu lược đáp. Thắng là cao vượt hơn tạng khác, bí nghĩa là không cho người khác nghe. Chữ “như” trở xuống là so sánh giải thích. Ba câu trên rõ các tạng chẳng phải thắng bí, không chọn thời chỗ và người thì kia nói rằng “Trong khế kinh các đệ tử nói pháp, có khi Thích Đề Hoàn Nhân nói “Phật nói như vậy”, có khi hóa Phật nói. Chữ “Luật” trở xuống là bày đức bí thắng, chỉ là Phật nói là ngược với trước lựa người. Kia chép: “Tất cả Phật nói cho nên ở trong tạng” lại là chọn thời, chỗ trái với trước. Luật ấy chép: “Nếu ở trong nhà có việc không được liền biết, mà phải ra ngoài (tức chọn chỗ). Nếu bên ngoài người tại gia có việc quyết ở trong chúng kết (đây rõ không được đối hai chúng, tức trọn thời). Cho nên chữ “thắng” trở xuống là có bao gồm chữ “bí” (xưa ghi vọng giải không khỏi cong vẹo).

Chữ “hậu” trở xuống là dẫn hai luận chuyển chứng (trên là kinh luận Tiểu thừa, dưới là luận Đại thừa, do chuyển chứng nhiều luận cho nên ở đây trích dẫn). Luận Công Đức song chứng thắng bí, mật tức là bí. Luật ấy chép: “Tỳ-ni dụ như vua, bí tàng chẳng phải của ngoại quan sở ty, cho nên nói rằng “nội tạng”, tạng giới luật này cũng vậy, Sa-di hay thanh tín nam nữ chẳng thể nghe thấy, cho nên nói rằng “Luật tạng”. Nay chỉ lấy ý dùng ba câu để bao gồm, Luận Trang Nghiêm riêng chứng nghĩa bí, kia là văn kệ, nếu người có trí tuệ có thể bền bỉ giữ giới cấm, kẻ ngu si kém yếu không có khả năng giữ gìn giới như vậy (ở đây nói người tại gia căn độn, không có khả năng kham nổi cho nên không cho nghe).

Trong Trái giới, lại y cứ, chỉ trông hai giáo mà nói, nhưng trước chỉ là nói riêng, đây là tạp, rõ thì khác nhau. Trong năm cách diệt trong luật Thập Tụng, kia do Trưởng lão Nan-đề bạch Phật: “Sau khi chánh pháp diệt, trong thời Tượng pháp có bao nhiêu sự phi pháp?”, nay chỉ dẫn lời Phật đáp: 1- Vì vọng xứng đức. 2- Vì đạo tục trái nhau. 3- Vì trái với đạo hạnh. 4- Vì ác đảng thanh. 5- Vì người thực hành kém ít. Năm cách diệt pháp này đều do hủy giới. Nói là ít đặc tâm ấy, tâm tức là định. Như năm pháp quán dừng tâm, bốn niệm xứ, đây gọi là chưa chứng cho là chứng, mê hoặc đại chúng, quấy nhiễu thế gian, tức thời nay Phật sự cũng đồng.

Thứ hai, Nghiệp Sở chép: “Người thế tục không có pháp, chỉ chuyên tin thờ cho nên được sinh lên cõi trời. Xuất gia có giới pháp làm ruộng phước cho đời, trở lại hủy phạm vọng nhận của tín thí, mở cửa các đường ác, khiến nhiều chúng sinh bắt chước theo buông lung, cho nên vào địa ngục. Lại trong kinh Bảy Điềm mộng của A-nan nói A-nan nằm mộng thấy người xuất gia bị rơi vào hầm bất tịnh, còn người tại gia lại leo lên đầu đi ra. Phật bảo A-nan “Đó là điềm Tỳ-kheo đời sau ganh ghét giết hại nhau, chết đọa vào địa ngục, người tại gia tinh tấn chết sinh lên cõi trời”.

Thứ ba, như vua Ngật-lật-chỉ nằm mộng thấy một con voi lớn bị nhốt trong chuồng, chỉ có một cửa sổ nhỏ. Voi ở trong chuồng tung ra được hết cả thân lớn chỉ còn kẹt chút đuôi. Đây là nói lên việc đệ tử Đức Thích-ca bỏ thế gian xuất gia như tung thân ra, nhưng vì còn tham đắm danh lợi như còn mắc kẹt chút đuôi.

Thứ tư, như vua nằm mộng thấy rất nhiều khỉ lấy nước rửa đánh của một con khỉ bị cùi hủi, tôn nó làm vua. Ở đây nói lên việc đệ tử Phật lập người phá giới làm thủ lãnh. Chữ “cho đến trong năm” là lược phạm phụ trì giới, Thánh Hiền học người, v.v... Kinh Pháp Diệt Tận chép: “Phật bảo A-nan: Sau khi ta nhập Niết-bàn ở đời ác năm trước, ma đạo hưng thịnh, ma giả Sa-môn làm hư loạn đạo của ta, cho đến Bồ-tát, Bích-chi, La-hán tinh tấn tu đức, Tỳ-kheo chúng ma đều ganh ghét làm phép tấn xuất không cho ở chung (trên đều xưa ghi, đã dẫn ở văn, tuy phiền nhiễu mà giúp cho tâm hạnh, cho nên ghi chép. Hướng gì ngày nay chính mắt thấy việc đó, biết Phật đã thấy từ xa xưa, có thể tự nhắc nhở khuyên răn).

Thứ năm, người sợ hãi, là đoạn văn Phật bảo Ưu-ba-ly. Bốn điều trước lỗi vọng nhiếp quyến thuộc, một điều sau là lỗi biếng nhác. Ban đầu nói “không tu thân, giới, tâm, định, tuệ”, một câu này đọc suốt

xuống đó. Một, là thưởng cho phần giới thuộc thân miệng, tuệ là tâm quán, hoặc cho tâm tức là định. Nếu đủ ba học, đây rõ tự hạnh đã thiếu hẳn không lợi tha, cho nên nêu ba tướng trong văn nêu, tươi nước cũng là tổn đất, đều phải tịnh ngữ. Đã mê giới tướng thẳng khiến làm đó là diệt pháp. Luật Tứ Phần nói năm món diệt pháp tức thêm một văn, người học phải suy nghĩ, càng rộng giữ gìn. Một, là nạn học dối người. Hai, là ở trên làm ác. Ba, là hay dạy cách bủn xỉn. Bốn, là dạy điều ngu đần. Năm, là kia đây cãi cọ.

Phông là bắt chước nhau. Trì pháp tức là kinh, Ma-di tức là luận. Trong Luật Thập tụng, Phật chế Tỳ-kheo năm hạ trở lên chuyên tinh giới luật, rõ suốt trì phạm, việc làm của Tỳ-kheo rồi mới được học tập kinh, luận. Nay vượt thứ lớp mà học, hạnh đã mất, thứ lớp vào đạo không có lý do, Đại Thánh quả trách chẳng hề lường uống. Lại luật kia chép: Phật thấy các Tỳ-kheo không học Tỳ-ni bèn khen ngợi Tỳ-ni, trước mặt khen Ba-ly trì luật bậc nhất, sau các Tỳ-kheo Thượng tọa, Trưởng lão theo Ba-ly học luật”. Thời nay vừa lãnh giới phẩm, liền nghe giáo tham thiền, hạnh nghi của tăng không hiểu một điều, hướng chi lại khinh lờn giới, hủy phạm Tỳ-ni. Chê bai học luật là tiểu thừa, cho trì giới là chấp tướng, ở đây mê mờ trần tục, buông lung hung dữ ngang bướng. Tham mê chén thịt tự cho là thông phương, hành dâm nộ nói là xứng đạt đạo, chưa hợp ý chỉ Thánh, hiểu lầm chân thừa.

Lại nếu giới là đáng khinh sao ông lại đấng đàn mà thọ? Nếu luật đáng hủy sao ông lại cạo tóc nhuộm y, đây hề khinh giới thì toàn là khinh mình, hủy luật lại thành hủy mình. Vọng tình để học theo, chánh đạo khó được nghe, vượt tục siêu quần trong muôn điều không gì hơn giới này, xin rõ lời Thánh dạy đâu không theo ư?

Xuất xứ từ Tạp A-hàm ở quyển ba, bốn câu đầu rõ tự mình không học, văn kia chữ “sơ” trở xuống có chữ “Thĩ”, nghĩa là từ đầu không học. Chữ “kiến” trở xuống hai câu, nói không thích người khác học. Chữ “ngã” trở xuống là hiển bày lỗi. Câu trên nói Phật không khen, nghĩa là dầu có các điều lành khác cũng không thể khen. Chữ “hà” trở xuống là bày ý không khen. Ba đường tám tối, nhiều kiếp không trở lại, nên gọi là đêm dài, nói suy trong đường ác bao gồm năm suy. Bốn điều trên là hiện tướng, câu dưới là sinh báo. Trong bốn điều, hai điều trên rõ mất lợi vì phước mỏng. Điều ba, không kính vì đức kém, nên gọi bốn ác là do hạnh xấu. Cho nên nghĩa là tổn giảm, xuất xứ từ ở phẩm Như lai Tánh thứ năm của kinh Niết-bàn. (tờ 185)

Hoặc có người nói “Nói như vậy cho nên bác bỏ”. Tám món bất

tịnh, danh tướng như trong chứa của báu. Chữ “làm sao” trở xuống là lời Phật quả trách, do vu báng Phật pháp đều mắc hiện báo, cho nên chữ quyển khứ thỉnh nghĩa là khúc chuyển. Câu dưới chỉ rộng, kia nói rằng nếu có thuyết nói “Phật đại từ vì thương xót chúng sinh nên đều cho chứa”, như vậy kinh luật đều là ma nói.

Kinh Ma-da chép: kia nhân Phu nhân Ma-da hỏi ngài A-nan “Pháp bao lâu mới diệt?” Ngài A-nan theo thứ lớp việc một ngàn năm trăm năm đã từ Phật nghe được nói rõ, kia nói rằng: “Ban đầu từ khi kiết tập đến bảy trăm năm, ngài Long Thọ ra đời bẻ gãy cờ tà kiến, đốt đèn chánh pháp (chẳng phải chánh ý nay cho nên sao không dẫn). Hai câu đầu, việc tám trăm năm. Chữ “nô” trở xuống hai câu là việc chín trăm năm. Chữ “bất” trở xuống một câu là việc ngàn năm. Chữ “hủy” trở xuống là việc ngàn một trăm năm (lại năm này các Tỳ-kheo như người thế tục làm việc môi giới hai bên). Trong ngàn hai trăm năm, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni làm việc phi phạm hạnh, như có con trai cho làm Tỳ-kheo, con gái làm Tỳ-kheo-ni (sao lược năm này). Ca-sa trở xuống là việc một ngàn ba trăm năm (lúc này Ca-sa phần nhiều nhuộm đỏ, đầu chỉ nghiêm pháp diệt). Chữ “tham” trở xuống là việc một ngàn bốn trăm năm. Một ngàn năm trăm năm nước Câu-diệm-di ba tạng cùng đệ tử La-hán xen giết hại, ác ma và ngoại đạo tranh nhau phá hoại chùa tháp, giết hại tỳ-kheo, tất cả kinh tạng Long vương A-nậu-đạt đều đem xuống biển cả, vì thế Phật pháp diệt hết (ở đây là nói theo một nước Câu-Diệm-Di, hoặc có chỗ nói năm ngàn năm, hoặc chánh tượng đều ngàn năm, vạn pháp muôn năm, v.v..., hoặc sáu muôn năm, bảy muôn năm, v.v... đều vì nghiệp của chúng sinh nên sự thấy biết có khác).

Luận Trí Độ, trong văn phá giới là năm, ban đầu dùng năm dụ hiển bày tướng ác kia. La-sát là tiếng Phạm, Hán dịch là quỷ tốc tạt. Chữ “tuy” trở xuống là thứ hai nói về hình lạm thể trái. Chữ “nhược” trở xuống là thứ ba trong nhân bày quả. Chữ “hựu” trở xuống là thứ tư, tự sợ ác báo. Hai câu trên sợ hiện báo, câu dưới sợ báo đời sau, ở đây y cứ vào người trí chứ thường thường kẻ ngu mù đến chết vẫn không sợ. Chữ “như thị” trở xuống là thứ năm kết khuyến.

Hỏi: Trong Luận kia trước chép: “Nếu đối với tội hay không tội đều không thật có, cho nên lúc này gọi là Thi-la ba-la-mật”, kia liền hỏi rằng “Nếu người bỏ ác làm lành là trì giới, vì sao lại nói tội và không tội đều không thật có, nay ý Sao lộn lạo khiến cho dễ hiểu.

Đáp: Trong đó chỉ dẫn tội không thật có. Kia tiếp tục nói “Tội chẳng thật có nên không tội cũng chẳng thật có”.

Như mất thịt, trở xuống hai câu là nghi dẫn văn riêng, tìm hiểu đó chưa được. Kia lại nói rằng “Lại nữa! Chúng sinh không thật có cho nên tội giết hại cũng không thật có. Tội không thật có cho nên giới cũng không thật có, vì sao? Vì có tội giết thì mới có giới, nếu không tội giết thì cũng không có giới (nếu hiểu ý này mới gọi là trì giới thanh tịnh, không như vậy thì chỉ là phước thế gian, người học nghe nói há không nghi ư?).

Trong bác bỏ lỗi, lỗi đã có cho nên nói là lời tụng, đây gọi là được thật cho nên cần phải bên trong, người học luật ngày nay thường dùng lời này, chỉ bác bỏ tông khác, không biết mình học cũng tụng lời. Vì sao như vậy? Vì ông tuy học luật mà hành luật đâu có, cho nên biết ở đời Mạt pháp, hai tông đại tiểu đều là học lời, thật đáng thương thay!

Phàm chữ “Sớ” là bình thanh, văn thấy mười bốn mà chỉ mười lăm, kia đây chia quyển kinh tạng có khác, phải trái ghi lầm. Năm lỗi Tứ Phần cũng nêu ra thêm một, tức ngay hai tổn tự hại là tán mất điều lành thế gian và xuất thế gian, cho nên khi sắp chết hối hận, khổ não ép ngặt, thần thức hôn mê, các nghiệp tranh nhau, hiện tự biết từ trước thường chẳng phải chỗ lành, khi chết sợ sệt, nên suy nghiệm điều đó.

Trong không học diệt pháp, Luật Thập Tụng nói mười pháp kia nêu trong năm pháp, vì đồng nghĩa loại cho nên phải nói. Văn lược hai môn: “Có Tỳ-kheo trở xuống là rõ năm pháp ban đầu. Bốn câu trên là pháp thứ nhất. Không muốn nghĩa là tâm không hi vọng, nhưng tình tâm tối ngu si không thể chỉ dạy. Chữ “hựu” trở xuống một câu, là pháp thứ hai, luật ấy chép “cũng không thể khiến người khác hiểu rõ”, chữ “không thể” trở xuống một câu tức là pháp thứ ba, “cho đến” là lược pháp thứ tư. Luật ấy chép: “Có người nói pháp, không thể đúng như pháp dạy, cãi cọ lẫn nhau”. Chữ “không thích” trở xuống là pháp thứ năm, bốn pháp trên là dạy trao. “Phi pháp” trở xuống là một phen luyện trước ồn ào hỗn loạn.

Trong bốn điều, ban đầu là sở giáo, thứ hai chung năng sở, thứ ba và thứ tư thuộc năng giáo. “Lại không theo” trở xuống tức câu đầu, kế là năm pháp. “Tức thứ nhất” trở xuống là lược cả thứ hai, kia nói rằng “không theo pháp nhãn mà theo pháp bất nhãn (tùy tính tức giận). “Không kính” trở xuống là pháp thứ ba, nghĩa là thấy ở trên trái phép tắc liền sinh khinh ngạo. “Khiến sau” trở xuống là pháp thứ tư, kia nói rằng “Vì trên Thượng tọa không dùng pháp dạy dỗ”. “Đến nỗi khiến” trở xuống là thứ năm, kia nói rằng “Vì Thượng tọa qua đời, ba thứ trên cuộc hạn sở giáo, hai thứ dưới chung cho năng sở. “Ưu làm” trở xuống

tức văn năm điều sợ sệt, luật ấy chép: “một, không tu thân, giới, tâm, trí, vô dục độn căn. Hai, là gần gũi với ni, bỏ giới huờn tục. Ba, là Như lai đã nói Tu-đa-la, v.v... rất sâu xa, không tâm thương xót ưa mến. Ưa làm, v.v... Như trong Sao; Bốn là vì y phục uống ăn bỏ chốn lan-nhã vào xóm làng. Năm, là vì y phục, uống ăn phần nhiều cầu tìm nhiều loạn (năm điều này đều không nói là sợ sệt, vì chánh pháp sắp diệt cho nên sao dẫn điều thứ ba và phân nửa sau).

GIẢI THÍCH THIÊN NHÓM HỢP TĂNG

Xét phần đề sau, nhóm tăng tức gọi là năng nhóm, nghĩa là thực hành tướng phép tắc. Thông cuộc tức dẫn đến bị nhóm, nghĩa là y cứ giới dụng người, đây thì nhóm tăng không thấu thông cuộc, thông cuộc được gồm cả nhóm tăng, đây tức trong thiên yết-ma, hai duyên ba và bốn hợp lại thành một thiên. Lại giải thích rằng nhóm nghĩa là năng nhóm tức là phép tắc. Tăng thuộc người bị nhóm tức sau dùng tăng để phần chúng. Thông cuộc gọi là chỗ bị nhóm tức sau là phần chúng của giới đều như trong văn. Xưa đều ghi rằng “Nêu Tông là tăng thể, nhóm tăng về sau là rõ “Tăng dụng”, đây do không biết tăng thể cho nên xếp đặt bừa.

Vả lại, Nghiệp Số rộng khắp Tăng thể, chánh lấy bốn người nhờ dùng, nào thường lấy giới làm thể, dụng kia quyết đây không công tự phá, cho nên khoa này sắp xếp khác xa với tu trước. Nêu tông chỉ là khuyên học. Nhóm tăng trở xuống mới rõ hành sự. Nếu vậy văn sao không chỗ rõ tăng thể hay sao?

Đáp: Khoa sau của thiên này dụng tăng phần chừng có văn nói về thể, như sau sẽ giải thích.

Trong ý chép, câu đầu nêu nghĩa tăng, tăng là tên chung bảy vị. Một, hai, ba người tuy không bình pháp cũng được gọi là Tăng, do Tăng nhờ riêng thành từ nhân bày hiện, không giống ghi xưa nên gọi là chọn người riêng. Lạc hòa có sáu: ba tên giới, kiến, lợi là thể hòa, ba tên thân, khẩu, ý là tướng hòa. Lại ban đầu quả sắp đi gọi là lý hòa, chỗ chúng đồng nên là nội phạm. Sắp lại gọi là sự hòa, tức là sáu hòa. Chữ “nhược” trở xuống trái nói ý cần nhóm. Hai câu trên rõ nhân phi. Trái lìa là chung ba món riêng. Chữ “ngự” trở xuống là pháp phi. Chữ “bị” trở xuống là sự phi. Pháp sự dầu như do vì nhân phi cho nên cả hai đều không thành.

Cho nên văn sau bao gồm ba ý: 1/ Giải thích đề. 2/ Ý hết thiên. 3/ Tức chia chương. Trong nêu bày trước sau văn nêu ra kiến-độ nói giới,

quyết trước lập tòa mới đánh chuông. Sớ nói rằng “Do tiếng bảo liên nhóm giồng ghế chưa làm”, đứng đợi lâu sợ hãi chẳng thành, trước chế trước định tòa là do đây.

Duyên khởi ban đầu trong chế pháp, chữ “Phật nói” trở xuống là lập chế. Ban đầu nêu bày bốn tướng. Chữ “sử” trở xuống là rõ hay đánh người. Chữ “bất” trở xuống là rõ đánh pháp. Ba thông như sau nói, thối ốc bất chước trên đánh người, cho nên nói rằng “cũng vậy”, kia nói rằng “Sa-di và người giữ vườn thối. Chữ “trừ” trở xuống là chọn vật. Thêm Độc Thọ Tương Truyền chép: “E bị thương tay cho nên nói lúc Bồ tát, chữ “nhược” trở xuống là rõ thời ăn trưa và sáng. “Trụ xứ nhiều” là phòng riêng xa rải rác. “Nhược” trở xuống là rõ hứa hai. Sớ nói rằng “Pháp triệu tăng nầy chế chẳng phải người có đạo làm, hẳn không phải hai người mới cho gồm giúp. Nói trong tục đánh, ban đầu dẫn trái với văn thỉnh giới. Cư sĩ làm thức ăn đem vào Kỳ-hoàn, đánh kiên-chùy, các Tỳ-kheo hỏi thì đáp: “mới tỳ-kheo ăn”. “Cho đến” trở xuống là nêu ra trong Đề-xá, câu đầu nêu ra giới thứ hai, kia do cư sĩ thỉnh Phật và một bộ Tăng hôm sau đến thọ trai. Sáng ra trái tòa rồi sai người đến bạch Phật (đây là chứng xướng bệnh). Chữ “cập” trở xuống là nêu ra giới thứ tư, luật ấy chép: “Các cô đem đồ ăn vào tăng phường đánh kiên-chùy, chia đồ ăn cho tăng, v.v... Chữ “thực” trở xuống không rõ văn gì. Nói đánh, trong văn đầu nêu thứ 16 kia. Phật ngự tại nước Xá-vệ, trong vườn Lộc Mẫu, ba tháng hạ xong thọ tuổi, sau đó A-nan đánh kiên-chùy. Chữ “thử thị” trở xuống là lời của A-nan. Tín cổ là đối sự thì bảo với chúng, có kỳ hạn ở pháp thì qui tâm không hai. Cổ nghĩa là đánh động phát ra tiếng, tên chung của chuông khánh.

Luật Thập tụng, duyên khởi thiếu việc có tám, bốn đoạn nói rõ. “Không người” trở xuống là thiếu tướng làm. “Chánh là khiến dùng” trở xuống đều là nhân dẫn. Chữ “Hựu” trở xuống là thiếu việc làm. Chữ “cập” trở xuống là thiếu chỉ trao, kia làm con trùng trong rượu đắng. Nay nói ăn là đổi cuộc thành thông. Chữ “uống” trở xuống là thiếu lý chúng. Chữ “Phật” trở xuống là nói về lập pháp, nói trên làm tướng Tỳ-kheo (lại y cứ theo hành thủy cũng chung Tỳ-kheo) dưới dẫn văn khác để giải thích tên cho hiểu.

Trong ý chung, Luật nêu tám món, món thứ ba đánh đất thành tiếng, nay lược làm bảy không rõ ý gì. Lường bày nghĩa là thời khắc khiến nhóm. Trong tám món thì khói và bóng là sắc, còn sáu món kia là thanh. Lại xướng cáo là hữu tình, còn bao nhiêu đều là phi tình. Chữ “diệc” trở xuống là chỉ bày chung, ở đây nói luật không cuộc đối với

đạo, ý bày thông tục. Trên dẫn các văn chứng định sẽ đánh, chính là thâm phá vọng chấp lúc bấy giờ.

Ni Sao chép: Các chùa ngày nay tăng ni lập chế không cho Sa-di, người tại gia đánh chuông, đây là rất mê giáo. Trong Phạm hiệu như các luật luận, đều làm kiên-chùy hoặc làm kiên-trì. Chữ “như” mà gọi chính là tiếng Phạm chuyển lầm, chỉ riêng thanh luận chính là tiếng kia. Nay nên âm chùy đọc là Địa. Lại trong Yết-ma Sớ nói thẳng rằng kiên-địa, chưa thấy chữ trì gọi là địa, đời sau không biết do đây một phen hiểu lầm. Đến văn sao trước sau cho đến Tổ giáo một tông, hễ chữ kiên-chùy đều sửa là trì, gọi thẳng là địa, xin tìm bốn xưa viết chép và xét Đại tạng kinh luật mới biết sự lầm kia. Nhưng do chữ trì và truy gần giống nhau cho nên vọng sửa. Nay nên y theo luật luận đều viết kiên-chùy, đến khi gọi theo tiếng luận (hoặc viết truy cũng vậy, thế gian có người không biết tiếng Phạm, nói là chày đánh chuông và chày đá, đây lại không đáng bàn).

Như y theo Ni Sao chép: Tây Truyện nói “Đến lúc nên dùng ta đánh kiên-chùy, tý-thất Hán dịch là đả (đánh), kiên-chùy dịch là cây bị đánh, hoặc dùng cây đàn, cây trồng, v.v... kia không có chuông khánh, cho nên phần nhiều đánh cây nhóm mọi người. Đây thì nêu nay hoàn toàn trái không thể hòa hợp. Vả lại, nương Sao Sớ nói khánh chuông mà dịch, nghĩa là hai vật vàng và đá (Ứng Pháp Sư Kinh âm nghĩa phần nhiều đồng với Ni Sao, nhưng trong bản đồ Kỳ-hoàn phần nhiều rõ chuông và khánh đá, mà nói là kia không có, hoặc sợ là có ít).

Âm nghĩa lại nói rằng: Kinh xưa chép: “Kiên-trì” cũng là tiếng Phạm chuyển sai, nên viết là trì cho đến đổi ngược lại (rõ biết chữ trì không gọi là địa, vì đây mê lầm quá lâu cho nên vì đó giải thích). Nghĩa lập là do trước các giáo tuy khiến làm tướng còn không có nói tựa, cho nên cần ước lý đầu sợ cách thức, mà văn trước nghĩa sau là muốn bày hành sự đều nêu ra chánh giáo phải trái đều luống.

Rõ trong lập bày chỉ pháp nhóm tăng, tức nay hiện hành Quy Độ Đồ Kinh, soạn vào niên hiệu Vũ Đức thứ bảy. Trong chép xưa, hai câu đầu bác bỏ thời. Chữ “nhược” trở xuống là dẫn bày, kia quyển thứ hai trước nói về năm việc, sau nói bảy pháp gọi là mười hai thời kiên-chùy.

1- Thời thường họp, nghĩa là nói tự tứ, yết-ma, giảng pháp, v.v... các nhóm (trước bắt đầu từ nhỏ đến lớn. Hai mươi trở xuống là hơi nhỏ, hai mươi một trở xuống là nhỏ nhỏ, mười trở xuống lại lớn. Ba trở xuống và năm mươi bốn trở xuống, ở đây giống năm phần ba thông nhưng

nhiều ít có khác, y cứ ở sau lại gọi là một thông).

2- Thời ăn sáng (Tám trở xuống là tiểu thực).

3- Thời ăn ban ngày (một thông đồng trước thường họp nghĩa là giữa trưa).

4- Thời dọn mâm tối (một thông đồng trên, như nay tối đánh chuông dọn mâm, nghi là tiếng Phạm, không rõ dịch là gì).

5- Vô thường (nhiều ít tùy thời) (năm món trên đều thường dùng, bảy món sau đều chọn duyên).

1- Huyện quan. 2- Lửa lớn. 3- Nước lớn. 4- Trộm cướp (bốn món này đều tùy thời). 5- Nhóm Sa-di (ba sau). 6- Nhóm Ưu-bà-tắc (hai sau).

7- Gọi là riêng.

Khoa yếu tức mười hai thời, tiết giải tức đánh đố, giải dụ như đoạn. Chữ “đản” trở xuống là rõ lý do không làm, sự chẳng sâu xa cho nên dễ, không biết pháp chế thì khó. Lượng thời pháp là không định đánh số, pháp này rất quan trọng quyết phải người trí mới có khả năng lãnh nhận mà dùng.

Trong ba thông chẳng phải gọi riêng ba món sau. Trước sau gồm có bốn mươi dùi, sinh trở xuống hai câu nói về mười dùi đầu, Đồ Kinh chép “Cầm chày định tâm luống khuôn phép mười dùi”. Ni Sao chép “Không được đánh lớn làm kinh động tâm chúng”. Chữ “tiệm hi” trở xuống là nói chặng giữa hai mươi bảy dùi, là thừa thớt. Chữ “nãi” trở xuống là bày ba dùi sau, tức gọi ba tên này là ba thông.

Đồ Kinh chép: Nhóm ba thừa (ngày nay các pháp giảng nói tiêu chuẩn cách thức này rất được trong kia. Trong đánh dài, đầu tiên là nói Phật ở đời vốn không có. Chữ “hậu” trở xuống hai câu là bày duyên khởi sau khi diệt độ. Chữ “như” trở xuống là chỗ dẫn. Chữ “kỳ” trở xuống là nói về cách đánh, tiếp bốn mươi ở trước thêm hai lần bốn mươi nữa là gồm một trăm hai mươi, ban đầu nói bốn mươi dùi thứ hai chỉ sinh khởi. Đồng với trước, nghĩa là hướng khuôn phép dần dần lần lớn cộng là mười tám dùi, chặng giữa bốn chùy từ mười chín đến hai mươi hai, đây là cứu khổ bốn đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tu-la, thứ lớp phối hợp.

Chữ “như thị” trở xuống là từ thứ 23 về sau đến dùi thứ 18. Kiểm là thâm tiếng gợi thăm. Chữ “phương” trở xuống là nói bốn mươi dùi thứ ba. Chỉ đồng trước là cũng có hơi khác, từ dùi ba mươi sáu đánh ba dùi gọi là ba thông, hai dùi rốt sau gọi là dứt chùy. Đồ Kinh chép: Niệm Tam Bảo có năm chúng, mỗi chúng có tám bậc, cho nên lấy bốn mươi là sai. Ba đường nương đó thì là một trăm hai mươi tiết (tám bậc là bốn

quả bốn hướng, ba đường là ba thừa). Chỉ nêu ra trong kinh luật tức như trước dẫn, chẳng phải xuất xứ a từ một chỗ nên nói là “tham hiệu”. Chữ “diệt” trở xuống đây chỉ là đương thời, nay cũng có nhiều.

Trong phần lập thế, đầu tiên nêu khuyên gạn chứng nghiệm. Chữ “ưng” trở xuống là bày oai nghi. Chữ “ngã” trở xuống là nêu lời thế, trên nói về sinh thiện, lại dưới là diệt ác, còn bao nhiêu tùy thời không cần phải chuyên đây.

Trong rõ công, ban đầu dẫn truyền, vua Kế-nị-tra tức Nguyệt Thi (âm chi) đánh nhau với vua nước An-tức, giết chết chín ức người, sau đối với ngài Mã Minh nói mình sinh tâm hối hận, ngài Mã Minh nói pháp cho vua nghe, khiến tội nặng thành nhẹ, còn chịu quả báo này. Chữ “tùy sinh” trở xuống, kia nói rằng “trong khoảnh khắc đầu đây biển cả”. Chữ “nhược văn” trở xuống là kia nhờ La-hán làm Tăng Duy-na, y thời đánh chuông, công giúp cho kia, sau nhận kia thừa tức là đánh dài, quá bảy ngày rồi chịu khổ liên hết. Chữ “tức” trở xuống là dẫn kinh hiểu truyện, ban đầu chánh dẫn, từ đây trở xuống là nói rõ về ý. Nhân duyên: Sớ chép: “Tội là gặp lành làm nhân, đánh là phát nguyện làm duyên” cho nên được tiếng truyền đi, khổ diệt, tự nhiên cảm ứng.

Nay văn lời giản lược có thể dùng kia giải thích. Triệu nghĩa là kêu gọi như tướng. Vong dụ như mất. Chữ “dư” trở xuống là dẫn hiện việc hợp kinh, Luật Sư Trí Hưng lúc đầu nương thầy giảng hiểu. Tháng giữa Đông niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, duy na Kế Chưởng, đến thời sai đánh chuông ở chùa Bội Cẩn, Tăng có người anh họ là Đế Nam ở Hạnh Giang Độ bị chết giữa đường, lúc đầu không ai báo tin dữ, bỗng ông báo mộng với người vợ rằng “Tôi không may bị chết đọa vào địa ngục chịu khổ không thể nói. Ngày mồng một tháng này nhờ Trí Hưng ở chùa Thiên Định đóng chuông tiếng vang rung chuyển địa ngục, những người đồng chịu khổ với tôi đều nhất thời được giải thoát, nay sinh về chỗ vua. Nghĩ báo ơn kia nên sắm đủ mười xấp lụa dâng Luật sư Trí Hưng và nói ý của tôi”. Người vợ thức giấc nói với mọi người, lúc đầu không ai tin, anh ta lại báo mộng nữa, sau đó mười ngày hung tin mới đến rất khớp với điềm mộng, bèn sắm lụa dâng lên Luật Sư và cúng dường đại chúng. (tờ 187)

Có người hỏi lý do, Trí Hưng nói: Tôi không có tài năng gì khác, chỉ do thấy trong truyện Phó Pháp Tạng và Kinh A-hàm dạy tôn kính công đức tiếng chuông như thế nên cố gắng thực hành. Thường đến mùa Đông bên lầu chuông gió lạnh cắt da, tăng cấp cho áo da, tôi tự gắng ý đưa tay cầm lấy, máu trong tay ngưng lại không dùng lời mà nói được.

Lại ban đầu nguyện các Hiền Thánh đồng vào đạo tràng, kế nguyện các đường ác đồng thời lìa các khổ”. Mọi người rất phục lời ấy (đó gọi là ứng nghiệm người niệm). Việc này chính mắt Tổ Sư thấy cho nên chép ra để truyền, lúc này là cuối mùa Xuân niên hiệu Trinh Quán thứ năm sáu.

Người mới học ngày nay cho là chuyện nhỏ, phần nhiều không có lòng thành. Xin nói các văn trên nhờ đây một phen ngộ, hoặc Kế Chưởng Duy na y theo oai nghi trên vẫn cần lập thế nặng.

Kia nói: “Tỳ-kheo sai người đánh chuông nên gọi là “Tri chung” đây là lời thanh tịnh”, nếu nói thẳng là “đánh chuông” thì đây là lời bất tịnh. Chữ “như” trở xuống hai câu là y cứ giáo hiển bày lỗi. Văn nêu kinh, luận là lược cả luật. Đánh, như trước đã dẫn luật Tứ Phần, Ngũ Phần, Thập tụng. Kích (đánh) như kinh A-hàm, xuất xứ từ Trí Luận. Chữ “tri” trở xuống là dùng lý để nạn phá. Trước rõ đánh chuông thì năng giáo, sở giáo đều chung cho đạo tục, nhưng biết lời tịnh thì năng không, thông tục sở không thông đạo. Sự phi tương dụ cho nên dùng nạn đó. Biết tịnh không chung với tục, năng giáo cuộc hạn ở đạo, chuông thì không như vậy. Thông người tục kia sai người đánh hay tự mình làm sở giáo cuộc hạn người tục, chuông cũng không như vậy. Chung Tỳ-kheo kia nhận dạy, tự đánh, cho nên “sớm” trở xuống là khuyên cố gắng. Sớ nói rằng: Lời “tri chung” tuy chẳng hại lớn nhưng là điều rất kỵ của người biết pháp (xưa ghi vọng giải, dùng số đối chiếu mà giải thích).

Thứ hai, là nói chỗ đến, gồm nêu thông cuộc. Phân khoa nói rằng “phần chừng” là đâu?

Đáp: Nghĩa chung là thể đồng, cuộc nghĩa là tướng khác. Đồng thì lược, phân biệt cần bày, từ cuộc nêu tên nên nói là phần chừng. Khoa dưới dùng người dụ cũng đồng với ở đây.

Hỏi: Tướng thông cuộc thế nào?

Đáp: Một xứ, hai người. Nói xứ là giới tác pháp và giới tự nhiên. Ở đây chung cho tác pháp có ba, giới tự nhiên chia làm sáu thì là cuộc. Trong người, riêng người và tăng hai vị là chung. Riêng có ba việc, tăng chia bốn loại cho nên là cuộc.

Lời trùm đầu đề, cương yếu một thiên biết lược đề mục, ban đầu có thể tìm trong văn. Trong nêu bày ý chế duyên khai. Thiên sau đã rõ không thể hai phần nhiều, cho nên chỉ sau, nghĩa loại tướng đều từ đây.

Tác pháp có ba: Giới tràng, đại giới và tiểu giới. Giới tràng bốn nhóm, tuy gồm đại giới, chánh ý rõ giới tràng. Lại nhóm tăng y cứ sự

có chung có riêng. Chung nghĩa là thuyết giới, tự tứ trong ngoài đều nhóm. Riêng tức là pháp khác tùy giới làm riêng. Nay văn hai giới đều từ biệt luận.

Hỏi: Như trong nhóm chung, trên giới tràng, không đến có phạm tội biệt chúng chăng?

Đáp: Pháp thành mắc tội, chẳng ngại khác giới mà không có lỗi riêng chúng.

Hỏi: Tiểu giới nói tự tứ có nhóm tăng chung hay không?

Đáp: Vốn do nói tự tứ, khai kết ngăn quở trách. Đây thì ba tiểu giới chỉ có nhóm riêng.

Kế là nói giới tự nhiên, khoa đầu chia làm hai: Đầu tiên là bày tướng. Trong phần bốn, xóm làng, lan-nhã đều có hai thì là sáu tướng. Chữ “giai” trở xuống là giải thích tên gọi, đối kia tác pháp duyên tạo thành. “Cho nên phải” trở xuống là nêu ra chỗ.

Hỏi: Sở dĩ phải luật đều không lập ư?

Đáp: Chỉ là thiếu, lược nghĩa quyết đủ.

Y cứ ba tiểu giới rõ chỉ chỗ nhóm, Sở chép: “Tuy ngay trong bộ không có giới tự nhiên khác chỗ hay dưới đường, tức là Thanh văn nói là một giới, dưới là lan-nhã”. Nay nói không ấy hoặc chẳng rõ văn, hoặc không có phần chừng.

Ban đầu rõ xóm làng có thể chia, y cứ theo Sở chia làm hai: Tăng thì ở không đối (người có thể phân biệt) xóm làng cũng khắp, viện có thể đều hết (chỗ có thể phân biệt). Ni Sao chép: “Ngoài thành, bên thôn phường thì ba-la-di, thành ấp nhân dân thưa thớt thì có thể được phân chia, cho nên phải làm bốn câu:

- 1- Người và xứ đều có thể chia thì y theo tướng này.
- 2- Người và xứ đều không thể chia như lượng ở sau.
- 3- Người có thể chia, xứ không thể chia.
- 4- Xứ có thể chia, người không thể chia, đều y nhóm sau.

Cho nên biết tướng này quyết cần đủ hai, văn dẫn luật Thập Tụng quyển 22, kia nhân Tỳ-kheo hỏi Phật, ban đầu đến kiết giới, tức dẫn lời hỏi. Luật ấy chép: “Bấy giờ, giới nên tính bao nhiêu”. Nói không Tăng phường là người có thể chia, xóm làng là xứ có thể chia. Chữ “tùy” trở xuống là lời Phật đáp, nghĩa là tùy chỗ rộng hẹp tức là giới hạn. Chú hành đến xứ thấy bốn mươi bảy, cho nên nói rằng: “Văn sau”. Chữ “thử” trở xuống là trước dùng nghĩa quyết. Phần chừng tức đồng thể phần, nói chẳng phải giới thể xóm làng. Ý không chấp cho nên Nghiệp Sở chép: Dù trong văn kia chứng hành đến xứ, ở đây chế nhiếp chung

sợ ngại trong giới, quyết khi tác pháp thân ở ngoài cửa, cũng được đồng thành. “Tứ phần” trở xuống là kế dẫn văn quyết tức giới trộm, xóm làng ngăn lấy bốn tướng (1/ Tường khắp bốn bên. 2/ Rào tre. 3/ Tường rào không khắp bốn bên. 4/ Chung quanh có nhà) thì kia nói, đây là thôn, tụ lạc tướng đồng, không cần xa lấy. Đây do kia chấp cho nên đặc biệt chú thích rõ (xưa ghi vọng giải, y theo Sở là đúng).

Hỏi: Trong do chỗ lan-nhã xưa là hoang vắng, nay có tăng phường, chẳng phải lan-nhã, chẳng phải xóm làng, nhóm tăng khó định nên đặt ra lời hỏi đó?

Trong bộ quyết, ban đầu y cứ văn trước. Nay sau tỷ dụ tức chỉ tăng phường, đồng với xóm làng lại là lan-nhã được đồng có thể chia.

Trong phải hiển, văn dưới lại chỉ bốn mươi bảy. Đầu tiên dẫn văn cho nên sau dụ trái lại. Không xóm làng là nói chỗ hoang vắng. Ban đầu xây dựng tăng phường là đây y cứ tướng xây dựng Tăng viện chưa xong. Trước kết giới: Là nói hội đồng trong nghi, nghĩa là xóm làng chính là nơi dân ở, già-lam tướng khác không được nêu đồng, cho nên ở đây nói lên điều đó.

Nói trong luật tức là chỉ giới trộm, nêu đủ bốn tướng như trên đã dẫn và sau giới lìa y giải thích giới già-lam, lại không nêu riêng, lược chỉ như trên, cho nên biết là đồng, hẳn sau lựa lựa chuẩn không khắp tịnh. Ba bên có tướng cần y cứ theo xóm làng nhóm hai mặt, một mặt lại y lan nhã, có người mê đây gọi là trong thành ấp, chỗ tướng viện trùm khắp đều có thể phân chia. Xin đem đồ tướng trong thiên kết giới. Lam viện có bốn bên, tự nhiên ra bốn phía, tức biết sai lầm không nhọc công phá. Nay cho là tiện rõ già-lam đồng có thể chia, nhóm chỉ cuộc hạn ở lan-nhã, không chung với chỗ khác, người học tìm rõ trong văn để hiểu rõ.

Trong không thể phân chia lại chia làm hai. Ban đầu là nói theo người. Chữ “Tăng” trở xuống: hai là xứ biện. Sở chép: “Hoặc y cứ sự đến đi của tăng nạn có thể biết. Hoặc y cứ nơi chốn tán lạc không biết bờ mé, hề có một món liên thân về đây”.

Ni Sao chép: “Chỗ của Trung Hoa người dân rất nhiều không thể chia”. “Tổ dụng” trở xuống là bày lượng. Kia do có người hỏi Phật cách trồng cây, Phật dạy “bảy cung trồng một cây”. Sau đó, Ưu-Ba-Ly hỏi lượng nhóm tăng, liền dùng để đáp. Khác chúng thấy nhau là y cứ hai bên hướng về nhau tác pháp mà nói. Chữ “y cứ” trở xuống là tính số, Năm khuỷu tay là một cung, một khuỷu là một thước, tám cung dài chín thước, bảy lần chín là sáu trượng ba thước, sáu thước là một bộ, một

gian tính mười bộ rưỡi, như vậy mà hợp.

“Không đồng” trở xuống là phá xưa. Số chép: “Xưa nói bảy mươi hai bộ rưỡi” là tính sai bảy khoảng cây. Hoặc chấp xưa nói rằng “Hạn hai đầu cây đều có thể phần”. Lại nói rằng: “Chu vi trồng cây”, lại sửa Tăng-kỳ là chữ “tám cây”, các chỗ khác rộng như kia. Dưới chỉ nghĩa Sao tức ý theo san phần, văn kia đã mất, ý như trước bày. Xưa ghi không biết lý do nêu rằng “chỉ lầm”, nhờ khiến là lầm một chỗ, có thể vậy. Hướng gì quyển thượng này có hơn mười chỗ chỉ rộng như kia, xem xét kia và không há đều là lầm ư? Vu báng bậc Thánh, nhục mạ Tổ tông, không sợ vờ ượng lụy, dẫn lầm người sau đâu có thể cùng.

(188) Kế nói về lan-nhã. Trên lược bỏ chữ A, cũng nói là A-lan-nhã, tức là chỗ vắng vẻ, có sáu loại khác nhau, sợ lạm danh tướng cho nên trước lựa nêu. Trong sáu loại gợi ý tức giới thứ ba mươi làm sợ hãi lia y.

Giới của tăng có hai, như đây nói rõ, nạn sự tức Đề-Xá giới cuối, còn bao nhiêu có thể biết. Trong không nạn, đầu tiên nêu không định. Số chép: “Các bộ đều nói một Câu-lô-xá”, mà xen nói không định, lớn thì hai ngàn cung, cung dài năm khuỷu (Tăng-kỳ tính mười dặm). Nhỏ thì năm trăm cung, cung dài bốn khuỷu (Luật Thập Tụng tính sáu trăm bộ là hai dặm).

Chú dẫn rõ Số, dịch đồng bốn luật, nhưng trống có lớn nhỏ, tiếng có xa gần, cũng không thể chuẩn mực. Chữ “ly” trở xuống là nói nay thủ, kinh kia nói rằng: “Một câu-lũ-xa”, chú rằng “Đời Tần nói năm dặm”.

Trong có nạn, ban đầu dẫn văn bày, nói ở ngoài nghĩa là người quở pháp không đồng giới. Chữ “kế” trở xuống là nêu số. Một trăm chín mươi sáu khuỷu tay gồm ba mươi lăm trượng hai thước tám tấc. Ba mươi trượng là năm mươi bộ, bốn trượng tám thước là tám bộ, chỗ khác như số.

Hỏi: Sao gọi là có nạn?

Đáp: Người xưa chỉ nói là “Tỳ-kheo tội ác làm trở ngại”, cho nên phần nhiều hiểu lầm. Nay phải giải định, đây nghĩa là bốn giới người được quở trách tâm không bằng lòng, cho nên đến quở trách khiến việc không thành gọi là nạn. Tức Luật Thiện Kiến chép: “Người không đồng ý” đâu không nói ư? (có người cho gần chùa lia nhóm họp mà gọi là có nạn là lầm).

Hỏi: Có nạn, thì dùng loại pháp gì?

Đáp: Đây cuộc hạn ba tiểu giới, không chung cho pháp khác. Cho

nên biết, có nạn từ ba tiểu mà có được tên. Sở giải thích ba tiểu giới nhóm Tăng hỏi rằng: “Đã có nạn duyên không so với bình thường, nên dùng như Luật Thiện Kiến ở bảy Bàn-đà mà nhóm, đâu chẳng rõ y cứ, đây là định nghĩa không nhọc kinh sợ lầm lộn. (hoặc có người không chịu, xin lấy ba tiểu giới trong thiên kiết giới đối chiếu đó thì đúng sai sẽ thấy. Nếu không như vậy, có nạn tự nhiên làm pháp gì phải suy nghĩ).

Trong đạo hành có hai, ban đầu dẫn rằng: “Văn nêu giới ăn riêng chúng, nếu nói riêng chúng đi đường thì không phạm”. Nay nói không được là nói theo sự dừng ở, không riêng lý do đến tùy tướng mà biện. Chữ “diệc” trở xuống là định lượng, câu đầu chỉ nói về thông mạn, chữ “thủ” trở xuống là dẫn luật để giải thích.

Hỏi: Lan-nhã, đạo hành đều một câu-lô-xá mà lớn nhỏ khác nhau là sao?

Đáp: Lan-nhã, các bộ đã riêng nêu lấy trong ấy. Đạo hành chỉ nêu ra nhiều tông, lý đồng luật kia. Sở chép: “Bộ riêng phải lấy Thập Tụng là đúng”.

Trong Thủy giới, ban đầu dẫn luật Ngũ Phần, đi trong nước nghĩa là lội đi. Chỗ vấy nước đến là nêu giới hạn. Kế dẫn luật Thiện Kiến chia làm ba, ban đầu định phần chừng, y cứ theo thể phần lia y ở sau, tương truyền mười ba bộ làm nhất định. Chữ “thủ” trở xuống là kế chọn lựa có thể chẳng? Lấy chỗ thường chảy là giới tướng định, Thủy triều không được vì Sở chép rằng: “Do vì chợt tràn”. Chữ “nhược” trở xuống là thứ ba nói về đi ghe, lại chia làm ba: Ban đầu, nói trở xuống là có thể, Sở chép: “như đồng”. “Sở dĩ vậy” hoặc sợ giới tự nhiên giới hạn không nhất định, hoặc kết ghe giới tướng có khác nhau. Chữ “bất” trở xuống là nói phiền lạm được chẳng có thể tìm.

Nếu theo luật Thiện Kiến, trong nước không được kết giới tác pháp. Sở chép: “đây luận do tướng nước lên xuống, thể tướng khó biết”. Nay thì y cứ trên bờ chia nêu, nghĩa cũng có thể được, như trong kết giới. Hỏi: Vì sao chỉ có sáu tướng?

Đáp: Vì nhiếp hết xứ.

Hỏi: Dùng bao nhiêu việc?

Đáp: Pháp kiết chưa cùng, chỉ trừ nói tự tứ. Thông hành các pháp chế, sau tăng sự cuộc khai kiết, tâm niệm, đối thú và ăn riêng chúng đều cần y cứ giới.

Hỏi: Dụng có thông cuộc, có được nghe hay không?

Đáp: Lan-nhã có nạn chỉ hạn cuộc ba tiểu giới, từ năm tướng khác

đều chung cho đại giới. Thủy giới, đạo hành giới hai chỗ nghĩa không có giới tràng. Trong ăn riêng chúng cũng ngăn năm tướng, trừ lan-nhã có nạn.

Hỏi: Tướng hoặc tướng lợi, dùng gì để phân?

Đáp: Xóm làng, lan-nhã hai tướng riêng dễ biết, đạo hành chẳng phải thuộc hai món, thủy giới chung ba chỗ. Trong luận thể, trước rõ phần chừng, tức giới thể lượng. Các nhà phán rộng, hẹp, vuông, tròn, phải, trái khác luận, cho nên lại biện định, không tùy riêng hiển nên nói là gồm luận.

Ba món tác pháp, đại giới, giới tràng đều tuy nêu tướng, một món tiểu giới tùy người nhiều ít. Trong tự nhiên có thể chia xóm làng cũng tùy bốn tướng, đồng tác pháp trên cho nên nói là cũng không, chẳng thể phân chia, trong phần nêu khác nhau có ba, tức ba hỏi đáp đều có nhiều thuyết:

1- Hỏi: Trước rõ sáu mươi ba bước là y cứ bốn mặt đều lấy làm, y cứ một mặt lấy nửa mà hai hướng chung thành?

Đáp: Trong phần đầu phán định: Chữ “cố” trở xuống là dẫn chứng điểm bày dưới đây.

2- Hỏi: Trong chánh định giới thể, cho nên y cứ hai chỗ bình pháp lập hỏi.

Đáp: Trong khoa đầu, câu đầu là san dị thuyết. Chữ “kim” trở xuống là thân chánh giải chia làm hai, đầu tiên là định lượng, trong chú giải thích nghi, ở đây y cứ bình pháp rõ tướng, sợ cho là vì không bình không nhọc giới. Chữ “cố” trở xuống là dẫn chứng lại tức văn trước đã y cứ hai chỗ, thì biết đều nữa đã rõ.

Khoa kế, ban đầu y cứ không người rõ thể. Chữ “nhược” trở xuống là y cứ có người rõ nhóm, y cứ theo đây sáu mươi bước bộ cần lấy hai tên gọi nêu khác kia đây. Đây tên tùy phân tự nhiên, kia tên dị giới tự nhiên. Chữ “cứ” trở xuống cũng gọi là hạn phân ngăn sâu. Trong ba, đầu tiên là nói về ngăn sâu, bất luận có không, lo có lỗi riêng chúng chia nhóm, cho nên nói rằng: “ngăn sâu”. Chữ “thật” trở xuống là bày phần hạn. Chữ “cố” trở xuống là dẫn chứng, ở đây nói hễ làm Tỳ-kheo chỗ nào có giới thì biết bảy cây, trong Luật Tăng-kỳ không thuộc một người, chứng nửa trên giảm nghĩa không sai.

3- Hỏi: Do xưa chấp khác cho nên hỏi để tránh.

Đáp: Văn câu trên của khoa đầu là văn xưa, kia cho là sáu mươi ba bước, nhưng cứ Đông, Tây, Nam, Bắc mà lượng, không y cứ bốn góc cho nên định phương.

Chữ “kim” trở xuống là bác bỏ lỗi. Trong phong tục, cách tính phương năm tà bảy. Lại y cứ phần hạn tự nhiên, bốn phương sáu mươi ba bước, bốn góc thì hơn hai mươi bộ. Ngăn sâu y cứ biết phương y cứ luật Tăng-kỳ, góc không chỗ y cứ cho nên ở đây bác bỏ.

Trong hiến chánh, hai câu đầu lập nghĩa tông. Chữ “nhược” trở xuống là giải thích hai tướng định và bất định có thể biết. Có giới riêng: Hoặc là giới tác pháp, hoặc y cứ giới tự nhiên, nước, bờ xâm nhau thì tùy xa gần. Trong phần ngăn vọng, đầu tiên là dẫn chỗ y cứ kia, nhưng nói phương riêng không nói góc, cho nên gọi là không giải thích chung ý văn. Chỗ thân mặt hướng về thì thông tất cả, không cuộc hạn phương góc.

Chữ “phi” trở xuống là ngăn lựa chọn, lược âm trắc. Chữ “văn” trở xuống là nêu việc để dụ nạn. Kia chấp luật Thập Tụng, hai chữ “phương các” không lường bốn góc, cho nên dùng đây mà chất vấn.

Kiên-độ thọ giới nói pháp đệ tử rằng: “Nếu Thầy sai đến phải vui vẻ làm tròn, không được từ chối, nương gá nhân duyên mà ở, cho nên nói rằng “Theo thầy”. Trong phần chánh giải, dẫn văn có ba. Ban đầu dẫn luật Ngũ Phần chứng minh không cuộc hạn ở phương, nhưng nói rằng “Thân mặt” có thể giải quyết ở luật Thập Tụng. Kế là dẫn luật Thiện Kiến để chứng minh cần phải viên. Nói phương viên thì phương là chỉ bốn hướng, viên là chỉ giới thể. Chữ “nãi” trở xuống là dẫn rõ luận chứng lấy bốn góc, nhưng kia là tác pháp, nay rõ giới tự nhiên, nhưng lượng pháp không khác cho nên được dẫn chứng. Hợp, dụ như hòa. Giác là bốn góc. Trong luận chánh ngăn lấy phương bỏ góc, kết khuyến có thể biết.

Trong văn chỉ rõ không thể chia xóm làng, còn bao nhiêu y cứ theo bốn dụ.

Hai là rõ tụng tăng, rõ nghĩa tăng, câu đầu bày vị. Luật chép “Có bốn hạng tăng:

1- Tăng bốn vị: Trừ thọ giới (bạch gọi, đối hỏi hai đơn bạch, trong lúc thọ một phép bạch tứ) tự tứ (năm đức hòa tăng bạch một lần) xuất tội (Tăng tàn một lần bạch tứ) còn tất cả yết-ma nên làm (Số nói: “trừ ba đơn bạch; hai là bạch tứ, bao nhiêu đều bốn vị tăng làm).

2- Tăng năm vị: Trừ ở giữa nước thọ giới và xuất tội Tăng tàn.

3- Tăng mười vị: Trừ xuất tội.

4- Tăng hai mươi vị, tất cả yết-ma được làm.

Chữ “phiếm” trở xuống là bày danh nghĩa. Chữ “nhược” trở xuống là giản lược nêu tướng phi, ủy như đủ số. Năm câu trong văn, câu

đầu và câu thứ tư đầu y cứ năng bình, câu kế là chỗ làm, câu thứ ba chung năng sở, như đối chúng hỏi nạn, xả đọa, thọ sám... vì người năng bình tức chỗ lương. Câu năm trái nhau, như bốn nghĩa xen nhau, v.v... Bốn câu trên bày riêng, câu dưới là bao gồm.

Chữ “thông” trở xuống là chỉ rộng. Nói bảy món là gồm sáu chúng khác. Số nói rằng: “Đối pháp tâm niệm lập tăng một người, đối với đối thú lập Tăng nhiều người (hay hai ba người), đối với chúng pháp lập Tăng bốn người”. Lại nói rằng: “Đâu không rộng bình gọi chung là Tăng” (xưa nói Tăng lựa riêng là lầm), dưới chỉ nghĩa Sao văn miễn (xưa nghiệm kia không văn là sai).

Trong nghĩa chung của Nghiệp Số nói rộng về thể tướng, chẳng thể chọn bày cần học mới biết. Chữ “tức” trở xuống là thiên yết-ma cũng rõ bảy vị pháp sự như hay phi, tìm đó có thể lãnh hội. Trong lệ riêng, vị riêng dễ hiểu, lược bỏ không nói. Thiên này nhóm tăng lại y cứ vào đại chúng.

Đầu tiên bốn người, Số chép: “Tăng tuy có bốn, thể tướng chia hai: Một là thể chẳng đủ, bốn không gọi là tăng, sau tùy sự chia cho nên có ba món riêng. Trong văn lại nêu lời kết, thật ra trong một trăm ba mươi bốn pháp trừ năm món trên còn bao nhiêu tăng bốn người đều được làm.

Trong năm người, ban đầu bày bốn tông, biên thọ hai pháp giáo thọ thừa gọi. Giới Sư đối hỏi tự tứ thừa hòa, chỉ có ba lần bạch, đây là năm người dùng. Nếu y cứ tăng thể bốn người có thể làm, nhưng do sự duyên nhờ nhau chẳng phải năm người không thành, cho nên ngoài bốn người thêm một làm tăng năm người. Biên thọ bạch tứ lại thuộc bốn người. Chữ “nhược” trở xuống là kế lấy bộ khác, bốn tông thọ sám cũng chỉ bốn vị, nay y theo Luật Tăng-kỳ thêm vào trong năm. Kia nói rằng: “Năm chúng yết-ma là tự tứ, biên thọ (thọ giới cụ túc ở biên giới) tất cả phạm Ni-tát-kỳ.

Mười người, Số chép: “Ở giữa nước tăng nhiều, trước thọ sinh mạng, cho nên gấp bội số năm ở trước là tăng mười người”.

Hai mươi người, hai thiên gần phạm trọng, hối hận tánh tình nông nổi cho nên gấp bội thọ giới là Tăng hai mươi người, y cứ theo Số.

Hỏi: Thọ giới, biên địa khai cho năm người, lệ y cứ xuất tội cũng nên khai mười người?

Đáp: Thọ giới là sinh thiện nên khai thì có lợi ích, xuất tội là diệt ác mà khai là thêm lỗi. Còn bao nhiêu rộng như kia.

Trong thể dụng, câu đầu gồm chung bốn vị. Chữ “nhược” trở

xuống là bày riêng thể Tăng. Ban đầu rõ thể chung, chữ “kim” trở xuống là rõ dụng riêng. Trên tức y luật lược bày tăng thể, luật bốn chỉ có y cứ theo số nói về thể, nghĩa là một người, nhiều người, bốn người, như lấy giả dụng bèn y cứ thành luận, rõ ý văn nay. Tuy chẳng chánh biện bốn người, thật biện chẳng phải thể, mà sao thì nói xưa ghi chỉ trước nêu tông là Tăng thể, ấy là lầm.

Trong chọn tịnh uest, văn ban đầu tự hành lấy tịnh, chỉ y cứ tự biết, gạn có chỗ phạm, sám hối rồi đồng pháp, không như vậy thì quyết y cứ ba căn xem xét trong đực, trong thì sẽ dự số tăng, đực thì quyết trị tấn xuất, căn không ngoài chương cũng cho tham dự.

Khoa kế, trong chọn sạch, ba câu đầu lựa định văn lược tự tứ. Chữ “dĩ” trở xuống là giải thích thành. Ban đầu giải thích nói giới. Câu trên chế năng thuyết, câu dưới chế người nghe. Sau giải thích sám tội, câu trên chế năng sám, câu dưới chế người thọ sám.

Hỏi: Tất cả các yết-ma đều thuộc trong hai môn sinh thiện và diệt ác, làm sao phân chia?

Đáp: Như các hối tội trị tấn, diệt tấn, can ngăn, v.v... các pháp, gọi là diệt ác, còn ngoài ra đều gọi là sinh thiện.

“Xưa thấy”, trở xuống là nói rằng sinh thiện, liền khoa đây là diệt ác, đến đối khiến kẻ hậu học vọng cho là nói tự tứ, đồng là diệt ác. Phải biết, trong văn nói đủ hai món, nói giới là sinh thiện, sám hối thuộc diệt ác, người trí phải xem xét, mong không lẫn lộn.

Kế trong thông uest, ban đầu chánh rõ. Chữ “cố” trở xuống là dẫn dụ có hai. Ban đầu luật khai bạch dừng tăng tàn, đến trước thọ giới. Hai, là trong luật có người thọ giới rồi nghi Hòa-thượng phạm giới có bốn câu. Ba câu không biết đều được, câu sau biết cho nên không được, như thiên kế dẫn đủ. Chữ “tát” trở xuống là dẫn chứng.

Hỏi: Là y cứ việc làm không biết, là năng bình lẫn nhau không biết?

Đáp: Lại nói về thọ giới, người bị làm không nghi, gạn phạm mới thành pháp. Nếu nói năng bình chỉ ý cứ bốn tội trọng, đều không biết nhau cũng thành pháp sự.

Thiên sau giao phó đầy đủ cho nên ở đây chỉ đó.

THIÊN GIẢI THÍCH ĐỦ SỐ

Đề nói là đủ số, đủ giống như đây. Tức trong luật nói “được đầy không được đầy”, v.v... như sau dẫn đủ. Số có bảy vị, ban đầu từ một người trọn đến hai mươi người, nhưng nay phần nhiều nói theo chúng

pháp. Đối thứ, tâm niệm đồng phải ứng pháp. Sở chép: “một người nói giới biện cùng trăm ngàn mở bày giáo đồng, v.v...”, cho nên có thể biết. Chữ “nhiên” trở xuống là trong văn phần nhiều nói không đủ làm cho thành đủ, vì vậy y cứ vào khả năng, xếp thiên tựa ở đầu.

Chúng tướng: Có bốn viết là Tăng tướng, người giải thích rằng “Tăng, Hán dịch là chúng”, nay thì không phải như vậy, bốn dụ lựa chọn tướng kia chẳng phải một nên nói là “Chúng”. Riêng chúng phụ là đủ tướng thiếu vì loại tướng theo.

Trong ý đến, hai câu trên rõ tướng sinh. Tăng tuy đã nhóm, chân nguy tham nhau. Pháp nhờ người mở mang, người trái thì pháp bại hoại, chế khiến lựa chọn y kia có thể biết. Chữ “nhược” trở xuống là bày hai đường, ban đầu đến tăng dụng là nói về thể, chẳng phải tướng đủ, đây là một đường, là dụ thứ ba. Chữ “tất” trở xuống cho đến Tăng nhiếp là rõ tướng trái thể định, đây là một đường, tức là dụ đầu.

Nương sự đối duyên đều y cứ ba nghiệp ngoài tướng mà nói. Chữ “đĩ” trở xuống là tiếp trước phát sau. Chọn lựa là bốn dụ sau, phải trái y cứ chỗ lựa chọn, lấy bỏ y cứ Tăng dụng. Còn trong bốn dụ tức trước hai đường mở ra hai dụ, câu đầu nêu ra thứ lớp. Và thể như cũ, thứ ba nêu ra thứ hai, đều thể phi cho nên nêu cốt yếu mà nói. Ban đầu thể phải tướng quấy cho nên bỏ, thứ ba thể quấy tướng phải cho nên lấy, thứ hai đều quấy cho nên bỏ, thứ tư đều phải vừa lấy vừa bỏ, đối văn có thể biết.

Hai, là nói rằng “thể cảnh”, thể là giới thể. Cảnh tức là nhân cảnh, ban đầu dụ y cứ trong văn nêu Tứ Phần là kiên-độ Chiêm-Ba, chia làm bốn câu:

- 1- Được đủ không nên quở (bốn người yết-ma, thấy ở dụ thứ tư)
 - 2- Không được đủ nên quở trách (muốn thọ đại giới người khai quở trách, tức sau Sa-di chỉ một pháp này)
 - 3- Không được đủ không nên quở trách (Hai mươi tám vị, nay Sao lấy sáu người, thể như ở dụ đầu. Hai mươi hai vị thể phi, ở dụ thứ hai)
 - 4- Được đủ nên quở trách (Tỳ-kheo hiền thiện, trong thiên chỗ chọn chính là lấy người này, nay phải chia làm hai: 1- Thể tướng đều lành. 2- Thể sai tướng lành, là môn thứ ba, đều thành quở đủ)
- Sáu người, danh tướng sau văn tự giải thích.

Trong y cứ nghĩa, khoa đầu xả giới, văn có hai điều nêu ra: 1/ Nêu ra giới dâm. 2/ Nêu ra pháp thọ. Như trong pháp thọ lại có người say, chú yết-ma đủ dẫn. Luật ấy chép: “Thọ giới xả pháp, trong đó nói rằng: Ngủ vùi, say, cuồng đều không tướng lãnh hội, đều không thành, v.v... Nay lại dẫn văn trong giới dâm, hoặc do giải thích lầm nên phải làm lại,

hoặc sợ viết sai. Điên cuồng là một người (văn luật kể dụ loạn tâm đầu não hại người, nay dùng điên cuồng bao gồm). Cầm, điếc, điên cộng là ba người, bên trong xen làm hai người. Văn luật rất rộng, lấy cốt yếu lại nêu chín người. Chữ “vị” trở xuống là bày nghĩa.

Văn luật Thập Tụng thấy có bốn mươi chín, kia trước hỏi rằng: “Nếu chúng tăng vì việc ngủ vui mà tấn xuất một Tỳ-kheo có được gọi là tấn chăng? Chữ “nhược văn” trở xuống là dẫn lời đáp kia. Nghe bạch thành là đã biết chỗ làm, tình hòa đã bày. Đủ hai là gồm cầm và điếc. Văn kết viết lầm hợp thành mười một, nhưng kia thật có mười hai mà một người tại gia do thể sai, nên chọn về khoa sau còn bao nhiêu nên hiểu như ở sau. Già luận nói ba người là lấy khác kia, đồng thì chỉ trước, nhưng kia có người chuyển căn liền lạc trong ni thứ hai, cho nên không dẫn nữa.

Tăng-kỳ nói trước năm như ở sau giải thích. Xen làm là trong bốn tùy nêu một nghi tác pháp, còn ba thứ kia thành riêng, thì một nghi có ba thành mười hai.

Sớ chép: “Lại từ bốn nghi liền hợp với chín trước, nghĩa thêm hai người. Ban đầu người say nêu ra trong phần thọ pháp xả giới. Hai, “tự ngữ” trở xuống bốn câu là một người, tức như trên dẫn văn xả giới. Hai câu trên rõ tự mình không hiểu, hai câu dưới rõ người khác không hiểu. Chữ “thị” trở xuống một câu chánh thức bày nghĩa đoạn. Những người khác đều có các bộ văn chứng, hai điều này riêng không có lý, có thể sai trái. Cho nên danh nghĩa thêm phi, nghĩa là Tổ Sư tự ý thêm đó (xưa chép: Nghĩa thêm ba người, người không hiểu luật là quấy. Một không biết nghĩa thêm, hai là khen văn cú pháp, ba là không hiểu si độn tức không hiểu luật nhân. Như sau giải thích, trong Nghiệp Sớ về trước gồm ba mươi một người).

Khoa đầu giải thích riêng Tư Phần. Trong “sở vi” ban đầu nêu, trở xuống là giải thích. Trên rõ lý do không đủ, văn y cứ xin pháp y cứ nhiếp nhiều món. Nay chia ra ba biệt một xin pháp (xứ chia nuôi chúng, cầu sám... là bày lời xin, thọ nhật không có lời xin).

Hai là không xin cho thẳng (như các lời sai người và trị tội, can ngăn, v.v...)

Ba, tự thân tác pháp tức là việc làm (Giới Sư bạch hòa, thọ sám xả đọa)

Vì tăng lượng: Lượng là quán sát người trước có khả năng chăng? Đã là tự xin đâu cho tự lượng, chế không tính đủ số, ý là ở đây.

“Nếu thông” trở xuống là kể rõ phi pháp nhập số. Hai câu này lời

ý hình như nặng, hoặc sợ ý riêng hiểu đó. Trong chung nạn, bốn luật bốn người nhưng trừ ba pháp không được làm (thọ giới, tự tứ, xuất tội, đủ như thiên trước) mà không nêu trừ thọ nhật, thì biết bốn người được làm pháp này do đương thời lạm làm, lại muốn trọn bày nghĩa “những việc đã làm” cho nên hỏi để giải quyết.

Đáp: Ba câu đầu chánh đáp đồng với trên. Văn sau thôi không trừ lý do. Ban đầu rõ phi năm người, cho nên sau rõ nhiếp ở bốn người.

Trong luật chỉ có ba pháp đơn bạch là pháp năm người, từ sai người, y công đức, thọ nhật, v.v... đều cần năm người làm, mà pháp năm người sai cho nên nói rằng “sự đồng”. “Sở vi” là gồm các pháp trên, không đồng trở xuống là chọn khác. E nói rằng nếu không cho bốn người thọ nhật thì thuyết giới, giới Sư kết giới xướng tướng thân ngoài ba người do đâu mà được thành? Cho nên ở đây giải thích.

Nói vì tăng là hiển này riêng. Trong thân túc, nghĩa là có thân thông, chân đạp hư không là do giới hạn y cứ vào chỗ trống mà nói về hư không, cho nên nói rằng không “phần chừng”. Ẩn mất trong hầm ở chỗ cấm, ngược với hang đất, vì trong chỗ hang hầm thân không hiện. Trong lia thấy nghe, đầu tiên nói chỗ kia, chỗ trống nhưng tay không đến nhau, cho nên lựa chỗ che mới có tướng này. Như mà ngủ đêm tức trong chín mười giới có giới. “Ngủ với người nữ”, tướng nhà có bốn (một bốn bên ngăn trên có che. Hai, là trước ngăn không vách. Ba, là tuy che mà không khắp. Bốn, là tuy che khắp mà có chỗ mở, như ở sau có giải thích đủ).

Chữ “thử” trở xuống là bày chỗ lia, sau trong pháp dục thấy nghe đều lia thành lỗi, nay cũng đồng. Chữ “Như” trở xuống là chỉ lược xưa có thuyết khác, cho nên chỉ như kia, văn ấy đã mất.

Nghiệp Sở chép: “Nay hiểu đều trông lẫn lửa đồng tòa”. Không y cứ người làm yết-ma, như Chuyển Luân nói giới tám vạn tự tứ, do đâu nghe khắp, chỉ lấy liền nhau, tức chẳng riêng chúng, v.v... Trong biệt trụ, ban đầu nêu ra giải thích xưa, đã đồng một giới đâu gọi là biệt trụ? Cho nên không dùng. Trong giải thích nay, hai câu đầu lập nghĩa. Chữ “phi” trở xuống là ngăn nghi, về sau là giải thích nghi ngờ. Trong giới tràng, trước giải thích biệt trụ, đã y cứ khác giới, tự nhiếp giới tràng, không phải nêu lại cho nên đối khoa trước giả nghi để giải thích. Ban đầu nêu nghi, dưới đây quyết nghi. Hai giới là biệt trụ và giới tràng đồng ở chỗ tự nhiên, giới tràng tuy là pháp địa nhưng ở ngoài tự nhiên, cho nên Nghiệp Sở chép: Giới tràng tuy là đại giới bao quanh mà hai giới không liền nhau, ở giữa có đất trống (trung gian, cũng gọi là không

địa) tức là khác giới.

Luật Thập Tụng nói, trong bốn người, ban đầu rõ lý do không đủ. Vốn là vô tâm, Nghiệp Sở chia hai, ba cái trên vì vô ký không duyên thiện ác, người lành nhập định có sự vắng lặng riêng, cho nên luật Thập Tụng trở xuống là dẫn chứng, tức nhóm tỳ- kheo sáu vị làm duyên. “Phật nói” trở xuống là văn lược, kia do lập chế cho người yết-ma phải nhất tâm chớ dạy bảo khác, suy nghĩ khác, chuyên tâm kính trọng, tâm tâm đồng nhớ, v.v... Y cứ sau nghĩa quyết có hai.

Đầu tiên là quyết ở số chúng, quá nghĩa là ngoài bốn vị. Chữ “túng” trở xuống là kế quyết không nhóm chẳng riêng. Do trái tăng dụng cho nên chữ “du” trở xuống là chỉ lược, tức mười duyên trong chọn chúng thứ sáu.

Kế trong ba người, ban đầu bày lý do. Hai căn tai, lưỡi chứng pháp là cốt yếu. Chữ “cố đại” trở xuống là dẫn pháp giải thích thành. Hai, năng tức ở trên nói. Nghe, mù đều hai năng sở để thành đủ. Tướng trái riêng cho chỗ khác nghiệm. Cho nên y cứ ở dưới dẫn luận để quyết, cũng lấy biện rõ người Yết-ma.

Sau, ba người, ban đầu nêu ra lý do, chữ “nhược” trở xuống là dẫn bày khác nhau. Ban đầu bày hai phẩm thượng hạ đều không cần pháp. Thường nhớ tức phẩm hạ, không nhớ tức phẩm thượng. Nói nhớ, không nhớ là y cứ nói pháp tự tứ thường hành. Chữ “nhược hồ” trở xuống là rõ trung phẩm cần pháp. Bạch nhị xa thêm giải mới vào số, cho nên nói là “dầu khiến”, v.v... Chữ “thống” trở xuống là nêu đồng hai cái khác, đều chia ba phẩm, do ba tướng tuy khác mà đồng loại điên cuồng. Tứ Phần gọi là đầu đầu (óc), tức bệnh trước hoại tâm người, trong văn không giải thích tỳ-kheo trên cây. Luật kia nói rằng: “Tỳ-kheo ở trên cao giải tẩn không thành” nhưng nói trên cao là thông Tổ Sư giúp cho dễ hiểu. Vả lại y cứ một tướng nên nói là “cây”, do chỗ cao thấp tướng riêng chẳng đồng ở, cho nên Nghiệp Sở nói rằng: “Nếu cành cong ra chỗ ngoài giới, thân ở trong giới thành biệt giới ngoài chẳng biệt. Nếu không cong chỗ trong ngoài đều riêng mà là không đủ”, số thâu lựa chung mười người.

Ban đầu bốn người tốt tức tòa tâm, trái với dưới sáu bệnh báo. Ba thiếu tai, lưỡi ba lỗi ý căn. Sau một trái nghi, tìm văn sẽ thấy.

Già luận nói, ba người, ban đầu bệnh nặng hiển tướng, quyết y cứ thân hôn mê, thân tuy khốn đốn, dốc tâm dụ như không muội, Luật dạy cho đến, hoặc tăng đến kia, hoặc ra ngoài giới, cho nên biết là đủ. Về Biên địa, Già luận chỉ rõ biên, trong không đủ. Bốn luật xả giới xen không thành xả, cho nên sau y cứ giữa nước.

Chữ “tất” trở xuống là nghĩa quyết, vốn do nói không tương vì lãnh mà không đủ. Trong si độn, ban đầu bày ý không đủ, tức người không hiểu luật. Như kinh, luận, Thiền tông và các môn tạp học không thấm nhuần luật bộ đều thâu ở đây. Dầu xưng học luật thời buông lung lỗi học, không rõ duyên khởi cương yếu đều mê thành bại hoại, đua đòi phụ theo lạm dự nhân Sư, tự cho là mình tinh anh, thật đồng với si độn, cho nên Nghiệp Sở đã giải rộng, nêu năm món mê, nay dẫn cho đó, nên tự tỉnh xét.

Kia nói rằng: “Tụng văn mất hợp e có sự dừng lâu duyên vào sai trái, bên cạnh không có người biết, đây là mê thứ nhất (gồm bày bốn pháp đều không ai xem xét). Hoặc đồng tụng một pháp trước sau văn không trái, tướng năng sở không biết kia hay mình, đây là mê thứ hai (đây là mê pháp). Hoặc y cứ văn nhiếp cẩn thận, sâu luyện tự tha, thêm bớt trái sự pháp, lầm lộn không gọi là khiến ở, đây là mê thứ ba (nghĩa là mê sự). Hoặc văn cú bèn rõ, sự trái lạm, người có duyên khác, phải trái đều im lặng, đây là mê thứ tư (tức mê người). Hoặc người pháp đều đủ, sự cuộc hạn giới cảnh thành không rõ ràng, rốt cuộc đùn đẩy đưa nhận, đây là điều mê thứ năm (đây là mê giới). Xem năm điều mê này rất rõ bốn pháp, rộng khen cẩn thận hợp với tăng luân, đồng năm chỗ thâu nghĩa qui về không đủ (bốn pháp tức người, pháp, sự, giới).

Quyết nói, v.v..., nói nghĩa là yết-ma nói nghĩa. Chữ “tê” khứ thinh. Như khi nói giới chỉ giải một lần bạch, ngôn tướng trước sau liền đủ một số chỗ nói giới, do người khó đủ sợ pháp sự thiếu bỏ, gạn thông loại này. Tăng-kỳ, chín người bốn nghi dễ hiểu, nhưng giải thích năm người, ban đầu trong dữ dục, tâm tuy đồng pháp, thân không hiện tiền. Chúng lấy tướng đồng trái cho nên không đủ.

Trong cách chướng có hai: Ban đầu y cứ chỗ che chướng. Chữ “hoặc” trở xuống là y cứ chỗ trống, vì trong văn chỉ nói cách chướng cho nên chung hai loại giải thích. (tờ 191)

Trong che một nửa, phải giải thích hai người, do tướng tuy hai, riêng y cứ giới đồng cho nên ban đầu đều thông điệp. Chữ “vị” trở xuống là phải giải thích, hai câu trên bày chỗ đồng. Chặng giữa trở xuống là rõ tướng khác, chữ “tinh” trở xuống là gồm kết. Trong chỗ trống, câu đầu nhắc lại tên. Chữ “thử” trở xuống là giải thích tướng, ở đây nói, là chỉ chỗ nói ở trên. Tướng rõ là tuyên bày không lạm, quyết biết lựa che. Chữ “phú” trở xuống là đối với che giải thích thành, chữ “thuyết” trở xuống là lựa riêng, sợ cho là người khác cần, việc làm của hai thầy đều không cần, cho nên trong một tâm không quá tám thước

thì cho tiếp nhau.

Trong dụ thứ hai, hai phi tức thể và cảnh.

Hỏi: Cảnh và duyên khác nhau thế nào?

Đáp: Cảnh nghĩa là duyên tốt xấu của người, nghĩa là ba nghiệp trái, thuận.

Bổn tông, trong nêu bày, Ni là báo riêng. Sa-di chưa đủ, Thức xoa, Sa-di-ni thì gồm hai nghĩa. Mười ba nạn nhân thể chẳng phải ba học, pháp cách ngại hai diệt thể hư hoại.

Trong giải thích nghi, ban đầu nhắc lại lời hỏi trước, do nhiều thuyết khác cho nên hỏi giải quyết. Trong Ni bốn người hợp làm, v.v...

Đáp: Trong ban đầu nêu xưa, tức ý san phần có chấp thể.

Chữ “như” trở xuống là phá nạn, “kim” trở xuống là chánh giải lập nghĩa ở đầu, “nếu biết” tức ngay dụ này, không biết tự thuộc môn sau. “Như” trở xuống là chỉ loại, thiên sau chép: “Thọ dục rồi tự nói “tôi là người có mười ba nạn, v.v...” do tự bày cho nên chẳng được tăng dùng (đây chứng biết thì không đủ). Nếu không tự nói, trong tướng đồng thuận (đây chứng không biết thành ra đủ) không đồng ba thứ sau ngăn chọn thì là duyên trái, ở đây lấy duyên thuận”. Cho nên sau bốn dẫn dụ tức trong pháp thọ giới có người thọ giới với Hòa-thượng phá giới, sau sinh nghi, hỏi Phật, Phật giải quyết cho người đó.

Sinh nghi có bốn cho nên thành bốn câu:

1- Hỏi: Ông có biết Hòa-thượng phá giới hay chăng?

Đáp: Không biết. (Phật nói đắc giới)

2- Hỏi: Ông biết kia phá giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết không nên theo người này thọ giới chăng?

Đáp: Không biết (Phật nói đắc giới)

3- Hỏi: Ông biết người kia phá giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết không nên theo kia thọ giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết thọ giới với người này là không đắc giới hay chăng?

Đáp: Không biết. (Phật nói đắc giới)

4- Hỏi như ba câu trên, đều đáp “Biết” (Phật nói không đắc giới).

Cho nên không đủ số, câu này lệ thành nghĩa nay. Ba câu đắc giới là lệ đủ, câu sau không đắc lệ không đủ. Chữ “sở” trở xuống là năm thủ

chứng, trong văn là kiên-độ Chiêm-ba.

Trong không đủ kia, trước sau cả hai nêu ra như trên, v.v... Trong người biết chúng một nêu ra. Điều nói rằng: “Nếu tự nói là phạm biên tội, phạm Ni, v.v... Luật Thập Tụng, vẫn thấy lệ thứ ba. Trong pháp xưa, ban đầu nêu ra giải thích kia, do chấp thể cho nên tức là thọ giới bốn câu, chỗ ngăn ngại bèn cong, giải thích rằng “Kia không biết đấng giới gọi là ngoài số”.

Ở đây, trở xuống một câu là phá thẳng, Hà trở xuống là song nạn. Trên y cứ không biết nạn trái tông, vẫn dưới ước biết nạn trái pháp. Trong Ngũ Phần, Thập Tụng, Tăng-kỳ thì Hòa-thượng ở ngoài, Tứ Phần thì hạn định giữa nước là mười vị. Luật Thập Tụng một người mà nói thêm là bốn tông không có nghĩa, thẳng y cứ văn kia tăng thành số nay, cộng thành hai mươi ba vị.

Trong phần giải thích, khoa đầu trước chỉ bày chung nghĩa là đều nêu hai mươi ba loại, đều do hình lạm, đồng pháp cần lựa. Xưa cho rằng người tại gia vốn đủ giới duyên, đợi người tục hàng phục, cho nên đặc biệt ở điểm đó. Chữ “thập” trở xuống là giải thích, đầu tiên là chánh giải thích. Nghĩa Sớ chép: “Ở đây cùng biên, v.v... nào khác tội nặng ở trước”, mười ba nạn có lỗi chướng giới, ở đây người tại gia năm, tám, mười người đều tuy đồng tâm tịnh, không ngại gia pháp, tham sai không thành vẫn là tên cũ.

Chữ “cố diệt” trở xuống là trái nghĩa đó. Xưa, ban đầu bày lý do, Sớ chép: “Này không đồng, không dùng oai nghi định thể trạng của tăng, trong đủ giới kiến, tài pháp ứng tăng. Ngoài thiếu đạo tướng làm duyên cũng được. Liên biết, trở xuống là nhân bày hành sự.

Trong ba nêu, Tỳ-kheo phạm tội, chống cự rằng “không thấy”, hoặc không chịu sám hối, hoặc nói “đâm dục không chướng đạo”, gọi là ác tà không bỏ, ba loại này đều làm pháp bạch tứ nêu bỏ ra ngoài chúng, như vật không dùng nữa, cho nên nói là “ba nêu”. Câu dưới chỉ rộng tìm đó tự thấy.

Diệt tận: Ba điều trên tạm bỏ, sau hiểu lại đủ, đây tức là thường bỏ không tịnh lại như xưa.

Nên tận: Nên giống như đáng. Tội đáng diệt tận mà chưa tận, cho nên đầu tiên y cứ gia pháp chưa thành giải thích.

Ba-la-di: Nói tức là thiên đầu, do chưa thêm diệt tận, có thể gọi là “triệu”, vả lại do thiên đầu tiên thuộc về phạm pháp, cho nên nói rằng “vào”.

(Tăng tàn, lan-già, v.v... đồng với thuyết này)

Nhược, trở xuống là kế y cứ hai ba người biết mà chưa nêu giải thích. Chữ “hoặc” trở xuống là thứ ba y cứ một người riêng biết không nêu giải thích. Chữ “tinh” trở xuống là kết bày. Nghĩa Sở lại nêu là chẳng phải hiển bày chung, không có sức ngăn trị cũng gọi là “nên đỗi”. Chỗ nói “người biết” là ba căn không lạm. Cho nên quyết y cứ người biết, là muốn hiển nghĩa không đủ của môn này thì không một người nào biết mới thành đủ.

Trường hợp thứ ba, trong phần hiển tướng, câu đầu là bày số, tức hai mươi ba người, y cứ ở sau giải thích lý do. Trên nói không giải thích là đủ. Chữ “nhược” trở xuống là bày, đầu nói cũng thành. Nói vốn lấy biết, chúng đã không biết là đồng không nói, như nói ở chỗ vắng, hoặc nói ở chỗ khác v.v... y cứ trong luật hai điều trên như trước.

Văn nói rằng: Tức là trong bảy pháp diệt tránh tự nói trị duyên khởi. Ngài Mục-liên dùng thiên nhãn và lời người phạm giới ra ngoài chúng, Sao dẫn lời Phật quả. Trong chuyển chứng, ban đầu văn Thập Tụng. Câu đầu tức nên đỗi, câu kế là tặc trụ. Chữ “bốn” trở xuống hai câu là biên tội, đều đến các nạn cho nên nói là “đẳng”. “Nhược tiên” trở xuống là nay chánh y cứ. Khoa kế, Bà luận ban đầu rõ lập chế. “Cho đến” trở xuống rõ y chế. Trên rõ không kể thấy nghe, văn chỉ rõ thấy, nghe có thể so sánh đồng. Lớn nhỏ ấy, là lỗi nặng nhẹ. Chữ “nhược” trở xuống rõ không cho nói. Giải thích tự nói là trước tuy nhiều lần nói là “tự nói”, vẫn còn sợ chưa hiểu, cho nên bày tướng nói, một là phải đối trước người nói, hai là phải nói nghĩa rõ ràng khiến người khác biết mới thành không đủ. Lòng từ dạy dỗ rất tha thiết cho nên đây quanh co.

Trong phần thứ tư nêu rằng phạm pháp, pháp tức chế tội. Bốn tông bốn người, ban đầu nêu danh tướng như trong “Tăng Cương”. Chữ “ứng” trở xuống là rõ pháp thành, do chỗ phạm tình lỗi chẳng phải cực nặng. Chữ “đãn” trở xuống là bày chút lỗi, do đây phạm lỗi bạch tứ trị phạt, cho nên không được quả là vì trong ba mươi lăm việc đã chế.

Trong luật khoa là được đủ hay không được đủ người quả, còn bao nhiêu như khoa sau. Phạm Tăng tàn, bảy người là ban đầu nêu danh số, đủ như thiên sám. Bốn tông, bốn người chỉ y cứ chánh hạnh. Thứ tư, là người, thì Nghiệp Sở chỉ thêm chữ tướng, đối với tướng rất rõ (bốn này nêu ra nhân pháp, trong không ở bốn cần đủ). Luật Thập Tụng nói, ba người đều y cứ làm xong, e nghĩa là làm xong vọng toan đủ số, cho nên Nghiệp Sở chép: “Sáu đêm xong cho pháp xuất tội” là khác gì?

Đáp: Văn luật hai vị y cứ xa gần. (sáu đêm xong, mong xuất tội, xa sẽ xuất liền gần)

Lại hỏi: khác gì với người bạch tứ yết-ma?

Đáp: Trước chỉ phạm lỗi nhỏ, tình lỗi có thể quở, cho nên gồm thâm đủ số. Đây phạm lỗi gần tội chết, tội rất khó trừ cho nên không đủ.

Không đủ, trở xuống là bày chút phần nghĩa, nghĩa là chỉ trừ hối bốn pháp Tăng tàn, là không đủ, do người đồng phạm không nên đồng trị. Không ngăn trở xuống là nói về ứng pháp. Đây mười một người là y cứ số phán riêng, nên biết sao nay hoàn toàn nương luật nêu ra vẫn đồng giải xưa. Luật ấy chép: “Có người nói: Bốn yết-ma ấy chúng pháp đều thông, các pháp Tăng tàn trị cuộc hạn hai thiên sám hối” như làm này hiểu.

Có người bị quở trách lại trị người. Phạm hai thiên, khai các sám chủ, xét y cứ sự tình văn luật không rõ, do nghĩa loạn định nên chia hai đường. Nếu đồng phạm đồng trị lý không dự, thiên luật nói đủ số nghĩa là sai kết (đây là một đường). Nếu tự có phạm thì lỗi bất tịnh, do có người tội không nên giải tội, mới được ứng, bao nhiêu chẳng phải tội yết-ma (đây là một đường). Nếu làm nầy chung trước sau không ngại (y theo đây quyết trước mười một người, chỉ nên sinh thiện gọi là đủ, tất cả diệt ác, phạm trị đều không thành đủ. Sao tồn không rõ nghĩa, dùng Số bỏ đó).

Hỏi: Trước bốn sau bảy, có gì khác nhau hay không?

Đáp: Theo luật thì riêng, Số thì quyết không khác. Không ngại đồng quy về chút phần, không đủ được làm một dụ.

Hỏi: Bốn môn đồng khác, có thể được nghe chăng?

Đáp: Hai môn đầu một bề không đủ, môn thứ ba tướng trái danh đủ, môn thứ tư hoặc đủ không đủ. Lại môn đầu và sau đủ giới, hai môn giữa phần nhiều là riêng.

Ni bốn vị, v.v... có mà chẳng phải loại. Mười ba, như biên v.v... hoàn toàn không nêu, diệt đều có, toàn hoại để chia.

Hỏi: Ba dụ không đủ là gồm bao nhiêu người?

Đáp: Ban đầu là ba mươi một người, môn kế là hai mươi ba, cộng mười một người của môn thứ tư, nên thứ ba có sáu mươi lăm.

Y cứ sau riêng chúng, học hối không đủ. Nghiệp Số lại thêm trái tòa thuyết giới, cộng là hai người, không hệ thuộc dụ trước. Pháp biệt chúng phụ nêu trong bộ, chú thích hai câu trước là bày tướng. Câu trên rõ khác giới chẳng riêng, câu dưới nói chung ba nghiệp, bốn nghi. Hai câu sau kết danh để biết. Nhưng riêng, chung, năng, số thì trong năng biệt xuống đến một người là chúng pháp, tâm niệm cũng chế nhóm hết.

Nếu nói sở biệt đều chung nhiều ít.

Hỏi: Đây có khác với ăn riêng hay không?

Đáp: Trong ăn, năng biệt cuộc hạn bốn hay ba người lỗi, sở biệt đồng với trên. Lại ăn có chín duyên có thể khai pháp, không phương tiện được riêng. Ăn thì phạm Ba-dật-đề, chế trọng, nghiệp khinh, pháp chỉ phạm Đột-cát-la chế khinh, nghiệp trọng. Nếu trong một giới hai chúng bình riêng pháp thì đó là phá tăng, phạm Thâu-lan-giá trung phẩm.

Hỏi: Tên riêng chúng là năng hay sở?

Đáp: Chế lỗi ở năng, theo năng mà đặt tên.

Nghiệp Sở chép: “Nếu lấy lời liền nên nói là “biệt chúng”, có thể dùng giải quyết.

Hỏi: Thế nào gọi là biệt?

Đáp: Biệt là nghĩa khác, một và ba là nghiệp khác, hai và bốn là nghĩa khác, ba trước sau khác đều như sau rõ (trong ăn chỉ là ăn không đồng vị, tên đồng sự khác).

Trong ba nghiệp, khoa đầu nêu ra kiến-độ Chiêm-Ba. Nên đến, nghĩa là nên yết-ma. Chọn người, trước thể tịnh duyên sai, giữa là tâm, điếc, cuồng loạn, bệnh nặng, si độn, v.v... và thể cảnh đều phi, một môn là mọi người đều không nên đến. Vì vậy thứ hai nên cho giữ dục, đó là có duyên đúng như pháp. Lựa chẳng phải duyên ấy là không nên cho, cho nên thứ ba, người được quả trách nghĩa là người đủ đức đúng như pháp. Lựa không nên quả trách, như bốn thứ yết-ma, v.v...

Hỏi: Không dữ dục là người và miệng cũng không nhóm, sao không nêu?

Đáp: Thân đã không nhóm, lý không quả trách.

Hỏi: Như vậy đầu tiên thân người cũng không nhóm phải chăng?

Đáp: Kia không có duyên dữ dục, nên phải nhóm họp, cho có miệng quả, cho nên đồng không nhóm. Đây thì không phải như vậy, có duyên như pháp mới cho không nhóm.

Cho nên nếu y cứ theo Nghiệp Sở riêng ghi ba nghiệp chính là trọn ý. Ban đầu thân không nhóm, kế tâm không nhóm, sau miệng không nhóm, lại là ba hòa cũng theo riêng trải. Khoa kế, trên hai người có thể biết, sau người, tâm không nhóm, đây gọi là có việc đáng quả trách. Tâm không bằng lòng thì quyết không có việc quả, đồng với người ban đầu, cho nên sau dẫn chứng. Ban đầu tức văn Chiêm-ba, kia rõ phi pháp hòa hợp yết-ma nói rằng “Có đồng một chỗ ở, đồng một hòa hợp một chỗ yết-ma, người nên dữ dục hiện tiền dữ dục, người nên quả trách

không quở trách, tác bạch hai lần mà làm tác bạch bốn lần, bạch việc này làm việc kia”, văn này có thể chứng tướng thuận mà tâm trái.

Chữ “hựu” trở xuống tức lia pháp trong văn, đầu tiên dẫn Thân Tử (Xá-lợi-phất) hoài nghi hỏi Phật. Trên chữ “như pháp” là viết lầm, kia chính nên viết là phi pháp. Chữ “ưng” trở xuống là Phật xử đoán, kia nói rằng “Phật dạy cho im lặng” liền nêu đủ mười lăm món im lặng, như thiên yết-ma đã dẫn.

Trong bốn nghi, ban đầu dẫn bốn luật, tức trong pháp nói giới, kia nói rằng “Nhóm tỳ-kheo sáu vị nghĩ rằng” ta đến chỗ nói giới không ngại sợ các Tỳ-kheo khác làm yết-ma cho ta, nếu ngăn nói giới thì Phật đã dạy không nên, nay dùng phi pháp thế đó, là nói riêng chúng”. Kế dẫn Ngũ Phần, bốn nghi đều đồng, thân mặt hướng trái để nói chung riêng, sau dẫn Tăng-kỳ văn như trước giải thích, phần lớn y cứ trái mà nghi đồng trên Tứ Phần, nhưng văn kia trọn câu hiển bày tướng văn rõ.

Trong phần lựa chọn, phần lớn khoa đầu: 1- Thường để phán không ngại thân, không đến tăng mà là không đủ. Ẩn mất, dữ dục, trên cây, v.v... các loại, tự có đến trong tăng được thành riêng chúng, như trên trái nghi mặt lưng, v.v... Trong lựa tịnh uest, tịnh là bốn dụ ban đầu, uest là dụ thứ hai. Nhưng ba nêu, hai diệt có thể nói là uest. Ni bốn người, v.v... chưa hẳn y cứ là phạm. Người mười ba nạn không thể để phá, nhưng nay chỉ lấy cảnh chẳng phải tịnh tăng nên nói chung là uest. Uest vốn không đủ, tịnh tướng khó biết, cho nên trong chú chỉ bày tịnh. Thanh tịnh một sắc lại y cứ không phạm bốn giới trọng, vì nói sắc dụ như loại, sau chỉ cú pháp. Theo Nghiệp Sở chép: 1/ Biệt chẳng đủ. (nên đến mà không đến và không dữ dục). 2/ Đủ chẳng biệt (tức Tỳ-kheo hiền thiện đích thân tham gia cùng chúng). 3/ Vừa đủ vừa biệt (người được quở liền quở). 4- Chẳng phải đủ chẳng phải biệt (người ngu, nhập định, câm, điếc, v.v...), văn kia rất rộng chẳng học thì không biết, cho nên lược dẫn.

Trong chọn học hối, ban đầu không đủ, vì trước đã rõ.

Hỏi: Xét luận thì học hối bốn lệ thuộc về lệ nào?

Đáp: Đã hư thể căn bốn, chẳng phải tịnh tăng cho nên chẳng phải lệ đầu. Đến chẳng tùy ý, lại khai bình pháp cho nên chẳng phải lệ thứ hai. Sinh thiện diệt ác, tất cả đều đủ, lại chẳng phải lệ thứ tư. Trước đã không thấu, trong đây mới bày. Tuy khai bình pháp, phải ở ngoài số tăng, y theo đây mới biết tín nhiệm của bình pháp chẳng dùng. Và lại, lời yết-ma không qua số câu. Nếu chỉ tụng đọc thì ai mà không làm được, há được trong chúng rồi không hiểu. Văn nêu không hiểu, lời này

đáng suy nghĩ, Luật chế có khả năng nhận lãnh thì phải biết là có lý do, xem nay chớ mạo hiểm, thật là thương xót.

Chữ “biệt” trở xuống là chánh bày chỗ lựa, khai bình, dự chúng khác thứ uế kia. Đủ, biệt đều chẳng phải thà đồng dùng tịnh, cho nên nói rằng “chặng giữa”.

Kế, trong thành hay chẳng, đã rõ tướng riêng chúng thành hay không thành. Trong chánh lựa, hai câu trên của khoa đầu là rõ thành, phạm riêng trở xuống các thiên vì không hoại bốn nên biệt phạm trở xuống là nói không thành. Căn bốn đã hoại thì các pháp dứt, cho nên vẫn lại chia làm hai: Ban đầu y cứ không biết rõ thành pháp, dẫn luật không khởi có tướng để bệ uế mà khởi tướng tịnh, lý không sai. Yết-ma thành ấy, Phật phán pháp thành, tức bày chẳng riêng, tội tức Đột-cát-la. Tâm không đồng là nêu ra ý kết tội. Thứ hai, là từ chữ “phiên” trở xuống là y cứ chúng biết rõ tùy biệt. Trong tạp loại, ban đầu nêu nhân tướng. Ba cuồng gồm loạn tâm bình hoại, phải chọn hạ phẩm và trung phẩm chưa đắc pháp. Chữ “hoặc” trở xuống là rõ lý do chẳng khác, câu trên đối mười ba nạn, câu kế đối ba việc, hình sai là đối Ni, v.v...

Pháp Sa-di chưa đủ, vẫn lược câu này, Số thì đủ. Bình báo là đối ba cuồng, cam, điếc. Chữ Duyên trở xuống một câu là gồm hết bốn câu trên. Khai nghĩa là cho riêng, “phàm” trở xuống là gồm phán. Nói chưa luận ấy, chưa giống như không. Đủ là đủ số, riêng là riêng chúng. Do các người trên trong hai không nhiếp, trong đây vốn nói chẳng riêng, nhưng cùng nhân tướng chẳng đủ không khác, cho nên gồm bày (Nếu nói rằng người đủ riêng ấy, thì đây nói riêng chúng đâu được chuyên rõ đủ số, lại trước dẫn xả giới, thọ dục, tự tứ, v.v... đều y cứ đối thú, đâu phải chưa luận).

Trong chỉ lệ dùng tướng riêng, riêng chúng chánh y cứ tăng chúng riêng khác tác pháp, sợ cho là đồng ăn người khác chẳng phải riêng, cho nên ở đây nêu bày. Chúng pháp đối thú, tâm niệm có khác nhau để biết. Đối thú, tâm niệm cũng có không nhóm, như đã chọn ở trên, có thành chẳng? Đồng tăng lại rõ trong văn nêu bác bỏ thế gian để làm sinh khởi.

Trong trái, thuận, nêu chung hai câu phán định nghĩa tông, môn này đều như trước dẫn, sợ người chưa hiểu y cứ nghĩa trọng điều. Trong nghi bên ngoài, hai văn trên như ở trước. Trong luật Tử Phần, ban đầu vẫn chỉ bày, kia chỉ nói rằng “không nên như vậy”, tức là lời quở trách. Đứng ngồi đã sai, lý chẳng hòa tướng cho nên xếp vào riêng chúng, tức như trước dẫn “nên đến, v.v...” các văn. Kia chẳng hòa tướng cho

nên nói riêng chúng, rõ nay tướng không ngồi cũng chẳng hòa, là riêng không nghi. Chữ “như” trở xuống là dẫn lệ. Trong giới ăn no nói y cứ bốn oai nghi mà giải thích. Câu dưới hiểu đồng tức chỉ khoa này. Trong tâm trống rỗng, tức là tâm trái, dẫn chứng có thể biết.

Trong ngồi đứng khác nhau, khoa đầu do đời phần nhiều vọng làm nên đặc biệt chỉ bày, như nói giới đã bác bỏ, nhưng khi nói giới, vị Duy na đứng dậy đối với Thượng tọa, cho nên ở đây có lạ, còn các pháp khác ngay tòa đối đáp thì chẳng phải đã bàn. Sau chỉ nghĩ Sao phải có thuyết khác, văn kia cũng mất.

Khoa kế, ban đầu rõ hai đứng, trị phạt, chiết phục không cho ở tòa kia. Chữ “đi” trở xuống là giải thích ý cho đứng. “Dư” trở xuống rõ chế ngồi, như lìa y, gậy, túi, loại hối tội, xin phải nhún mình quỳ gối trước tăng. Quỳ đồng tướng ngồi cho nên nói là ngồi xin. Trong luật, hễ theo tăng xin pháp đều lệ năm nghi rằng: Nên đến trong tăng vén y bày vai phải, bỏ dép, lễ tăng, quỳ gối phải sát đất, chấp tay, nên nói là “nói rõ”.

Trong thứ ba, ban đầu nói khai đứng, văn nêu hai người riêng bày ý dạy. Đời nay vị Giáo thọ vào chúng trước ngồi, hỏi hòa sau đứng dậy. Bình pháp gọi là ngồi hòa đứng thưa. Ở đây do trong pháp thọ giới, chỉ y cứ gồm đáp, không nêu ra tướng trước hòa ngồi hay đứng, cho nên đến nỗi tranh cãi đến nay chưa thôi. Nay nên hỏi rằng:

- Oai nghi đứng thưa vốn là kính tăng, nay liền trước tòa đầu được trước ngạo nghễ sau cung kính. Văn Sao nói bày không được ngồi ngay, ông nay ở tòa hòa đầu chẳng ngay ư? Nếu theo lý thì không nhọc gì lằng xằng?

Hai, là nói giới sư, nếu y cứ Ni Sao cũng không khai. Kia nói rằng “Như luật, chúng lớn khai làm tòa cao như tòa Chuyển Luân mà nói giới, chưa hẳn đứng nói mà được thành. Xưa, khai đứng nói bởi sợ không thành (y cứ kia bắt chước nay dụ như theo xưa nói, ở đây biết chỉ khai cho bạch gọi một pháp). Chữ “tự” trở xuống là kế nói ngồi. Trong chú, duyên khác là khai cho bị bệnh ngồi đứng chẳng khác.

Nghiệp Sở chép: “Nếu bệnh ở chúng như trong giới cỏ phủ đất của pháp Diệt tránh”. Hai chúng cúi xuống đất trước người Yết-ma, nhất tâm nghe thọ y theo đây. Cúi, ngược, đều khai, trái thì biệt tướng, là biệt là đủ, phải kham đồng mặt tăng, cho nên ngược, cúi thì khai thành biệt, v.v...

GIẢI THÍCH THIÊN THỌ DỤC

Pháp dục có ba. Ở chỗ vắng đối thú, người năng đối gọi là dữ dục, người sở đối gọi là thọ dục. Đối chúng sinh bày gọi là nói dục. Nay chỉ nói rằng “thọ” thì: 1/ Thủ dục, bổn ý là sai người khác truyền. 2/ Ban đầu truyền sau nói, đều ở người thọ dục, một phen nêu thọ dục, nhiếp chung trước sau. 3/ Quán duyên thọ pháp đem đến trong tăng, phải, trái, thành chẳng đều quy về người thọ, trong văn có thể thấy.

Hỏi: Trong giới có tự nhiên được thọ dục không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu vậy thì đối thú biệt pháp đâu cuộc hạn pháp địa?

Đáp: Ban đầu tuy biệt pháp, sau thành việc tăng, chỉ một pháp đây còn bao nhiêu đều đối thú.

Chữ “sở dĩ” trở xuống nói rằng ngoài giới thọ không thành. Trong thiên phần lớn không nêu ra hai môn, một duyên, hai pháp đều có phải và trái, cho nên đặt tựa đề. Trong bày ý, đầu tiên đến dục. Đến bày ý dục, hai câu trên nói chỗ muốn. Sự nghĩa là yết-ma chỗ giúp, trừ hai món nói tự tứ, còn tất cả pháp khác, mau phát chớ hện, cho nên nói rằng “bất ý”. Pháp tức là pháp yết-ma chúng thường làm, nhưng có sự phát sinh phải cần giúp thêm, nên nói là “thường tình”, đây rõ sự là đến thời, pháp chỉ là thường định. Chữ “cố” trở xuống là rõ năng dục. Đối tình tức thường tình ở trước gọi là tâm tăng, thuận với tâm kia, nghĩa là do tâm thuận, tâm thuận không trái thì chẳng phải khác nhau, yết-ma được thành cho nên pháp không lỗi.

Chữ “cố” trở xuống là nêu tên kết giải thích. Chữ “nhiên” trở xuống là bày ý lập pháp, sinh khởi văn dưới. Câu đầu nói duyên sai. Tình là tâm dục, sự là duyên dục. Tâm thuận sự trái, nên nói là trái nhau. Chữ “cố lập” trở xuống là nói về pháp chế. Pháp tức không gọi dạy truyền dục. Chữ “tổng” trở xuống là hai môn chẳng có câu lời riêng. Nếu không pháp chế, sự sẽ dung lạm, cho nên nói rằng “kiểm”. “Kiểm tất” trở xuống là rõ cần dạy quán duyên có thể làm thành? Có sự là gồm đối với các pháp. “Nếu nói” trở xuống là xét cơ phải dạy, phát khởi mở bày, nhược giống như dục.

Trong ý chế, ban đầu là nêu. Chữ “phàm” trở xuống, giải thích lại chia làm hai, ban đầu nêu việc tăng, thân tâm, là lại đối không chỉ dục đến mà nói, đối với trước có thể thấy. Có thuyết nói rằng “Lời lược nghĩa quyết bao gồm”, chữ “thiết” trở xuống là rõ pháp dục. Trên rõ không khai thì mất cơ. Chữ “cố” trở xuống là bày lập pháp cho nên thành lợi ích, cử hưỡn giáo gấp nên nói là “đâu đồng”. Kia tức Tăng sự,

đây gọi là duyên dục. Tăng riêng theo hai cho nên nói là “đều làm”. Chữ “duyen” trở xuống là kết bầy.

Trong phần giải thích tên, ban đầu nêu bầy, phần nhiều đường dùng, như sau đã dẫn các văn, chữ “dục minh” trở xuống là giải thích thành. Ban đầu bầy bốn dục, sau rõ duyên dục. Chữ “linh” trở xuống là nói pháp dục, đạt tức là đến. “Cố” trở xuống là dẫn chứng. Luận chép: “Ưu tùy hỷ”. Luật nói là “phát tâm” đều là ý mong đợi. Lại bộ Câu-xá nói rằng “Dục là mong cầu chỗ làm sự nghiệp”. Duy Thức chép: “Đối cảnh ưa muốn trông mong làm tánh”, đều phù hợp với ý ở đây.

Trong nói về thể, Nghiệp Sở chép có ba: 1- Từ pháp tưởng dục làm thể (tưởng ám tâm nhóm chỗ nhiếp gọi là Pháp). 2- Từ tướng sắc thanh làm thể, hoặc động thân sắc (bình nặng hiện tướng) hoặc động tinh tướng (rộng lược bốn món). 3- Từ sự, tức đồng văn nay. Đầu tiên là gồm nêu, dục là hay cần, sự tức chỗ muốn, trừ kiết giới ngoài ra tất cả yết-ma phần lớn chia làm hai việc, nói tự tứ chế đồng tôn trọng, còn bao nhiêu pháp khác đều làm riêng.

Chữ “tự” trở xuống là giải thích riêng. Ban đầu rõ động cần, thời hạn tức nửa tháng là xong hạ. Phản là trái. Sở chép: “Quyết riêng lánh ngược, xa nêu ra cũng phạm”. “Tự hữu” trở xuống là kể rõ riêng cần. Riêng tăng cần ấy, là riêng không cần. Tăng cần ta là e trái riêng, ta không cần vì chẳng phải việc mình. “Phi” nghĩa là vô tâm đồng cần pháp sự.

Hỏi: Ba thể khác nhau thể nào?

Đáp: Ban đầu là năng dục, sau là sở dục, giữa là lời nói. Sau nêu giải thích, còn bao nhiêu nghĩa tồn lược.

Trong khai già, ban đầu rõ già. Già tức chế luật, văn chỉ kết ba món đại giới, trước yết-ma đều nói “không được thọ dục”, cho nên nói “chỉ trừ” (nghĩa y cứ ba tiểu giới, giới tràng cũng ngăn). Chữ “dư” trở xuống là nói về khai, câu đầu phán định, hai câu kế quyết nghĩa. Dục pháp chế duyên nêu ra hai kiến độ nói giới, tự tứ, Giới bốn đơn bạch xả y công đức thì bạch trước nêu hỏi dục, tự các pháp khác đều không cho nên nói là văn chẳng rõ. Trừ kiết giới pháp chế không nhận dục, còn bao nhiêu đều không chế. Ý tức là khai cho nên nói rằng “do chẳng chế”, là lý do chỉ ngăn kiết giới, lời đáp như thiên bốn có nói.

Trong duyên chia làm hai. Ban đầu chọn duyên sai, phạm giới, phi pháp, lời lược sự bao gồm, chung tất cả trị sinh tà mạng, buông lung, biếng nhác, không nêu ví dụ, đều vào duyên trái. Cốt yếu phải biết, dục pháp sự không được thôi, cho nên uốn khúc khai cho, gạn hợp, ủy lạn

đều trái ngược. Bệnh nặng khiêng đến ý giáo có thể biết. Lời thêu dệt người học càng phải rất dè dặt. Không được là ngăn chưa nói. Không thành là bác lời đã nói. Chữ “nhược” trở xuống là kể rõ như duyên, có sáu. Văn luật trong dục pháp vốn không có việc tháp. Chú thích yết-ma cũng nêu năm món, nay y cứ giới không dữ dục là thêm. Kia nói: “Việc tăng, việc chùa tháp, nuôi người bệnh đều khai cho dữ dục”, trên dẫn chánh duyên, chữ “nhi” trở xuống là bày duyên nhánh, nêu dữ dục sau giới hối, chẳng phải chánh chế là vì không nêu ra dục pháp, cho nên tăng nhận làm là bày có thể thủ. Cho nên luật Tăng-kỳ lại có lan-nhã, y, bát (sữa sang y bát), Vua, giặt, cấm đóng đều khai. Câu dưới là chỉ lược, có người nói: “Nghĩa Sao nay thấy trong Sở”.

Trong phần bác bỏ thế gian, ban đầu chỉ Sao, nhiều mạn tức tâm sai trái, vọng làm là sự trái. Pháp này tức là dục (có y cứ Ni Sao, là pháp mạn thuyết giới yết-ma, kia đây riêng đầu mối không thể nêu một dụ) “nghĩa là” trở xuống là giải thích tương. Nói không bệnh là đây y cứ duyên chung. “Vi nói khiến” trở xuống là hiển bày lỗi, đầu tiên là nói lỗi người dữ dục, khiến truyền đến tăng thành nghiệp người dạy. Y cứ vào lý, ban đầu lúc dữ dục, đối trước không biết cũng mắc ba tội. Chữ “sở” trở xuống là nêu lỗi người thọ dục, do biết không thật, tự tha đồng phạm.

Nói ba tội, tức ba vọng trên, nay không có duyên chung thì không vọng đầu, hẳn như thế tịnh cũng không vọng thứ hai, không dục nói dục, định có thể biết. Hai câu sau quả trách răn đe, Ni Sao hỏi rằng: “Không bệnh đã không nên nói được thành pháp sự chẳng?”

Đáp: Thành, mà người trước tự có tội nói dối.

Trong hai pháp dục tự nêu, khoa đầu, do luật chỉ nói rằng “Phật nói không nên xưng sự dữ dục thanh tịnh, cho Tăng sự như pháp dữ dục thanh tịnh, không hai câu trên nên nói rằng “không đủ”. Nghiệp Sở chép: “Luật nói: “Nói rộng không chánh nêu ra văn”, nay so sánh chuyển dục cắt ra cho nên nói là “bày nghĩa”.

Trong lời, câu đầu bảo trước nhớ giữ, câu kế tự nói tên, câu thứ ba thông báo việc sở dục, câu thứ tư chánh bày bốn tâm. Kế trong định nhiều ít, ban đầu bày bộ khác. Chữ “kim” trở xuống rõ không thủ, tức chỗ tựa gọi là chẳng phải điều riêng. Ban đầu bày bốn tông lập pháp phần chừng. Không kết lược, như xả giới hối, Đột-cát-la, v.v... Không nói rằng “nói ba lần”, đơn bạch, bạch nhị, không nói rằng “thứ hai, thứ ba...” là vậy.

Trong văn lại chỉ cho bạch tứ mà nói, như ba lần nói lời xin, đối

thứ, tâm niệm, thuyết giới, tự tứ đều nói thẳng rằng “nói ba lần”. Chữ “chuẩn” trở xuống là nêu pháp dụ thành, vì trong chuyển dục không kết lược. Chữ “bất” trở xuống là bác bỏ phi. Sở chép: “Có người nương theo Ngũ Phần, Tăng-kỳ”, nói rằng “chẳng nói ba lần thì không thành dục cho nên ở đây bác bỏ. Sở dĩ nói một lần thành vì Sở nói “Chớ chẳng trình tâm đến tăng”, chúng phần nhiều quên mất, nay muốn nói về sự phán khai đó, đâu chỉ hạn cuộc ba lần nói mới thành một pháp?

Trong không nhắc lại duyên, bốn yết-ma xưa dục đều xưng duyên, sợ sau nghi chấp nên đây hỏi phá. Lời dục đây chỉ nghĩa trên mà lập. Người nói tức Tăng Khải đời Tào Ngụy, lúc dịch thêm vào. Trong luật chuyển dục thì không, trước đã y cứ luật cho nên nói rằng chánh bốn. Trong rõ trái lầm, chữ xưng là khứ thỉnh, nghĩa là khi đối nói cùng câu lời trước không xứng đáng nhau. Do các yết-ma riêng chúng không cho lạc vào “phi” riêng đây lời dục có thành nghĩa pháp, cho nên đặt câu hỏi này (xưa viết là “hô”, hô nghĩa là không xưng duyên dục, vả lại trên đã nói rằng không xưng bốn chánh, “hà” chính là hỏi ngược thành chẳng? Đối lý thì không).

Trong phần đáp, câu đầu đoán thành. Chữ “đó” trở xuống là giải thích lý do, như kiết giới, xưng tướng, thọ sám, bày lời xin, đã đưa vào pháp không thể có sai. Dục chỉ thông tình đã không và pháp có trái cũng chấp nhận được. Trong luật trở xuống là dẫn chứng văn rất rõ như sau dẫn. Dục, tịnh, đồng, khác tức căn thứ tư, y cứ vốn khác nhau dục sinh, nghĩa sau giả lập có ra lời hỏi. Trong phần đáp, phần đầu bày lý do duyên khởi của luật. Dục, tịnh đều truyền theo văn, mà giải thích vẫn đồng nghĩa xưa, cho nên Sở chép: “Có người nói, v.v...” sau nêu ra giải thích nay rằng: “Dục là nêu tâm không hai để ứng với thể tăng (trong ba nghiệp, tâm miệng nhóm tức là tướng hòa). Thanh tịnh là tiêu biểu hạnh không khuyết điểm, thật thông giả dụng (giới, kiến, lợi đồng tức là thể hòa, Tăng thể giả dụng gọi là khác). Y cứ nghĩa đây chung cho tất cả các yết-ma, không thể phối hợp riêng, chỉ trừ khi tự tứ, mong tăng nêu tội là không dám bày tịnh, chỉ nói rằng “Dữ Dục tự tứ”.

Chữ “nhược” trở xuống là rõ nên nói, Bốn luật truyền riêng, do nhóm Tỳ-kheo sáu vị dữ dục không dữ thanh tịnh, trong tăng có việc khởi, người trì dục nói: “Tôi đem dục đến không được thanh tịnh, nên dừng nói giới lại”. Phật nói “Từ nay trở đi, lúc dữ dục nên gọi cả thanh tịnh” từ đây đều truyền, cho nên nói rằng “chánh chế. Chữ “bất” trở xuống là chọn lạm, cũng do người xưa chấp hành sự kia, cho nên ở đây chọn đó. Kia nói rằng: “Khi nhóm gọi thanh tịnh, (vì thường định nửa

tháng nói giới) phi thời nhóm chỉ giới dục (vì các yết-ma bất định)”, đây tức là giáo mà luật Tử Phần đã bỏ.

Trong phần giải thích đúng như pháp, đầu tiên lại giải thích, sau chỉ phi duyên. Như chúng vãng, kia nêu hơn hai mươi điều, cho đến khoa đòi rượu thịt, môi giới cho tịnh nhân, mua bán tội tử, v.v... các việc như vậy đều không cần cho. Chữ “thử” trở xuống là nói chung, trong luật cũng do nhóm Tỳ-kheo sáu vị xưng sự (nghĩa là sự trong tăng, như nói rằng “dữ dục vì việc thọ giới”), trong Tăng có việc khác xảy ra mới dừng pháp sự lại. Phật nói “Không nên xưng sự, cho nói như pháp Tăng sự dữ dục Thanh tịnh”. Các pháp sự là cần lựa kết giới.

Trong chép duyên dục, hai câu đầu trước kết, sau nêu. Chữ “vị” trở xuống là giải thích ý khai. Luật chép: “Tỳ-kheo trì dục, tự có việc khởi, Phật nói cho trao dục cho Tỳ-kheo khác”. Chữ “Tỳ-ni” trở xuống là dẫn chứng. Kia chép “Bảy pháp tương ưng nhận rồi chuyển cho một người, như vậy cho đến bảy lần đều thành văn”, nhưng chỉ được bảy lần thôi. Theo Tăng-kỳ, Thập tụng nếu chuyển liền mất, bộ chấp khác nhau. Sở chép: “Hoặc là khác tông đã bỏ, lại theo đường bộ”.

Sáu câu trong từ cú, bốn câu đầu và sau đồng như trước. Thọ mỗ giáp trở xuống một câu là lời dục trước, nếu chuyển nhiều người thì mỗi mỗi nêu tên từng người, hoặc quên thì chỉ nói rằng: “Cho nhiều Tỳ-kheo dữ dục và thanh tịnh”, còn các lợi khác thì đồng. Chữ kia xuống một câu tự tha đều nhắc lại để giao sau chuyển.

Hỏi thành chẳng: trong luật có năm thứ mà thế gian lạm dùng cho nên đây hỏi. Trong lời đáp văn ban đầu có ba, trước rõ duyên luật. Trong luật vốn vì người bệnh khai cho nên đủ tức một, rộng thiếu tức bốn lược. Chữ “lượng” trở xuống là bày lý do đủ thiếu. Chữ “văn” trở xuống là thứ hai dẫn bày, trong phần thuyết giới nói rằng “Có Tỳ-kheo bạch Phật: Có Tỳ-kheo bệnh không đến được”. Phật nói “Từ nay trở đi cho giới dục, như nói “gửi thầy dục” liền thành dữ dục (Sao để lời này ở sau, lại chữ “nhữ” viết là “ngã”, lại chữ “đa thuyết”, Chú yết-ma đồng với Luật, có thể nghiệm trong Sao truyền viết lầm). Nếu nói “tôi thuyết dục” thành dữ dục (tức câu đầu của Sao) còn ba thứ khác đều đồng, sau đây đều nói thành dữ dục.

Nghiệp Sở chia làm hai loại: Bốn lược, một rộng. Lại chia làm hai: Bốn điều thuộc miêng, một điều thuộc thân. Chữ “tiền” trở xuống là phán ba nghĩa, thì trong bốn bệnh nặng lại chia ra nặng nhẹ, ba bệnh trên dụ cho nhẹ, hiện tướng thì rất nặng. Trong rộng, bệnh tức bệnh nhẹ, còn rộng nói nặng thì có thể biết.

Khoa kế, Luật Ngũ Phần nói không dữ dục mà đứng dậy đi, kia do không dữ dục mà bỏ đi cho nên chế phải nói dục. Kia nói rằng: “Nay Tăng xử đoán việc, tôi Tỳ-kheo như trong pháp Tăng sự dữ dục”. Đây tức đồng rộng nói ngày nay. Nói không lược là y cứ ở dưới có một món hiện tướng là lược chứ không có ba món lược miệng nói. Trên phán bốn lược là bình nặng, ở đây dẫn tông khác chế gấp, tức bày miệng lược không thể dùng ngay, ý ở khoa sau.

Trong ba phần, ban đầu bày lạm có hai: Ban đầu duyên đúng như pháp, sự thì phi. Dận tin nghĩa là sai khiến đến, bảo với Sa-di thì cũng đồng sai khiến, nhưng là truyền lời. Hoặc có sau hai món duyên và pháp đều phi. Trên dẫn hai văn chánh là phá đây. Do không bình là phi duyên, liền lược là phi pháp, ban đầu xếp vào không thành. Lược nên viết âm lương là lầm. Chữ “cố” trở xuống là chỉ bày lý do kia. Dẫn bình nêu khỏe mạnh ở nghĩa khó thành, cho nên đoán lời còn tới lui ấy là do văn không nói. Vả lại, y cứ nghĩa quyết, hướng chi lược là luật khai, dục thủ thông ý, chưa thể một bề cho nên nói là khó định. Nhưng nay hành sự không thể theo hườn, bị bình mà dữ dục thì cũng cần nói rộng mới khế hợp tâm Phật.

Hỏi: Hiện tướng, bốn luật có tên là Vô tướng dục dẫn bộ khác rõ đó cho nên đặt câu hỏi này?

Đáp: Trong phần đáp ban đầu nêu bày năm tướng. Tùy bình là vì cũng chẳng phải chỉ ở đây.

Chữ “Luật” trở xuống là kể răn dè khiến rõ xét. Luật tức Ngũ Phần, do không có danh cú, sắc tướng khó phân biệt, cho nên ở chỗ thủ thâm biết chỗ hướng đến.

Trong phần nói dục, ban đầu vì người khác chia làm hai: Trước là nghĩa, sau là pháp. Nếu vì người khác truyền, thì đợi đòi mới nói. Gồm mình và người thì không cần đợi đòi. Do duyên đến không thời gian, không thể ước định, như tiện lợi (đại tiểu tiện), qua đời, có thể đợi hỏi ư?

Đủ oai nghi: như sau đã quyết. Trong pháp, câu đầu là bảo chúng đồng nghe, câu kế là nêu tên người kia. “Ngã” trở xuống một câu là truyền lời mới nhận. Chữ “kia” trở xuống hai câu là nêu ứng tăng. Chữ “nhược” trở xuống là gồm nói. Luật Tăng-kỳ là không được bốn người, tông này chỉ là thường không có mặt, nhưng ở câu kế gồm nêu các tên, nếu không nhớ thì phải nói “Tôi dữ dục và thanh tịnh của nhiều Tỳ-kheo”. Sở chép: “Ở đây y cứ mê mất”, quyết suy xét là không được chung chung.

Trong nên nói, nêu ra pháp, lời câu phần lớn đồng truyền dục, chỉ có ban đầu thừa với tăng là khác. Mà y xưa nêu duyên ấy, một là tạm mượn duyên riêng để chọn kia đây, hai là sợ kẻ hậu học không hiểu tướng duyên cho nên đặc biệt chỉ bày. Đến việc chánh nói quyết cần gọt bỏ, cho nên Ni Sao chép: “Tôi (tên...), kia (tên...)”

Trong phần tự nói, ban đầu bày pháp, cho trước văn dữ dục đồng, nhưng câu đầu lại khác, người sinh sau ngày nay không biết Tăng riêng, phần nhiều ở trong chúng mà nói “Đại đức một lòng nhớ nghĩ...” hoặc nói “Đại đức! Nhớ nghĩ...”, ngu si mê pháp, pháp e khó thành. Chữ “Tứ Phần” trở xuống là chỉ chỗ nêu ra, đây hành bộ luật khác, sự dẫn duyên có thể biết. Kia chỉ nói rằng: “Tôi là Tỳ-kheo v.v... thanh tịnh Tăng nhớ nghĩ giữ gìn”. Nay không dùng lời ấy. Khéo làm là khen khả năng kia, đúng như pháp là giải thích nghi kia. Không thọ mắc tội, kia nói là “viết Tỳ-ni”, thông rõ năm pháp: Hai pháp đầu ở chỗ vắng dữ dục, ba pháp sau là đối chúng. Lại ba pháp trước chánh thức nêu ra bốn tông, hai pháp sau gồm thực hành bộ khác, cho nên trong Chú yết-ma chỉ nêu hai pháp, rõ biết hai pháp sau y cứ trước nêu ra.

Kế trong quyết thông, do ngay lúc các nhà hành sự phần nhiều riêng nghĩa cần chỉ định, cho nên hỏi quyết. Trong phần đáp, ban đầu văn nêu bốn tướng, hai là hợp nói, hai cái nói riêng. Hai tướng trước là đối tăng lễ không lễ khác nhau, hai tướng sau thì vị thấp không thấp là khác.

Trong lấy bỏ, khoa đầu chia làm hai: Ban đầu “đến đều thành” cho đến “một bề tạm chấp nhận” y cứ văn có hai: Một, là ý cứ quên tên. Trong luật nếu không nhớ tên, chỉ nói “Rất nhiều Tỳ-kheo dữ dục và thanh tịnh. Hai, là y cứ không nói và như sau dẫn. Chữ “nhược” trở xuống là hai thủ nghĩa đoạt phá. Trong luật, v.v... là giải thích ý văn trên, quên lầm mắc tội đối với hai văn trên, không có duyên thì không được, chẳng phải thường khai.

Trên đây là giải thích chung bốn bộ, sau khuyên y cứ tông khác, văn thấy ở khoa kế. Trong văn dẫn, ban đầu Ngũ Phần nói người dữ dục dẫn người truyền kia (y theo đây là người khác truyền dục, đến trong Tăng tùy nhiều ít, phải làm thể).

Kế là dẫn luật Tăng-kỳ hai tiết, ban đầu rõ người gởi chọn cảnh có khả năng nhận lãnh. Chữ “kỳ” trở xuống là kế rõ người nhận, là tự lượng mình có thể được hay chẳng. (theo đây thọ dục thì phải chọn người tinh thông rõ ràng, theo Nghiệp Sở thì người giới đủ mà hiểu biết kém không cho trì dục). Xem hai văn này thì cũng không rõ, nói riêng

mà dặn dò chọn lựa, ý khiến trong tăng hiểu biết tên họ không lẫn lộn, dùng nghĩa này chứng minh chẳng phải nói chung.

Trong bình nghĩa, ban đầu vốn là ý dục kia. Chữ “kim” trở xuống là trách kia đồng nói. Chữ “ngũ”, trở xuống là y cứ văn giải quyết. Chánh Ngũ Phần, Tăng-kỳ tức là chỗ dẫn ở trên, nhưng hai văn trước đều nói là “trong tăng”, tức trước Thượng tọa. (hoặc có thể riêng có văn rõ như Tăng-kỳ ở trước, Tỳ-kheo bịnh tự vào trong tăng trước Thượng tọa nói, Ngũ Phần chưa thấy có văn này).

Sau dẫn Tứ Phần, năm nhóm tăng quyết rõ trên càng rất rõ. Nhưng trên dẫn văn nghĩa lấy trước nói riêng. Lại y cứ hai luật ở trước Thượng tọa vẫn đồng chấp xưa, lý tuy không hại, chỉ e chưa rít ráo khéo léo. Trong nêu lỗi pháp, Luật rõ lỗi có ba chỗ: 1/ Trong phòng. 2/ Giữa đường. 3/ Chỗ tăng. Trong văn ban đầu bày tướng lỗi, chữ “bất” trở xuống rõ thông ba chỗ, nay không chia riêng cho nên nói là gồm rõ. Bốn tông nêu số, y cứ ở dưới bày tướng gồm Nghiệp Số, nói chung là hai mươi tám. Nếu y cứ văn luật thì không có ẩn mất, nay nói ý Tổ y cứ không đủ số nên đợi đủ, nhưng là văn lược, hoặc trong đây bốn luật viết sót chứ không có ý khác.

Trong thể phi văn ban đầu có hai: Ban đầu y cứ tự nói rõ lỗi, văn nêu mười tám người cho nên không có Ni, v.v... bốn người là y cứ ý Nghiệp Số so sánh đủ số ở trước chỉ là lược không. Luật Ngũ Phần nêu như sau đã dẫn. “Nhược” trở xuống là thứ hai y cứ không nói không lỗi, chỉ đồng đủ số, tức cùng nêu hai và ba ở trước.

Trong phần dẫn chứng, hai văn đều y cứ tự nói thì bày phán trước có y cứ thật. Ngũ Phần nói tội lỗi thông quyết y theo bốn trọng, do chứng thể phi cho nên trái với trước, nghĩa là không tự nói. Thập Tụng nói đầu tiên thủ ở chỗ vắng, thủ rồi trong thâu nói “trong tăng”, người tại gia đồng ở trước, vốn thọ không được. Sa-di chẳng phải số, chẳng phải Tỳ-kheo tức hai người trên, ở đây bày lúc nói lời không nhất định.

Trong gặp lỗi duyên, ban đầu qua đời, thì y cứ Nghiệp Số. Nếu trong phòng và giữa đường có thể chẳng muốn đến, nếu ở trong Tăng chưa nói thì không thành. Đã nói ở trong tăng thì thành, còn lại như thuyết kia. Bỏ đạo, y cứ theo Số giải thích rằng “thọ rồi tự nói hoàn tục” sám hối cũng mất, vì cách tình đời. Vào ngoại đạo, nghĩa là ngoại đạo đồng ở trong chùa, ở Tây vực có nhiều, xứ này (Trung Hoa) thì không có như vậy. Bộ khác, hoặc tà đảng của Điều-đạt, hoặc bộ chấp tông khác. Giới tràng, Số nói rằng: “Nghĩ thì trước ra ngoài giới” vì đây cuộc hạn ở trong đó.

Trong giải thích chỗ khác, ban đầu là chánh giải. Chữ “tích” trở xuống là bác phi. Chữ “tự” trở xuống là so sánh quyết hai chỗ nói tự tứ, bày tướng và đồng mà hai tên xen nêu ra cho nên không đáng nghi.

Trong phần giải thích minh tướng, khoa đầu nói sau đêm ấy là y cứ gần rõ tướng, xa thì có thể biết. Trong luật kiết giới rộng, ngày mười bốn bố-tát, ngày mười ba phải đến không được thọ dục. Trong phần hỏi, do Tăng sự nhiều riêng như thọ sám, v.v... tức pháp liền thành thì không ở chỗ nói. Nếu nói tự tứ, vật người chết, y công đức, v.v... các loại, yết-ma tuy thành sự lại chưa xong, cho nên có lời hỏi này. Trong phần đáp câu đầu phán thẳng. Chữ “cố” trở xuống là dẫn quyết. Ý khai của hai luật đều ngăn mất dục, Sở chép: “Nếu chỉ kinh bạch thời tiết thì có thể biết nào nhọc gì lược” (tự tứ giảm chúng, văn lược ý đồng) cho nên biết sau kết thành. Sở dĩ như vậy vì một dục là giúp xong duyên. Hai dục là khai giáo, khai hản đợi chế, nếu cho ba duyên trước thì có thể lại truyền.

Trong phần trái nhau, văn ban đầu, thần túc là ở Luật Thập Tụng chẳng có xen cho đều là phi pháp, người ẩn mất, ba chỗ thông mất, cho nên biết thọ dục người khác rồi không được vào các chỗ giếng, hang, hầm. Lìa thấy nghe: trong Sở y cứ ba chỗ đều có, ban đầu ở trong phòng nhận rồi khởi ý không đưa, xen lìa chưa mất, đều lìa mới mất. Giữa đường nhưng khởi ý không đưa, lìa chỗ cũng như đều lìa (mất). Ba là ở trong tăng, như phần hỏi đáp ở sau.

Hỏi: Trong xưa có nhiều thuyết khác, cho nên cần giải quyết.

Trong phần đáp, khoa đầu, Sư đây là chánh chỉ người làm Yết-ma, để giải thích và xen lẫn. Nghiệp Sở chép: Nay giải đều đồng tòa lần lựa, không y cứ người làm yết-ma”. (Sở nêu nay giải, trước là nghĩa xưa không nghi). Trong văn, hai câu đầu gồm phán. Chữ “cố” trở xuống là giải thích riêng, ban đầu y cứ nói giới xen lìa thì không mất. Chữ “lìa đây” trở xuống là nói đều lìa mất. Nói hai người: người trước phải lìa thấy, người sau phải lìa nghe, thì đó là đều lìa. Chữ “tất” trở xuống là kế y cứ cách ngăn, rõ xen lìa là mất, thành trước xen không định nghĩa.

Trong giải thích ở đây, văn khoa muốn thấy số người của các bộ, cho nên theo luật Tăng-kỳ trở xuống đều là bộ khác, nhưng xét kỹ các văn giống như dẫn nói nghĩa lìa thấy nghe. Nay trước theo nghĩa chia văn làm hai: Từ trước nói về tuy nói không thành là nói đều lìa thì mất, Tăng-kỳ trở xuống đến được thành là nói xen lìa thì mất.

Trong phần đầu, ba câu trên định chỗ lìa. Trước nói, vì trước nêu tướng hiển bày giải thích lại, nhưng ở sự còn nghi cho nên không nêu

phá, đều nêu ra hai nghĩa đơi văn số sau. Chữ “như” trở xuống là dẫn bày. Chữ “tức” trở xuống phòng nhỏ, v.v... văn kia nói nối nhau không nghe được thành nói giới, nay lấy ý kia lại hiển bày tường lìa không thành thuyết dục, nhưng chẳng phải chánh văn cho nên nói Ngũ Phần giải.

Trong xen lìa lại chia làm hai, đầu tiên dẫn luật Tăng-kỳ, người thứ nhất dữ dục ở phòng, nói “trong tăng tùy gởi” liền mất, bất luận là thấy nghe. Còn bốn người khác thì hai người là bị cách ngăn, tức nghe mà không thấy liền mất, còn hai người là duỗi tay không đụng nhau, tức thấy mà không nghe liền mất (y cứ xa mà nói).

Kế dẫn luật Ngũ Phần, ban đầu rõ ngược nêu mất, tức thấy mà không nghe, ban đầu rõ chỗ che, quá tức là vượt qua. Kia y cứ không dữ dục bỏ đi, tùy chỗ bước ra liền phạm cho nên nói là “vượt qua”. Nay y cứ văn kia để bàn về mất dục: 1- Ra liền mất, cho nên trong yết-ma chỉ gọi ngược ra. Chữ “nhược tại” trở xuống là kể rõ chỗ trống, cũng tức ngược ra đã chẳng phải trong nhà cho nên hạn cuộc một tầm. Chữ “nhược phòng” trở xuống là chứng thủ so sánh tòa, có thể biết. Số nói rằng: “Tuy không rõ lời, đều là pháp và đều gọi là bố-tát”. Số có bốn câu:

1- Nghe mà không thấy, luật Tăng-kỳ nói “cách ngăn”, luật Ngũ Phần nói “mây, mù, đen, tối trước không tướng biết thì không thành thọ giới”. Lại như trái thầy nói giới ngời, thành riêng chúng, dục đều không thành).

2- Thấy mà không nghe (tức trước luật Ngũ Phần nói che, bày, ngược ra)

3- Đều thấy nghe mất (tức thân tức)

4- Đều lìa mất (Luật Tăng-kỳ nói, chỗ che, lìa thấy nghe không thành thọ giới cụ túc. Lại Ngũ Phần đồng chỗ che chướng lìa nhau không thành)

Kế, là trong bộ khác, luật Tăng-kỳ năm người, nêu ra kia đủ số, không có văn thuyết dục, vì không đủ cho nên lý chẳng phải trì dục, y cứ nghĩa thủ còn bao nhiêu người thì như trước. Nói người dữ dục, nghĩa là nhận dục của người khác rồi, tự mình lại dữ dục, dục người kia liền mất, vả lại như luật kia chuyển dục còn mất hướng gì gởi thẳng, nghĩa y cứ ba chỗ cho có lỗi này, người học phải rõ. (Xưa ghi không phải số người này, chính là trong đủ số, cách ngăn tự có năm người, nghĩa thêm một người. Nhưng văn nay và Yết-ma đều nói “Tăng-kỳ nói năm người như không đủ số, cũng không trừ dữ dục và thêm che chướng, khó có

thể làm bằng chứng để tin).

Trong luật Ngũ Phần, che, bày, ngược ra là chung vì người. “Cộng” trở xuống đến Ni, v.v... là tám. Luật Tăng-kỳ năm phép sau chánh nêu ra pháp dục. Nhiều loại nghĩa là kia có mười một, như sau tiếp tục dẫn. Người đầu Sở nói rằng: “Năng, sở đều sai”, thứ hai tức người thọ phi pháp, thứ ba tức người gởi phi, bốn tức ngu giáo mất (kia vì là người bệnh, sau khi dữ dục rồi nghe trong tăng có vị Đại đức tốt, liền đến vào chúng nghe pháp, ngồi lâu mỗi một, làm tỉnh bỏ đi vì lấy dục trước cho nên không nói lại. Sở chép: “Do thân đã đến trong tăng, duyên gởi dục trước đã bỏ cho nên phải nói lại”), năm là nạn duyên (kia nói rằng “Nếu gió lớn, mưa, hoặc lửa, hoặc sợ giặc tan chạy). Câu sau chỉ rộng cũng không hoàn toàn đồng, chuyển dục mất (đây là một không đồng), qua đêm mất (đây đồng minh tướng xuất hiện) gởi cho Tỳ-kheo-ni, Sa-di (hai điều này đồng với luật Ngũ Phần) người nhận trả giới (ở đây đồng bỏ đạo) người gởi trả giới (ở đây cũng khác nhau).

Luật Thập Tụng nói, ba người, Sở chép: “Tứ Phần cho rằng phú pháp nói rõ chẳng phải số, đầu cho thọ trì (y cứ đồng đủ số hợp có bốn chánh hạnh), gồm các bộ trước cộng bốn mươi chín vị. Đối với lựa chọn đủ số ở trước có khác nhau, ngu si, biên tội, bệnh nặng, câm, điếc, v.v... nghĩa không gởi người khác, cho nên không nói về mất. Nhận rồi bị câm, điếc và ngủ, nhập định v.v... tuy không đủ số, cũng thành trì dục. Tỳ-kheo trên cây, cành gie ra đất bên ngoài, thì đồng như ra ngoài giới ở trước, ở trong thì trái tướng trong, cả hai loại đều mất. Bốn, là người yết-ma không mất, có thể biết nên làm bốn câu.

- 1- Đủ số chẳng trì dục (che giấu, v.v... người đủ sinh thiện)
- 2- Chẳng đủ số là trì dục (tức ngủ, nhập định)
- 3- Điều phi là có thể biết.

Trong kết đoán ba câu đầu là chánh phán, đều không thành là chung gồm hai chỗ. Nói không thành là hạn cuộc trong tăng. Chữ “tri” trở xuống là bày phạm tội chung cho tự tha. Khiến tăng thành riêng, tự mình trái giáo pháp, cả hai đều mắc tội Đột-cát-la. Nay trong văn này lại tự nói. Sau dẫn văn luật: một là chứng không thành, hai là khiến gởi lại. Kia nêu năm món dục rồi nói rằng “Nếu không hiện tướng, miệng không nói thì đều không thành, v.v...” như văn đã dẫn. Sở chép: “Trước đã phi pháp, năng sở trái nghi, cho nên lại chọn người, vì bình pháp mới đến.

Trong phần gặp duyên, khoa thứ ba, trước rõ cố lằm, sau rõ gặp nạn, đều y cứ người nhận. Giữa rõ bệnh nặng là y cứ ngoài gởi dục.

Trong phần đầu, trước rõ tâm lầm, thành pháp. Chữ “nhược cố” trở xuống là nói cố tâm mắc tội, nhưng văn chỉ chế tội, không gọi là “thành chẳng”, cho nên dùng lý giải quyết. Ở khai duyên là nêu nhận định, quên ở sau. Chữ “cố tình” trở xuống là gồm bày chỗ thành. Thứ hai là giữa thứ lớp ba lần khai, như Nghiệp Sở giải: 1/ Dìu đến là tiêu biểu hòa đến tăng. 2/ Tăng đến là Tăng đem pháp đến giúp. 3- Ra ngoài giới là người bịnh nhiều, Tăng ít hợp nhau không bằng.

Chữ “đĩ cố” trở xuống hai câu là giải thích thành ba loại, hiển bày đồng nhiếp tăng tột giáo, cho nên nói rằng “lại không” v.v... Trong thứ ba có hai: Ban đầu nói về truyền tục. Trước nói ra ngoài giới liền mất dục, ở đây do nạn duyên cho nên khai tạm ra. Chữ “tất” trở xuống là thứ hai nói gặp nạn không ở, sợ nghĩa là ra ngoài giới khai thành liền dục đồng. Chữ “cố” trở xuống là dẫn văn giải quyết, phải biết riêng chúng chế gấp, tuy nạn vẫn không khai.

Hỏi: Trong việc xong có chấp thành riêng, cho nên hỏi chung đó phải không?

Đáp: câu đầu đoán thẳng. Chữ “đĩ” trở xuống là bày lý do. Câu trên bày ý dục, hai câu dưới nói chẳng phải chỗ làm, ngược lại nếu lấy duyên dục làm việc yết-ma thì cho có riêng. Sở nói rằng: Dục vốn không xứng (nghĩa là không nêu ý duyên ở sau lời đáp) Tăng vì lại biệt (chánh đồng ý ở đây) nhưng biết ý thông cho nên cả hai không trái, nghĩa phải nên đến cho nên kết phạm tội nhỏ. Văn sau dẫn quyết. Như pháp trị là tên khác của tội Đột-cát-la. Trong chuyển nạn, việc dừng là đồng mà pháp từ chối hay không, có khác nhau, cho nên dẫn tương đều như văn pháp dễ hiểu.

THIÊN GIẢI THÍCH YẾT MA:

Trong luật, yết-ma đại để có ba ngôi, khai ra thành tám phẩm, tùy sự nhỏ nhặt thì có một trăm tám mươi bốn món. Nay trong thiên này gồm rõ duyên pháp đúng hay sai, thành hay bại. Chữ “vọng” trở xuống là các thiên tùy sự mà riêng khác, nên nói là “Thông biện”.

Yết-ma là tiếng Phạm, hoặc nói là “Kiếm-mộ”, âm là “hóa-chuyển”. Trong lời chú, ban đầu dẫn văn chỉ bày, nói Sở hai nhà dịch đại thể chẳng khác. Trước gọi là “tác vi nghiệp” sau chỉ thẳng là “tác” không còn tên gọi khác. Nghiệp nghĩa là hành, tâm kích động thân miệng, nhờ duyên cấu tạo thì có công năng cao siêu được việc trước. Sở chép: “Nghiệp nghĩa là thành giúp việc trước, quyết có công thành”. Bách Luận nói là “sự” cũng là tên khác của nghiệp, đều là tạo tác, tức

nói thể làm tên.

Kế trong nghĩa tìm cầu, ở đây theo nghĩa xưa. Trong Số không thủ, kia nói rằng: “Từ xưa đến nay dịch là biện sự, đều là nghĩa này”, nhưng dùng công năng mà dịch. Chữ “vị” trở xuống là giải thích Nghĩa Số nêu ra giải kia, nghĩa là việc thành xong sinh thiện diệt ác.

Hỏi: Ở đây và Bách luận khác thế nào?

Đáp: Luận kia thẳng gây ra năng tạo không theo chỗ giải thích.

Hỏi: Vì sao Số không lấy?

Đáp: Hễ lập tên, định thể, theo dụng thì ít, như đèn có công năng chiếu tối, đèn không gọi là chiếu, nước làm tắt lửa mà nước không gọi là diệt. Nhưng chia thể, dụng, tên gọi cũng không ở đây, cho nên nhà Số chung cách giải xưa.

Trong chép ý, khoa đầu, câu trước là bày người năng bình, tức ba thiên trước, câu kế rõ pháp bị bình, tức là thiên này chung, tức là gồm chỗ lập tăng vị, chỉ còn không có người khác làm, nên nói là “kia chỉ”. Chữ “phương” trở xuống hai câu là nói về công phu, cũng tức là chỗ giúp việc, tức các thiên sau. Tăng riêng không thể nhờ pháp bày chỗ cao siêu nên nói là “phương năng”. Quần mê nặng nề, nghĩa là ba nghiệp bất thiện, giới phần rất sâu, tức nghiệp năm trụ phiền não buộc ràng tự tâm, buộc càng chặt nên nói là nặng nề. Hoặc, sinh nghiệp khổ, sinh đó không cùng nên nói là “căn sâu”. Quần mê là chỉ chánh báo trong sáu đường. Giới phần tức y báo trong ba cõi, ở đây nói vượt phạm lên Thánh do công phu yết-ma.

Lại có giải thích rằng: Câu trên là diệt ác, câu dưới là sinh thiện”, đều là nghĩa này. Tức như Số chép: “Lớn của sinh thiện không gì hơn thọ thể, lớn của diệt ác không gì hơn sám trọng”. Chữ “đức” trở xuống hai câu là chánh khen. Câu trên khen thể rộng giúp thành, câu dưới khen dụng là trên hết trong các pháp.

Trong kể cảm hóa, ban đầu bày chánh pháp đáng nghe, Như lai diệt độ, ánh sáng liền dứt, cho nên nói là “tê quang”. Chữ “đãn” trở xuống là kế nói nhờ người giáo hóa thay. Sáu câu đầu là bày nhân phi, hai câu trên rõ không ý chí, hai câu kế rõ không lời lẽ, hai câu dưới rõ không hạnh, không có ba điều này (chí, ngôn, hạnh) thì chưa đủ xưng là Tăng, huống gì làm thầy đầu tiên bình pháp của bậc Thánh, há không sợ ư? Là đồ gồm biến hóa.

Tục phong là việc đời, do tâm nhiễm thói đời cho nên tình xấu kém. Bĩ là thấp hèn, bạc là nhẹ, mỏng. Lịch là gạch đá, dụ như ngói đá không đáng quý. Văn chân tịnh là yết-ma, tham là tạp, hoặc y cứ tham

mà cầm giữ, hoặc có thể câu văn thêm bớt. Ở ba, nghĩa là vua, cha, thầy là cội gốc của luân lý con người. Vua thì nghĩa nặng, cha thì ơn nặng, thầy thì ở giữa cha và vua. Hoàng minh Tập chép: “Nghĩa ở vua và cha”, dạy dỗ ở ba người (vua, cha, thầy).

Chữ “trí” trở xuống một câu là rõ pháp phi. “Sự” trở xuống là rõ sự phi, nạp là vào. Chữ “tịnh” trở xuống là suy lỗi, lại kết ba phi, tuy làm các việc đâu biết được mất, cho nên nói là “hỗn đồng”. Dẫn chứng chia làm ba: Ban đầu rõ trái pháp, như dụ y. Chữ “như thị” trở xuống là hiển bày lỗi, giềng mối của tăng đã loạn, chúng riêng thiếu hạnh, Tam Bảo lại chìm mất, cho nên nói rằng “khiến răn dè”, v.v... Chữ “đương” trở xuống là khuyên thuận giáo, hai câu đầu là chánh khuyên, câu kế là chế tội, câu dưới là chế học.

Trong phần đối hiển, nhân pháp đồng nhau. Dục rõ người dụ như thông ngụ, pháp không cho trái. Hai câu đầu nói về người. Được thành việc trước ấy, như môn ba và bốn trong đủ số. Hai câu dưới nói về pháp. Câu trên so sánh đồng nên nói là “cũng”. Câu dưới bày khác, lậu là lọt rớt.

Trong thiên ý, hai câu trên là nói phán định đúng sai, Khắc là gọt, Phù ngôn là lời phạm. Do từ xưa tập pháp và trong đời bình xướng đều cho thêm bớt nên phải phán định. Sớ chép: “Gọt bỏ cái nhiều kia”, thêm rậm rạp cái lọt rớt kia. Đã lẫn lộn lời phạm, ẩn che Thánh giáo, cho nên nay cắt gọt lại bày rõ. Hai câu kế chánh bày ý bài, câu trên thuật văn, câu dưới mở cơ. Đề chép rằng: “Thông biện nghĩa” thấy ở đây có, tiến chẳng? Nghĩa là như, phi, thành, bại. Phân khoa, nghĩa là duyên pháp trôi chảy. Hai câu sau khuyên gặp việc nường nhờ.

Trong đủ duyên có nêu rằng: “Gồm nói là dùng mười duyên này gồm riêng chúng, cho nên nói do tạm ấy là nhờ duyên tạo thành, vì chẳng phải liền làm. Ban đầu, trọng xứng lượng, ở đây nói hễ muốn làm pháp không cho liền thêm, trước phải bàn luận duyên sự có thể được chẳng?”

Ban đầu nêu bày. Chữ “tất” trở xuống là nêu tướng. Ba tên nhân, pháp, sự chung cho năng sở, nếu y cứ Nghiệp Sớ thì cả hai đều xứng lượng, như nêu một việc phải nhờ người thành, dùng yết-ma nào, làm việc nào (sự lại có ba, tức như Sao nêu) lại ở giới nào?

Nay đây chỉ rõ việc trong ba, cẩn thận chớ có lạm nhau, chớ y cứ kiết giới y nghĩa là nhiếp y. Nói cụ, đơn là ở đây y cứ một việc có gồm nhau y cứ theo Sớ thì chia làm bảy; ba đơn, như Sao; ba phức lại có ba: 1- Nhân pháp (sai Tỳ-kheo hỏi pháp, sai người thọ tự tứ, v.v...). 2- Nhân

sự (lìa y, gậy, đũa, sai người phát thẻ... các loại). 3- Pháp sự (diệt tránh, nói giới, tu đạo, tự tứ, v.v...). Cụ túc một câu (diệt tránh, phát thẻ, bạch rằng “nói lời như vậy”, cầm thẻ chỉ ở đây đủ ba).

Nói ly hợp, ở đây y cứ một pháp giúp duyên nhiều ít, như sám sáu tụ tội, thiên khác lìa sám, thiên đồng thì có nhiều tội, ly hợp đều được. Lại như thọ nhật, thọ giới đều khai nhiều người có thể dùng để nói. Chữ “tất” trở xuống là chính thức bày tỏ xứng lượng. Trong hai việc chỉ rõ chúng pháp, hai giới đều nhiếp xen không thông nhau. Nếu nói về biệt pháp thì hai giới nói chung làm, một pháp dục chỉ hạn cuộc pháp địa. Trong ba nêu bày hai việc, sau chế quán lượng ấy tức trải tòa nhiều ít, đánh hồi dài ngắn. Trong bốn, nói khác nhau phải thông người và xứ, vẫn chỉ rõ người, người chia bốn ngôi, tùy sự dụng hợp cho nên nói là tiến dừng. Chọn lấy, nhận lãnh, cầm giữ, chứng chánh, ngoài ra tùy hỉ nhiều ít theo đó, nên nói là hơn kém. Nhưng phải phân biệt sự khác nhau của xứ, tác pháp xứ có ba, tự nhiên có sáu, nhiếp riêng phần chừng đều như thiên trước.

Trong năm có hai, ban đầu y cứ Thượng tọa khuyên cố gắng. Chữ “tu” trở xuống y cứ ba nghiệp thuận theo, như trước tức trong riêng chúng.

Trong sáu có hai, ban đầu chọn tiểu chúng. Ni ba đồng sót (nay người hành pháp người tục ở chung quanh, nghĩa là chưa thọ cụ túc thì sai Sa-di, cư sĩ không ngại. Luật pháp băng hoại là do đây), còn bao nhiêu trở xuống là chọn Đại tăng, chỉ theo trước có thể biết.

Trong bảy, vẫn nói rằng: Phải cứu xét là lời thuộc năng bình.

Trong tám, ban đầu nêu bày, lược nêu thuận tình để giải thích. Chữ “ư” trở xuống là nêu bày. Ban đầu tùy là thuận tình, chưa hẳn đã xong, nên nói là “đợi nhiều”, như thọ nhật, sai người, v.v... đều thêm xin. Hai, là lập trị nghĩa là bảy yết-ma. Vô tâm tham dự, như Số nêu mười ba nạn, bảy trị như trên (trên bảy cũng trong nêu vô tâm tham dự, hợp lý).

Tám, là tội xứ sở. Chín, là điên cuồng. Mười, là học gia. Mười một, là úp bát. Mười hai, là không lễ. Mười ba, là tấn Sa-di (lại vô tình có sáu, cũng gọi là vô tâm dự, tức là thuộc khoa sau. Nghĩa là đại giới, giới tràng, tiểu giới nhiếp y, tịnh địa, giới đường). Nên tác cử, v.v... chánh là bày ý. Tác cử, nghĩa là trong tăng, người có đức nêu tội với tăng. Ưc niệm nghĩa là chỉ định thời, xứ khiến cúi đầu tự nói. Chứng chánh nghĩa là hay bình, xét thật, biết pháp tức chỗ phạm để phục tội. Pháp tức là tội. Tăng Võng chép: “Chứng chánh tội kia được phục mới

cho đây”. Ba, là nêu dọc, không nên ở tám. Sở chép: “Như khi hành sự nêu dọc”. Thứ ba do nêu dọc rồi, sau mới nhóm tăng, nay tướng này từ tướng tướng mà nêu, thứ tư có thể hiểu.

Trong chín, ban đầu nêu pháp hỏi. Chữ “vị” trở xuống là bày người hỏi. Đáp tuy nhiều, riêng lời hỏi chẳng khác.

Trong mười, trước nêu tướng đáp. Mỗi tức riêng việc yết-ma là pháp. Chữ “vị” trở xuống là ngăn lạm, nhưng lại cần biết hai lời đáp chung và riêng. Nói đáp chung là như thọ giới ba phép đơn bạch, một phép bạch tứ. Khi sai giáo thọ gồm nói rằng: Yết-ma thọ giới, còn lại ba pháp đều không cần hỏi. Xả đọa, tự tứ, loại này có thể biết. Nói đáp riêng là bốn pháp nêu riêng, như nói rằng “sai thầy giáo thọ là yết-ma đơn bạch”.

Trong chỉ kết, ba câu trên là nêu chung, chữ “nhược” trở xuống là chọn riêng kiết giới không có thứ bảy, thọ sai không có thứ tám, đây giữ lại giải xưa. Trong Sở thì nêu có người nói, lại nói rằng: “Kiết tịnh địa không tướng”, cho nên nói là “đẳng”. Sở chép: “Nay giải đều phải đủ”, kiết giới không dục, lập duyên để rõ”. Thọ sai không xin đầu không cần thưa. Kiết tịnh địa không tướng, ở đây không tìm văn.

Luật chép: “Nên tướng tên phòng, việc kia rất rõ? Lại nói rằng: “Đối thú, tâm niệm cũng phải đủ mười”, như pháp thọ y.

- 1- Năm đại trên sắc nghĩa thêm không thành.
- 2- Sự chung cho hai giới.
- 3- Miệng gọi người đối.
- 4- Y cứ giới rõ nhóm, có thì đối thú, không thì tâm niệm.
- 5- Trước đối tướng để được.
- 6- Si độn chẳng phải số.
- 7- Thủ tục phi pháp.
- 8- Cần ý nói bàn.
- 9- Xét kỹ lời dạy trước.
- 10- Đáp hỏi đúng.

Lại như chúng pháp, tâm niệm, vả lại nêu giới: 1- Suy lường thời tiết. 2- Xét các giới tướng. 3- Làm pháp kích động. 4- Y cứ theo chỗ không người. 5- Quán kia cùng hay riêng. 6- Tự lượng đúng sai. 7- Riêng nhóm chẳng có dục. 8- Chuẩn bị thể, nước. 9- Kích động duyên nói. 10- Như duyên khởi nghiệp. Đây lại lược dẫn, rộng ở văn kia. Sau chỉ biệt pháp nên là yết-ma Tỳ Cớ.

Kế trong lập pháp nêu rằng: Thông, cuộc: Pháp, sự, người, xứ bốn món là chung, tùy trong mỗi thứ đều có tướng riêng, như ở sau sẽ thấy.

Lại khoa đầu nói phần chừng là thường trong mỗi vị đều có điều lệ, không cho lạm nhau. Vả lại, như trong pháp, ba loại, tám loại, xen nhau không thành, còn ba món kia cũng vậy.

Trong tâm niệm, ban đầu bày vị. Sự nhỏ nhất ấy, tức bốn vị. Chúng pháp đối thú gồm khai pháp, hạnh thành không phạm nêu ra ý khai. Chữ “phát” trở xuống là giải thích tên, đầu tiên chánh giải thích cảnh tức việc đã làm. Phát tâm là ý, truyền tính là miệng, phải gồm nghi thân, ba món đầy đủ mới thành yết-ma. Chữ “phi” trở xuống là ngăn lạm, e có người mê tên không thêm miệng nói, dẫn chứng minh thành chẳng thể biết. Y cứ luận tác nghiệp chẳng phải ba món không thành, nhưng do riêng bình phần nhiều không chuyên thành, cho nên theo ý riêng để đặt tên. Nhưng tâm niệm nhiều đường, như y, ăn, phòng, nhà, tùy thời khởi niệm. Trong luật đã chế thường một tâm ông, đây đồng quán hạnh, không cần miệng nói.

Trong đối thú chẳng tâm niệm ấy là nêu bốn pháp, không tăng đối thú thì rõ khai pháp. Chữ “thử” trở xuống là rõ số người. Ba người, hễ đối thì chỉ sám hối tội trung phẩm thân-lan-giá, do chế tiểu chúng cho nên chúng pháp đối thú chung, cả ba có thể biết. Bốn người, chỉ có tự tứ và sám hối xả đọa, đến sau trả y lại quy về chúng pháp. Chữ “vị” trở xuống là bày danh nghĩa. Mặt đối là, mặt ban đầu, nên nói là đối thú.

Trong chúng pháp, trước rõ pháp vị, sở bình có ba, không tham biệt pháp. Sở dĩ như vậy là trên được thông dưới, dưới không gồm trên, là do đối thú thông một, chúng pháp gồm hai, còn bao nhiêu như khoa kế. Chữ “thử” trở xuống là bày tên.

Kế trong khúc phần, khoa đầu, khúc nghĩa là cong hết. Chi tức là từ gốc mở ra. Sở chia chín phẩm, sau là lược điểm. Nhưng trong tâm niệm, chỉ như dụ riêng. Nếu y cứ bốn pháp chỉ gọi là tâm niệm, do chung hai món sau, thêm dẫn lựa đó. Trong văn ban đầu bày nghĩa dẫn, chữ “số” trở xuống là nêu tướng có thể biết.

Trong đối thú niệm, ban đầu bày bốn chế khai, gồm giải thích danh nghĩa. Đối thú là bốn chế, tâm niệm là sau khai, gốc ngọn đều bày, pháp không lẫn lộn, sau đều chung ở đây. Vả lại, sau nêu tướng đều cần thời, cốt yếu thuận theo giáo, nhiếp trì có thể vào khai cửa, như văn có thể thấy. Luật Thiện Kiến, khi thọ bát chuẩn nên gồm xả.

Trong chúng pháp niệm, khoay cứ đồng ở trước. Bộ ngoài tức Thập Tụng. Trong Đản đối thú ban đầu bày danh nghĩa, chữ “tổng” trở xuống là nêu pháp tướng. Y theo các bộ ấy là nói chung bốn khác, trước thọ xả, v.v... đều nêu ra tông khác, còn những thứ kia phần nhiều là

bốn bộ. Trong văn xen bày, nay buộc làm năm, trong ngoài giúp duyên pháp cộng có mười hai (trước tám món thọ xả, ba tịnh và thọ thuốc). Sám hối pháp phạm có sáu (từ Ba-dật-đề, sau bốn sám và hai lộ). Pháp thừa bạch có sáu (từ tăng tàn, sau bốn pháp bạch và Ni hai pháp bạch). Chế pháp có hai (y chỉ và an cư). Ly khai có năm (xả thỉnh, xả giới, bảy ngày, dữ dục, dư thực) trở về trước cộng chung có ba mươi một pháp, mà nói rằng hai mươi chín, là hai pháp sau thuộc Ni. Sở dĩ nêu là vì đối với tăng làm. Ở ngoài số là cuộc hạn Ni chúng. Vả lại, luận lược là nêu bày không hết, cho nên ở đây cần chọn lựa trái với Số: Một, là nêu số khác nhau, kia nói rằng hai mươi tám, tức hợp với pháp bạch tăng tàn, vào trong pháp bạch hành, do vì đồng là bạch hành (y cứ hành che giấu có nhiều loại bạch pháp, đều dùng bạch hành thấu đó, tìm trong thiên sám sẽ thấy). Hai, là chia phẩm khác, kia rõ chín phẩm, tức chọn trung lan-già riêng làm trung thượng, để định cần ba người tiểu chúng hỏi biên tội, cho nên ba món ly hợp là khác. Trong đây ba mươi, chín mươi đồng ở dẫn đối thú, kia lia ba mươi là chúng pháp đối thú. Trong chúng pháp đối, chỉ đồng tâm niệm, nhưng nêu ra bốn pháp, Tùy Cơ yết-ma lại thêm xả đọa, thì có năm món. Trong chúng pháp đơn bạch là hai: một, là bày pháp. Hai, là rõ tên, hai phần sau vẫn đồng dưới đây.

Ban đầu nêu ra ba câu để rõ xét cốt yếu, tổng quát ba mươi chín pháp. Sự khinh nhỏ có mười (hai mươi bảy pháp xả đọa, thọ sám, hành bát, cạo tóc, mười giới, giới cụ túc, ba pháp trước thọ y công đức, xả y công đức, phi thời hòa). Thường hành có mười một (nói giới có bốn, thường hòa diệt tránh một thêm hai thêm, tự tứ có năm, thường hòa việc nạn lược ngày dài một thêm hai thêm, tăng sám hối, tăng phát lộ). Nghiêm chế có mười tám (các lời xúc não trong diệt tránh có năm, chọn sót người trí, sót người không tụng giới, không học luật, bỏ chánh nghĩa cỏ phủ đất. Trong năm trăm kiết tập có sáu bạch, trong bảy trăm kiết tập có năm bạch, bạch hành thể không vào số vì bày không hết).

Trong bạch nhị gồm năm mươi bảy loại như sai kiết, v.v... Sự phi một mối cho nên nói là “tham thiệp”, trông tước là trọng, đối sau vẫn là nhẹ. Theo tăng xin được có bảy (hai phòng là hai, lia y, ngọa cụ sáu năm, nuôi chúng, thọ nhật, gậy túi). Tăng phế pháp có mười một (thử ngoại đạo, cuồng si và giải cuồng si, không đến học gia và giải học gia, chia vật tăng, thưởng người nuôi bệnh, chia vật người chết, giao y công đức, đem phòng cho người đời sửa hai pháp).

Sai khiển có mười bốn (chia ngọa cụ, nói tội thô, đến giáo giới Ni, năm đức giao cát, giao giữ y công đức, sám bạch y, phát thể, bảo

người sửa sang phòng, úp bát, chia cháo ăn, v.v..., trong Ni cần giáo thọ, đến câu tự tứ, sai tin thọ giới). Kiết giải có mười chín (kiết đại giới và giải, hai đồng giới, một đồng giới, ba tiểu giới và ba giải, giới tràng và giải, nhiếp y và giải, tịnh địa và giải, giới tràng kiết ăn đồng, kiết khổ tàng).

Sám trị có sáu (hai mươi bảy phép trả y, giữ bát, cho úp bát và giải, trong ni làm pháp không lễ cho tăng và giải). Bạch tứ chung ba mươi tám pháp. Đại tiểu ấy đại như thọ cụ túc, sám tăng tàn, v.v... Tiểu là can ngăn tiếp cận ở chung, v.v... Tình sai trái, nghĩa là trị phạt diệt tránh, v.v... Pháp can ngăn có mười ba (trong tăng tàn bốn phép can ngăn, trong chín mươi ác tà tấn xuất Sa-di, trong hai pháp Ni tùy cử, ni tập gần ở chung, khuyên tập gần ở chung, sân đòi bỏ Tam Bảo, phát sinh cãi cọ, gần gũi cư sĩ). Thọ pháp có hai (thọ giới cụ túc và Thức-xoa). Trị phạt có mười bốn (bảy pháp trị và bảy pháp giải). Sám pháp có năm (Tăng tàn có bốn và học hối). Diệt tránh có bốn (ức niệm, bất si, tội xứ sở và giải).

Trong tổng kết, ban đầu chánh kiết các pháp, y cứ pháp chỉ có ba, tùy sự nhiều khác cho nên nói rằng đến duyên. Chữ “nhược” trở xuống là gồm kết pháp riêng, nên biết ba vị tám phẩm theo pháp mà luận, một trăm tám mươi bốn tùy sự mà bày số. Y cứ biệt pháp này lẽ ra có năm mươi, nhưng trước chỉ có bốn mươi bảy. Tâm niệm đối thú có ba mươi ba, gồm Ni hai pháp thì có bốn mươi chín, Nghi này lại nêu toàn số, người học phải tìm đó.

Trong giải thích nghi, tai nghe là đây do thế gian truyền, rất trái số trước cho nên nêu để làm câu hỏi. Trong phần đáp, ban đầu thuận theo lời hỏi để giải thích, một trăm là tổng số, tuy việc đều có một yết-ma giúp đỡ, chặng hạn như một trăm lễ một nghĩa cung cấp thân, cho nên nói rằng gồm nêu. Chữ “diệc” trở xuống là trái lời hỏi để giải thích, thấy trong tạng nay có đề Đại Sa-môn Bách Nhất yết-ma, tức rút ra từ Thập Tụng. Số chép: “Nếu y cứ Già luận thì vừa vặn một trăm lễ một dụ, cho nên dụ kia tên đơn bạch có hai mươi bốn, bạch nhị có bốn mươi bảy, bạch tứ có ba mươi, người xưa tụng bộ khác tự lược bốn tông (Già luận tức tông Thập Tụng).

Trong chỉ tướng phi, hai câu trên của khoa đầu là bày ý cần, trên rõ phần chừng, y cứ dụng đều như, hẳn có sai, trái, thành chẳng chỗ giải thích, nghĩa phải ở nêu bày tướng phi này. Chữ “đãn” trở xuống là rõ ý lược. “Tiến không” tức là thành hay không. Chữ “tất” trở xuống là chỉ rộng, văn kia cũng mất. Sự, nghĩa hai Sao soạn thuật cho đến trong ý tựa

là lược rõ, xin rõ văn đây mới biết không lầm.

Hỏi: Đây đã lược, vì sao văn sau lại bày bày phi?

Đáp: Ở đây chỉ cho văn bày phi trong luật. Yết-ma nêu bày, trong Số lược nêu dụ như mở bốn cửa, xưa nay giải thích khoa y cứ rộng đây. Nay phù hợp ý, sao cũng không dẫn, ở đây nêu tên thẳng:

- 1- Yết-ma phi pháp phi Tỳ-ni.
- 2- Yết-ma phi pháp biệt chúng.
- 3- Yết-ma phi pháp hòa hợp.
- 4- Yết-ma như pháp biệt chúng.
- 5- Yết-ma pháp tương tự biệt chúng.
- 6- Pháp tương tự hòa hợp yết ma.
- 7- Bị quả mà không dừng Yết-ma.

Lược bày trong hai, ban đầu chánh bày phải trái. Chữ “vị” trở xuống ba câu là nói về phải, biệt tương tức pháp nhiếp sự. Chữ “nhược” trở xuống bốn câu nói về (trái), như dẫn tâm niệm chỉ giúp ba sự, nếu thêm việc khác thì thành phi nhiếp. Cho đến bạch tứ chỉ giúp ba mươi tám việc nếu thêm nói tự tứ, sai, kiết, v.v... các việc gọi là phi pháp, như là tám ngôi dụ đó có thể biết. Ở đây là y cứ pháp thêm việc xen nhau bày phi, muốn khiến người mới học lược biết tương kia.

“Nếu muốn” trở xuống là chỉ bày nghĩa phi. Nói thông biết là văn trên chỉ rõ pháp phi, chưa rõ ba thứ sau vì đều có phi. Môn này là gồm chỉ tương nhiếp một khoa. Trên dưới tức trước sau bốn vị đều có tương phi riêng, tùy ngôi gồm thâu cho nên nói rằng “gồm ngang”, tức như khoa sau đơn phức làm câu, tương kia sẽ thấy. Ngõ hầu trông mong, nhị là khác.

Trong giải thích biệt hiệu xưa chấp tên Yết-ma cuộc hạn bởi các pháp, cho nên cần giải quyết. Trong phần đáp, hai văn bốn tông, ban đầu nêu ra pháp thọ, đã khởi bạch tứ tức ba lời xử đoán. Ngài Xá-lợi-phất hỏi rằng:

- Ba lời thọ giới là khéo làm yết-ma chăng?

Phật đáp: “Là khéo làm yết-ma”. Tự chế về sau không gọi là thọ cụ túc. Chữ “cập” trở xuống tức trong thuyết giới, kia do nhóm tỳ-kheo sáu vị đến ngày thuyết giới nói năng thăm hỏi các cư sĩ làm yết-ma (tức năm giới, tam quy) nói giới (tức năm giới tương) nói pháp Phật dạy đây là Thượng Tọa nên làm. Dùng ba lời, năm giới cả hai đều đối người lại chứng đối thú. Sau dẫn luật Thập Tụng đều chứng hai pháp, kia nói có nghi nên hỏi, Phật lại giải quyết cho.

“Yết-ma” trở xuống là tiếp tục nói rằng: Sau có Tỳ-kheo đến

không cho chia.

Thứ hai rõ sự có ba: 1/ Tình sự. 2/ Phi tình sự. 3/ Nhị hợp sự. Một trăm tám mươi bốn pháp nhiếp hết ba việc này. Trong chỉ bày, do tám pháp trước riêng nêu ra tướng riêng, nên nói là không lập. Trong phần giải thích, khoa đầu có hai: Đầu tiên là bày thể tướng, văn nêu hai việc, hai hợp ở trong. Chữ “tinh” trở xuống là nói về đúng sai, do nhân pháp và giới đều cuộc hạn tự phần, sự hợp nhiều món thì phi tướng chẳng phải một, cho nên nói rằng “một duyên...”. Vả lại, như thọ giới, già nạn, y vật, phát tâm bày xin. Lại như trị nêu, khám nghiệm ba căn tác cử ức niệm, như vậy mà tìm.

Trong phần bày nhỏ nhiệm riêng, là hợp làm ư? Trong tình sự, khoa đầu văn dẫn có hai: đầu tiên dẫn người pháp, kia vì Tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, đều che giấu cả hai, một tội nhớ, một tội không nhớ, Tăng nêu pháp hai tội che giấu, nhớ thì rất tốt, không nhớ thì sai, bị Tỳ-kheo khách biết pháp quả trách, văn như Sao dẫn. Kia lại nói rằng “Tăng tác pháp sám Đột-cát-la”, chữ “thử” trở xuống là nói về sai. Kế là dẫn văn Chiêm-ba, kia rõ Ba Ly hỏi Phật, nay dẫn lời hỏi. Phật nói “Ở đây không đúng pháp”. Chữ “cố” trở xuống là nói rằng Phật phán. Chữ “thử” trở xuống phán là “sai”.

Trong ý kết có hai: Đầu tiên kết trước nêu bày, một việc là trị phạt, còn bao nhiêu thọ sám v.v... các việc đều có thể y cứ. Chữ “như” trở xuống là thứ hai nêu việc chánh, trước nêu ra tướng phi. Chữ “nhược” trở xuống là nói đúng pháp, chữ “nhi” trở xuống là ở trong như lại phân biệt. Thần nghĩa là cú đầu, do tội có chủng tướng khác nhau. Trong chủng tạo tác riêng khác, như xúc chạm phạm tăng tàn, trước nói thật phạm, nhưng việc chẳng phải bốn thời, cùng tranh trái nhau không nên gia pháp (đời truyền, kết giới cần giải để ngăn nghi. Lập nghĩa nói rằng “dầu chẳng hiểu kết, lại luống lập một pháp” xin đem văn này, Thánh pháp giúp sự có thể luống lầm ư?).

Trong phi tình lại nêu xứ phần. Nói tứ, kết, giải, v.v... các dụ phải nghiệm xét. Lìa y, gây, v.v... tức hai hợp sự, lìa y vì bị bệnh không thể mang theo, gây là vì già bệnh dùng để đỡ lúc té ngã, lìa y phải là người bệnh mà y nặng, xin gây thì già lại bệnh, có một không thành cho nên nói là đủ hai, kết cáo có thể biết.

Thứ ba, rõ người có bảy, một đến hai mươi, bốn loại tăng, ba món sai khác nhau. Trong tăng ban đầu bày ngôi vị, tức chỉ nhóm tăng. Chữ “duy” trở xuống là nói phải cuộc hạn, chữ “đãn” trở xuống là lựa phần phi. Ba trong hai ba người, ban đầu nói về đương pháp, hai câu

trên gồm nêu, chữ “nhược” trở xuống là nêu giải thích riêng. Đầu tiên nói về khai pháp. Đủ bốn người không thành là vả lại y cứ phần nhiều, tự tứ thì thành. Chữ “nhược tác” trở xuống là kế bày bốn vị, ban đầu chánh bày, quyết sau lựa chọn hỏi biên. Trước rõ sám Ba-dật-đề cần hỏi, chỉ y cứ tất và bất tất để chia ra ba mươi hay chín mươi, ở đây vẫn theo xưa. Nếu theo Số, xả đọa lạc vào trong trước chúng đối, chín mươi pháp riêng đối không cần phải hỏi, trung phẩm lan giá nhất định hỏi, hai người không thành. Chữ “nhược trì” trở xuống là lựa pháp khác không cần. Chữ “nhược thị” trở xuống là lựa phần phi. Chữ “tất” trở xuống là khuyên nương.

Trong tâm niệm, ban đầu bày chung, chữ “nhược” trở xuống là giải thích riêng, ban đầu rõ khai pháp, chỉ như trước ấy tức là trên lập pháp, trong thông cuộc khai có chừng hạn, không thể xen lạm. Chữ “nhược tác” trở xuống là bày bốn pháp.

Thứ ba, là nói rõ giới có tám: Tự nhiên là một, ba tiểu giới, ba đại giới và giới tràng. Trong tự nhiên, đầu tiên nói chúng pháp chỉ cuộc hạn. Chữ “đĩ” trở xuống là nói biệt pháp đều chung, tạp pháp như đánh kiện-chùy, bạch cáo, không hệ thuộc đối niệm chỗ nhiếp. Nói đều được là phải nhớ trừ dục, là nói nhóm hết, vả lại là nói theo pháp khai.

Trong giới tác pháp, hai người gồm bảy vị trước, ba pháp gồm tám phẩm. Trong riêng rõ, trước đối tự nhiên, gồm rõ chúng riêng, người pháp đều thông, đây thì pháp giới chỉ nói tương thông bit của các pháp. Ba tiểu giới có hai: đầu tiên nêu ba tướng, số người nói giới ấy, là cũng bày việc nạn vì không cho nhiều. Nói nạn sự là người không đồng ý muốn quả pháp. Chữ “thử” trở xuống là rõ thông, bit, đều chuyên một pháp phải chia tên chung. Còn các pháp khác thì “bit”. Thọ giới, tiểu giới trước sau bốn pháp, nói tứ riêng một, cũng có chung ấy, Số chép “Chẳng thể không nêu tội mà liền bạch sám”. “Nhược vọng” trở xuống là thứ hai một bề gọi là tắc (bit). Nhân dự nghĩa là khó tịnh không duyên, vẫn khiến liền hiểu, rõ biết chẳng thông. Giới tràng chuyển Số xưa giải trừ mười lăm pháp, xin bát, xả sám gồm bốn, tịnh địa kèm giải, y công đức lược xả, nên nói là “Đẳng”.

Lại Số, vẫn trước bày pháp hai loại đều không thông trên giới tràng (lại y công đức có sai người, vật người chết có thưởng người cực nhọc, cộng trừ mười chín). Trừ là bit còn bao nhiêu thì gọi là thông, nói tứ là y người chết, hai thứ này có nạn thông trên giới tràng. Sở dĩ trừ là vì nói giới là khắp nhóm, chế vốn ở đại giới, tự tứ, thọ nhật, y công đức cần ở chỗ an cư. Xin bát, y vật người chết quy về kho của tăng. Giải

giới cần vốn là chỗ kiết giới. Y, thực quyết nương vào tăng. Bày pháp khiến giới biết chung.

Trong đại giới, giới đường (nhà nói giới), ba tiểu giới, giới tràng, v.v... kiết giải đại giới không làm cho nên là “bít”, còn bao nhiêu thì đều “thông”, cho nên nói là “đều có, v.v...”.

Kể nói về thành hoại, trong bày lý do, đối văn bảy phi nên nói là “tùy nghĩa”, do tác nghiệp biện sự thành ở bốn duyên, lại tức đến duyên, qua câu, lựa chọn tùy mỗi việc đơn phức bao gồm. Suy tìm chẳng trái, muốn trốn cũng không có đường trốn.

Hỏi: Trước bày bốn duyên, sau nêu câu, giữa sao không nói giới?

Đáp: Vì hợp với việc. Sở dĩ như vậy vì có hai ý phải biết: Một, là muốn hơi giống văn phi đều bảy số, cho nên hoặc có thể biết pháp không có phi, chung hai giới cho nên chúng pháp thì có. Cuộc pháp ở chỗ cho nên lý do không gồm khắp, vì ít nên theo nhiều.

Trong dẫn tâm niệm, ba đơn có thể hiểu, ba phức lại y cứ trong đơn. Câu thứ tư như đối người nói, lời câu sai sót mà sám hối tội khinh Đột-cát-la.

Năm, như đối người sáu niệm, sáu việc, lưỡng lạn câu lời không sai, v.v...

Sáu, là như sám hối tội nặng Đột-cát-la, miệng không nói mà là riêng làm.

Bảy, đủ ba, là đối thú không nói, phát lồ tội sai quấy.

Bảy món khác đều như vậy, đến văn tự rõ.

Thứ hai, trong nhân phi, hai câu trên nói, riêng người, hai câu dưới tức tổn mình, nghĩa là không nương vị Luật sư thứ năm.

Trong ba, chẳng phải hạ hạ ấy, là vượt ba món an cư. Cho nên có nạn duyên là không tránh nạn mạng sống, nạn phạm hạnh. Cho nên không nương Phật, là kết hai việc trước. Cho nên bốn món sau là lược ba phức một cụ. Trong đây theo pháp lại nêu tám, bảy. Nếu theo sự thì một trăm tám mươi bốn pháp, mỗi mỗi đủ số bảy câu thì nhiều.

Trong người sai thứ ba, cũng y cứ tự tha nói cả hai, do đến khi nói giới phải cần hạnh tịnh. Trong sự phi, một người riêng bình, chúng phải đầy đủ. Thời phi là quá ba ngày.

Trong người sai thứ tư, người phạm giới cảnh uest không đủ. Có người quở, hành tịnh riêng chúng. Trong pháp phi, lời chẳng chánh là cho lẫn sai. Quở không dừng là dấu khiến như giáo nhưng làm cho người quở, không dừng cũng là sai. Trong sự phi, trên nhiệm nghĩa là

năm gian và gấm lụa thêu. Tài vật bất tịnh là do tà mạng mà có, thể, lượng, cắt rọc trong văn lược.

(tờ 200) Trong người sai thứ năm, trên rõ riêng chúng do giới đủ năm, không khai đối thú. Lại pháp đối thú không khai thọ dục, quyết cần nhóm đến lại nương ngôi cũ mới gọi đúng như pháp, hoặc phi sau kế chọn số phi. Trong sự phi, thời phi, cũng ngoài ba ngày. Nạn không đủ, là phi thời được làm, có nạn mới khai. Bốn luật thêm bớt, năm trăm là hỏi một tháng.

Thứ sáu, trong pháp phi, câu trước rõ căn bốn tòng sinh, thiên khác nên sám. Câu kế nói phạm và không phạm chưa cùng tình thật. Vọng bày, là gồm hai lỗi trên. Trong sự phi, ban đầu nói dài là phi, như mũ, vợ bằng lông tơ, bát nhỏ trắng, v.v... Kế, là nói giấu lỗi phạm, tăng không biết. Ba, là nói rõ mềm yếu không thắng yết-ma. Bốn, là nói lạm nương lời, gởi chỗ nào?

Trong người sai thứ bảy, hai câu trước nói thân riêng, câu sau miệng riêng, sự giữa là thứ ba. Ban đầu mê ba tướng, thứ hai mở hai giới, thứ ba xa xương kiết.

Trong người sai thứ tám, câu đầu là chỗ làm giới phi. Sau là năng bình phi, câu trên rõ riêng chúng. Chữ “tăng” trở xuống nói rõ số phi. Nói năm trăm, là hướng nêu đến nhiều, rõ chẳng phải dễ được. Năm mươi pháp là y cứ trong đủ số hơn sáu mươi người, nhưng môn thứ tư, mười một người vẫn đủ sinh thiện, cho nên bớt nói. Trong pháp phi, tám món ấy, tức mười món phương tiện trong pháp thọ, trừ tiểu phần pháp và giáo phát giới duyên tùy căn cơ. Yết-ma cũng lập tám thứ (1- Thỉnh sư. 2- Sắp đặt. 3- Bạch sai. 4- Ra hỏi. 5- Gọi vào. 6- Xin giới. 7- Giới Sư bạch. 8- Đối tăng hỏi). Trên tức duyên phi, dưới trình bày pháp phi. Trong sự phi, ba ngôi chúng pháp đều ra ngoài giới là phi, vì cuộc hạn chỗ.

Kết bày, trong phần đầu chánh kết, lia tám điều vào phi cho nên nói rằng “còn bao nhiêu là chánh pháp”. Chữ “đương” trở xuống là nói pháp sư đều “bít”. Chữ “biệt” trở xuống là rõ nhân, biệt phần nhiều là thông, chỉ trừ hai đản, còn bao nhiêu đều có. Chữ “quảng” trở xuống là rõ lược, văn kia cũng mất.

Khúc giải Yết-ma trước thông với riêng chúng, biệt pháp có thể hiểu, cho nên chương này chỉ rõ chúng pháp. Trong bày ý, ba câu đầu rõ ý. Cương yếu tức ban đầu giải thích văn là đại thể yết-ma (không cần gượng chia duyên cương). Thông bít ấy, tức khoa sau lựa chọn bày văn nghĩa khác nhau (không hẳn cuộc hạn chỉ một khoa). Chữ “nhược”

trở xuống là bày vọng gọi. Chữ “nhiên” trở xuống là nói về xứ phi. Hai câu trên là buông xa, hai câu dưới là đoạt lại. Nói biết xứ, là cương định không thành, duyên thông thành chẳng, chưa thể nhất khái được, cho nên nói là “không được, v.v...” (lẽ nói rằng: “Không sấm đồng”. Chú rằng: “Sấm phát ra tiếng, vật đều đồng thời ứng”).

Trong phần bác bỏ chấp văn, đầu tiên hai câu là gồm bày. Chữ “hoặc” trở xuống là hiển riêng, ban đầu bác tụng liên tục kết lược. Các pháp bạch tứ phiên dịch bớt văn, cho nên đặt lời này không phải bài tụng. Chữ “hoặc” trở xuống là thứ hai bác bỏ chuyên chấp lời câu. Câu đầu như pháp che giấu trong Luật chỉ nói rằng “mở giáp phạm tăng tàn, che giấu, nay Tăng cho kia yết-ma tùy có ngày che giấu, nhưng phạm trước có khác nhau” ngày che giấu hoặc nhiều ít, nếu y luật tụng thì không gọi là việc trước (thiên sám nói rằng “Nương Sao tác pháp được thành”, nếu y cứ văn luật nương yết-ma xưa, tức phải sửa đổi không thể kính tụng). Câu kế như pháp thưởng người cực nhọc, đủ nêu sáu vật, vật thiếu cần sửa, nay cũng nương tụng (Sau chú nói rằng “tùy có lời đó”).

Nói đều có, là như pháp thọ nhật, nêu Phật, Pháp, Tăng, duyên liền ngày nửa tháng, một tháng. Văn sự tuy đủ không nên đều nêu (Sau nói rằng “Không được đều tụng nửa tháng), đều không đúng pháp Kiết đại giới có giới tràng, Luật không văn sự không còn tăng thêm (sau nói rằng “cần thêm tướng trong ngoài”), cũng có thể đúng như pháp quả trách, văn y cứ đầu tránh, quyết có bao nhiêu phạm không thể tùy sửa (sau nói rằng: và luận đương thời chưa hẳn như văn).

Chữ “trí” trở xuống là rõ người biết quả, đâu biết chỗ thi thố. Trong bạch, đọc, như sau hỏi quyết. Ban đầu bày pháp phi, chữ “khởi” trở xuống là bày lỗi. Người kia là người dạy, trách tức là tội. Không học chẳng biết, phi pháp, ngoài tội lại thêm. Trong bác bỏ tâm sự, câu đầu bày người. Chuyên rộng, nghĩa là chẳng phải trí gượng làm trí, tuy chẳng phải ngu, vì bít lại là cuồng chọn. Chữ “quán” trở xuống là bày hành sự kia, câu đầu rõ chột nhìn dường như phải, mà sau chỉ bày lại xét thấy sai.

Ban đầu rõ nhân sự đều sai, nghĩa là người mê việc đủ, riêng, mờ cả hư hay thật, trong mộng nhìn biển mà so sánh hơn, là mê có thể biết. Chữ “lượng” trở xuống là rõ pháp phi, tuy không giữ văn cú mà tự cắt quá nhiều. Chữ “chiếu” trở xuống là tổng kết phi ở trên, trái giáo kết tội.

Trong kết cáo, hai câu đầu chánh khuyên, thêm việc không thành, mình và người đều tổn, lỗi chẳng phải nhỏ, nhẹ nên nay rất răn dè, quyết

phải chính thân học mới tránh khỏi các lỗi. Chữ “nhược” trở xuống là nói chọn người. Thượng tọa, như luật Ngũ Phần chép: tức trên không người, tuy ở đầu trong chúng quyết phải hiểu pháp, lạp cao mà không biết sao tính đủ? Cho nên sau dẫn chứng luật nêu bốn người. Thượng tọa, kế tòa là y cứ ngôi vị mà chọn người. Tụng luật, không tụng là y cứ pháp chọn người. Văn thiếu thứ tư. Nói trì luật tức là thứ ba, Sơ nói rằng: “Phi, nghĩa là tụng văn quyết gồm biết nghĩa”. Bốn, là không tụng, Sơ chép: “Tuy không liền văn nhiều tờ mà hiểu suốt thành chặng”. Lại nói rằng: “Tứ Phần gồm nêu và y cứ có khả năng, nên dự chưa rảnh cũng khai cho học hồi”. Chữ “đĩ” trở xuống là ngăn lạm, có thể biết.

Trong phần giải thích, sở dĩ chỉ y cứ người thọ mà nói, do hai pháp đây trong đời thường dùng, lại người thường tụng cũng dễ hiểu. Trong bạch năm câu, ba câu đầu, sau, chặng giữa truyền nhau làm giềng mối, bao gồm các việc lau chùi, cách thức, phép tắc. Hai câu bốn và hai gọi là duyên gốc, tức pháp đã giúp việc tùy căn cơ khác nhau, như thuyết giới nói rằng “bạch ngoạt ngày mười lăm” tức là duyên, bố-tát nói giới là bốn sự. Lại thọ giới nói rằng: “Kia theo Hòa-thượng, cho đến ba y, bát, tọa cụ, v.v...” đều gọi là duyên, “nay theo tăng xin giới” tức là bốn sự (việc gốc).

Thứ hai thì duyên và bốn đều bày. Thứ tư thì nêu riêng căn bốn, dầu có gồm duyên, phiên dịch, truyền mất trị, như chia đối tùy văn có thể hiểu. Câu đầu nói rằng “Động nhĩ thức”, sợ duyên khác việc vô tâm đồng thừa. Chữ “thinh” đọc khứ kinh. Câu kế, bố-tát, nói giới là Hoa Phạm đều nêu. Nói thành trọng, phức, San Định giới bốn sửa trước rằng: “Chúng Tăng nói giới” thì người và pháp đều nêu. Sau nói rằng: “Hòa hợp nói giới” thì bằng lòng có thể đã nêu bày, nhưng chúng cũng là Tăng, là thành câu cho nên nói “tình, sự” ấy tức tâm năng bình ẩn chứa trong việc đã thừa, không cần hòa hợp tình, phi tình, v.v...

Trong thứ ba, câu đầu không giải thích. Nếu ấy là lời chưa định, hai kỳ để hỏi. Chữ “Tăng” trở xuống là chia câu giải thích riêng. Ban đầu giải thích đến thời. Câu trên người như, câu dưới sự pháp đều như, giới ở trong sự. Bốn duyên hiện tiền là lúc tác nghiệp (đây gọi là thời của thời nghi. Nghiệp Sơ đồng với ở đây. Giới Sơ thì chia làm hai: 1/ Người đến, là Đại Sa-môn thanh tịnh vào. 2/ Thời đến là lúc ngày mười lăm bố-tát đến. Kia cuộc hạn một việc, ở đây chung tất cả, nhưng tăng phải hòa, duyên hợp đại ý không trái). Kế, giải thích bằng lòng nghe. Chữ “thinh” bình thanh. Sơ chép: “Nay y cứ tâm hòa khuyên nghe”, trước y cứ thân hòa khuyên cho nghe, hai tiếng riêng gọi là sự nghĩa

cũng trái, không hiểu hai duyên gọi là số phi.

Trong thứ tư, trước là cáo tình, cho nên phải bày cả hai, ở đây bày tỏ bằng lòng, không nhọc đều nêu.

Thứ năm, là nói rằng: “Như thị” là chỉ lời bạch ở trên, cho nên nói là “bạch kết”, nay biết nghiệp cho nên nói rằng “cáo tri” (báo cho biết).

Kế, là trong giải thích yết-ma nêu có hai: Ban đầu nêu pháp. Chữ “nội” dường như dư, lại sợ lầm chữ, gượng giải thích cũng thông, nhưng sợ vô lý. Trên dưới bày trọng rõ ý bạch, e nghi phiền phí, cho nên dự ngăn đó. Trước là chánh giải thích, rất xứng thành lâu, ở đây giúp người chưa ngộ là lợi kẻ mới học, chỉ trước sau riêng, nên nói là “các”. Văn bạch đồng với trước đã giải thích. Nói duyên triệu ấy, nghĩa là nêu duyên bảo chúng, tình sự mới bày, tức thành nghĩa triệu, dưới đây chỉ đồng rõ lược.

Kế, là trong giải thích yết-ma gồm chia. Ba lần yết-ma là pháp, chánh thể xét chúng lược đáng cho nên nói rằng chánh quyết. Tăng pháp chỗ thêm vốn là thọ giới cụ túc, cho nên nói là căn bốn. Sau nói rằng “kết thành” rõ bày ngoài thể.

Trong giải thích riêng, nêu y cứ cương duyên lại chia làm năm câu, nay đây theo nghĩa chỉ chia ba đoạn.

(tờ 201) Câu đầu chỉ có giềng mối, hai câu sau cương duyên chung làm. Vả lại đoạn đầu là đối văn bạch ở trước, cho nên nói rằng “lại nghe”. Trong sinh thiện nó là trên hết nên nói “chẳng nhỏ”. Hòa quyết nhân nghe cho nên chỉ là duyên. Đoạn hai chia làm hai: Trước duyên sau cương. Trong duyên văn lược chỉ nêu “cho đến”, nếu nói đủ thì nói rằng: “Mỗ giáp (A) đây theo Hòa-thượng mỗ giáp (B) cầu thọ giới cụ túc, mỗ giáp (A) nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng, mỗ giáp (A) tự nói thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, ba y, bát, tọa cụ (đây đều là duyên). Nay Tăng trao cho mỗ giáp (A) giới cụ túc, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng (là bốn)”.

Trong cương, nói Trưởng lão chính là gọi riêng người. Sở chép: “Sự suốt ở tăng, thành chẳng là ở riêng”, lại chép: “Hoặc có văn nói “Đại đức bằng lòng”, là hỏi riêng người, tùy thời xưng gọi. Trên là nêu văn, chánh sau lược giải thích. Hai câu trên điểm chuyên bốn riêng, hai câu dưới giải thích chung cương duyên, bày rõ ý văn.

Đoạn thứ ba chia làm hai: Ban đầu bày căn bốn thọ, nên nói là “trao”, nhưng trừ chữ “kim”, sau chữ cụ thêm chữ túc, cho đến giữa lược mỗ giáp làm Hòa-thượng. Trong cương lược ba chữ “giả mặc nhiên” ở

trên. Chữ “đơn” trở xuống là điểm bày có thể biết. Chữ “đệ” trở xuống là giải thích kết lược. Ban đầu nêu văn, chữ “nhất” trở xuống là chánh giải thích. Hai câu trên rõ được giữa, hai câu dưới bày ý chế. Trong văn kết cũng chia ra cương và bổn, “Tăng đã bằng lòng rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin nhận biết như vậy” là cương, hai câu ở trên dưới, chữ “cánh” ở giữa. “Cho mỗ (A) thọ giới, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng” lại kết trước là bổn. Chữ “thử” trở xuống là điểm văn rất dễ hiểu.

Trong ba pháp lựa chọn, thêm, bớt y cứ luật đơn bạch và bạch nhị trong bạch, hoặc chỉ có bốn câu, thiếu câu thứ hai thì gọi là bớt, nhưng vốn không thêm. Trong kia năm câu đối đãi nhau mà nói, nếu là Yết-ma và bạch tứ trong bạch thì nhất định không thêm bớt, cho nên chẳng phải chỗ bàn. Trong văn trước nêu lý do không nêu ra ba ý, hoặc là sự trọng như các pháp nói tự tứ, trả y, vật người chết, v.v... hoặc có duyên khởi như các kiết giới, cần phải Tỳ-kheo xứng tướng duyên khởi (nghĩa là Yết-ma là duyên trước chẳng phải gọi là duyên vốn chế), hoặc có lời xin như các thọ sám (nghĩa là xả đọa đơn bạch chẳng phải thọ giới và các sám khác). Không nêu sự ấy như kiết giới, thọ sám ở trên, đều là đem duyên trước vào yết-ma. Hoặc ba món trên quyết đầy đủ năm câu, hoặc chỉ bốn câu thành, ấy là trái với ba ý này, gồm không đưa vào như văn đã nêu, tức nhà nói giới và diệt tránh trong kiết tập, các bạch và các bạch nhị sai người, v.v... là ở đây. Nhưng cần biết chỉ lược thứ hai, đến câu thứ tư duyên và bổn đều nêu hẳn không có thiếu, tìm đó có thể biết. Còn bao nhiêu sau rõ thêm bớt đều năm câu. Nhưng văn luật cũng có dịch truyền sót lọt, như pháp kiết đồng ăn khác giới và kết tịnh địa, đã có duyên khởi mà nêu bốn câu như Sơ đã sắp xếp, tụng sót, viết sai tướng không nên nghi ngờ.

Trong thông bát, đơn bạch chia làm hai: Cương thì đều thông, duyên thì có thông, cuộc. Ban đầu cương có thể hiểu, thứ hai trở xuống nói về duyên. Ban đầu bày văn cuộc, chữ “nghĩa” trở xuống là kể rõ nghĩa thông. Trong yết-ma, ban đầu rõ thông, văn nêu không đủ, đến nói mới thêm. Chữ “trung” trở xuống là bày thông cuộc, chỉ trong loại bạch, trong yết bày công thành do hiểu, không nên câu nệ vào văn, cho nên nói là “không rõ, v.v...”.

Trong đúng sai, ban đầu trong cương thêm bớt một bề thuộc về phi. Trong bạch ba câu gồm một trăm mười bốn chữ, chánh thể Yết-ma một trăm mười bảy chữ, văn kết một trăm mười bốn chữ, đây đều là thẳng định, dầu không thêm bớt mà âm thanh lẫn lộn, tướng nói không

rõ cũng qui về phi nhiếp. Trong duyên đầu nói về lý thuận, do lời tuy thông, chấp nhận lý không thể trái, thường thường người ngu ở đời liền lại thêm bớt, chữ “tăng” trở xuống rõ khai chấp nhận. Câu đầu khai thêm bớt, Số nói rằng: “Như kiết đại giới tức hai dụ đồng giới tràng, tiểu giới nhiếp tăng nghĩa một, đầu được hai cái riêng, vì sao không nêu? Theo đây thì thêm cũng được, như Ngũ Phần, kiết giới tràng văn thêm “đồng một bố-tát...” (ở đây nói giới tràng và ba tiểu giới được thêm) bớt đi “hai đồng” cũng được, như các giới, v.v... Câu kế khai đổi lời, Kết Huấn bảo là “lời khác nghĩa đồng”, như nói rằng: “mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng, theo tăng cầu giới”, các loại giới tụng, mà hai câu sau kết hai phép khai ở trên. Chữ “loại” trở xuống là dẫn kệ có ba: Ban đầu dẫn bộ riêng chính, Ngũ Phần bạch và Yết-ma đại khái đều bốn câu và không câu thứ tư, luật Thập Tụng nói về pháp thọ giới rằng “Năm hạ đã đủ, y bát đầy đủ”, v.v... Lại bộ ngoài yết-ma trong cương còn có thêm bớt. Luật Ngũ Phần thì “trưởng lão bằng lòng” trở xuống không có chữ “dã”, ở lời kết “Tăng đã” trở xuống không có chữ “nhẫn”, luật Thập Tụng câu thứ tư nêu bốn. Đã nói rằng bằng lòng, là Trưởng lão im lặng, lại chữ thuyết trên có chữ cánh, cộng thêm năm chữ. Chữ “chí” trở xuống là thứ hai, dẫn phiên dịch làm chứng, Số chép: “Dịch ba y là ngọa cụ, phu cụ; Hơi được hình tướng, đánh mất, bốn thể, v.v... (như Yết-ma giảm sáu năm). Ba, là kết huấn làm chứng, chữ huấn nghĩa đồng, cho nên nói được cả hai. Chữ “cố” trở xuống một câu kết ba trường hợp trên.

Ban đầu hỏi bạch đọc nghĩa là đối chung công bạch mà đọc, rõ ràng chẳng phải thâm tụng. Như trước đã bát e sinh chấp khác cho nên ở đây quyết phá.

Trong phần đáp, câu đầu là phán định. Chữ “tuy” trở xuống là nêu lý. Không rõ quyết chẳng phải là chỗ đoán của chánh giáo. Dùng nghĩa cầu ấy, chữ “sinh” trở xuống là sở rõ, trong dụ giới bốn nói tương tự ấy là cáo chúng vì nghĩa đồng. Chữ “cố” trở xuống là dẫn bày. Không được nói nữa, đây là nói nhiều người cùng học tụng chung, cho nên không khiến lập. “Chuẩn” trở xuống là suy ý chế.

Trong ví dụ chú thuật, ban đầu rõ chú ở thế tục, “việt” nghĩa là nói trái. Tán nghĩa là tâm loạn, ngược trên là chuyên chánh. Chữ “cố” trở xuống rõ chú trong đạo. “Yết-ma” trở xuống là hợp lệ, hướng chi là so sánh. Tựa luật rõ ấy, kia nói rằng: “Thần tiên, người có năm thần thông tạo lập chú thuật”. Như lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần (trên là dụ, dưới là pháp), chữ “tất” trở xuống là nói về chế. Luật chép:

“Năm hạ không tụng giới, yết-ma, trọn đời không được lia y chỉ” cho nên nói là trọn đời.

Trong phần đích thân nghe, Tổ Sư thường dự trường dịch thuật là chỗ truyền thật đáng để làm y cứ. Hỏi: Trong phần xen làm, do Tăng Ni ngôi vị có riêng không cho xen lạm vì thế phải chọn bày?

Trong phần đáp, ban đầu rõ Ni là tăng làm. Trong văn ba pháp, do Tăng phi pháp, Ni không cung kính, sợ trái với kính giáo, được pháp mới khai. Chữ “nhiên” trở xuống là không khuất trên chỉ được xa thêm, cho nên nói rằng “không cần”, v.v... Kế rõ tăng là ni làm, cả ba đều hiện tiền, Tứ Phần lại có pháp xả giáo thọ, cũng đồng xa giúp.

Thứ ba, là hỏi: Y cứ trước chọn chúng, đã rõ không chung vẫn sợ hạnh lạm, cho nên ở đây lại bày.

Trong phần đáp, ban đầu rõ chế chung. Câu trên thẳng chế, người tại gia không đáp, ba chúng chưa đủ Ni là loại riêng, đều không chấp nhận nghe. Sở chép: “Ni đồng Tăng pháp nên dự đồng nghe”, há chẳng phải nữ loại không biết nhiều đời có thói kiêu mạn nên chế khiến tai mắt không nhìn ngắm, thì là trọng pháp tôn người. Chữ “Luật” trở xuống là dẫn bày, nếu Sa di sắp thọ giới cụ túc, Ni đến tự tứ, chỉ khai mắt thấy. Trừ chỗ làm ấy, là Sa-di thọ giới cụ túc và ba pháp trong Ni, ngoài ra không nên. Chữ “ma” trở xuống là rõ khai riêng, Bình-sa gọi đủ là Tần-Ba-Sa-la, Hán dịch là nhan sắc xinh đẹp, nghi thức Tỳ-kheo nửa tháng một lần nhóm là làm việc gì, cho nên khai riêng. Quyết nghị quy tín cho nên nói là tâm tịnh.

Thứ tư hỏi tương có khác nhau, cho nên hỏi chọn. Trong phần đáp, câu đầu gồm đáp, chữ “nhược” trở xuống là bày riêng. Hai câu trên là rõ thông, do khuyến dụ không lo trái biệt. Chữ “chí” trở xuống là rõ cuộc hạn trị cử trái não, hoặc gây ra phá tăng, tăng không được cử tăng, văn luật rõ chế trị cử có thể. Xin và thọ sám đều là thuận tình, vì sao đồng cấm không được đến bốn, người học phải tìm.

Trong phần dẫn chứng, luật Tứ Phần chứng xin trên, luật “Ngũ Phần” trở xuống là bày bộ khác. Hòa và can ngăn cũng chế, nên nói là “thông”, Mẫu Luận và Tứ Phần ở sau đều chứng trị cử. Trong văn bốn năm cùng có thể can ngăn, không lo trị tấn, thì biết không được thêm chúng. Mười lăm thứ im lặng, trong kiên-độ Tap, Xá-lợi-phát thấy là phi pháp mà Phật im lặng, do đó nói năm pháp không nên im lặng. Hoặc làm yết-ma đúng như pháp (sự tuy như pháp, duyên có khác khác, phải quở trách cho dừng) hoặc được bạn đồng ý (không lo chúng trị, ở đây đồng với Mẫu luận), hoặc thấy tiểu tội (chúng có phạm khinh, tăng

thể không mất) vì làm biệt trụ (nghĩa là ở ngoài giới) ở trong giới tràng (trong giới, giới riêng hai chỗ đây là phi) như vậy năm pháp im lặng này là phi pháp (phi pháp có tội, lại không đồng ý có thể quở trách, không lời lại là vọng im lặng). Lại có năm pháp nên im lặng:

- 1- Thấy người khác phi pháp im lặng (tức Xá-lợi-phất)
- 2- Không có bạn (cũng đồng Mẫu Luận. Sao nói là rất đồng, chỉ có bạn hai câu)
- 3- Phạm trọng (Chúng có phạm trọng, Tăng thể đã hoại vì quở trách không lợi ích)
- 4- Đồng trụ (chẳng phải biệt giới)
- 5- Ở đồng trụ địa (chẳng phải trong giới tràng, hai chỗ này như, không nên quở trách)

Năm pháp như vậy nên im lặng (ở đây khác nhau vì khai, cho nên chẳng phải vọng im)

Lại có năm việc nên hòa hợp:

- 1- Hoặc như pháp hòa hợp (người nên đến đã đến, ba nghiệp đều nhóm)
- 2- Hoặc thâm trụ đó (đáng quở mà không quở)
- 3- Hoặc dữ dục (người nên dữ dục đã dữ dục)
- 4- Hoặc theo người đáng tin nghe (tự mình không trái cho nên người khác nói là như pháp, ta cũng đồng hòa)
- 5- Trước ở trong chúng ngồi im lặng (trước là y cứ hòa khi tác pháp, ở đây rõ trước ở trong chúng bằng lòng có thể tác pháp)

Văn sau chỉ rộng, kia cũng lược bày. Thứ năm là hỏi: Dục rõ phần chừng vì biết pháp thành xứ. Trong phần đáp, câu đầu chỉ phiền nhiều, phạm có ba cách giải: 1- Hết văn kết. 2- Đến chữ thuyết. 3- Đến chữ cánh. Nay ở sau phán định tức cách giải thứ ba. Trong pháp xưa, đầu tiên là nêu nay khác xưa, cho nên sau dẫn văn chất vấn phi. Chữ “tất” trở xuống là ở bên còn giải xưa, cho nên nói rằng cả hai đều được, nhưng không quở là có thể, quở thì thành phi. Nếu từ chữ “cánh” thì không ngại với đây. Sau chỉ nghĩa Sao, tức trong thời tiết phát giới ở quyển trên, kia cũng lấy chữ Cánh, văn cũng chẳng rộng tìm, có thể thấy.

